

**ĐI TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT
LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU**

ĐI TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU



Sưu tầm và luận bàn: Tháp Bút

Hà Nội, kỷ niệm 999 năm Thăng Long

Nhân dịp kỷ niệm 1464 năm ngày hy sinh của Đô Hồ Đại vương Phạm Tu, tôi vào Đình Ngoại với mong muốn hiểu sâu hơn về vị “Tổng chỉ huy đầu tiên của quân đội nước Việt có bộ máy chính quyền”. Khi tìm tư liệu trên mạng về Người, thấy có một số blog¹ mới nêu trở lại việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu, đây là vấn đề quan tâm của nhiều nhà khoa học. Do vậy, đi tìm cơ sở đồng nhất hai nhân vật này là một vấn đề khoa học không hề giản đơn mà lại rất cần sớm làm rõ.

Là một người họ Phạm không rõ có phải là hậu duệ của danh tướng Phạm Tu hay không nhưng với tinh thần hướng về nguồn cội, chúng tôi mong sớm tìm ra câu trả lời đúng đắn của việc đồng nhất. Với người họ Phạm thì dù quê gốc của danh nhân Phạm Tu có ở Thanh Trì hay Hoài Đức, ông vẫn là danh nhân lớn của đất nước và đã được tôn vinh là một trong các Thượng Thủy tổ của họ Phạm Việt Nam. Xác định đúng quê hương bản quán của Lão tướng Phạm Tu chính là việc làm cụ thể để tri ân Tổ tiên tìm về đúng nguồn cội.

Chúng tôi luôn hướng tới để tìm sự thật của vấn đề lịch sử này. Bạn đọc có thông tin có thể tìm ra cơ sở khoa học, mong hãy chia sẻ với chúng tôi.

Chân thành cảm ơn!

HOAN NGHÊNH Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA BẠN ĐỌC

Người sưu tầm: Phạm Chí Nhân

306 K15 Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội

ĐT: 097. 986 5569

email: pdcnhan@gmail.com

Blog chuyên đề: **Đi tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu**

<http://my.opera.com/thapbut>

<http://phamtu-phucman.blogspot.com>

*ảnh bìa: Non bộ chữ Tâm trước sân Đình Ngoại
được Phạm Chí Nhân chụp 09h42 ngày 20-02-2008 là 14 tháng Giêng, Mậu Tý.
Tờ đây bút danh **Tháp Bút** bắt đầu được sử dụng.*

Đọc bản thảo: Hồng Hà

¹ Blog là một trang tin điện tử trên mạng Internet, như một dạng nhật ký điện tử trên mạng. Người viết blog gọi là blogger.



ĐÔI HỒ ĐẠI VƯƠNG PHẠM TU
(476 - 545)

Nhân ngày kỷ niệm 999 năm Thăng Long-Hà Nội, tròn 1 năm trước đại lễ 1000 năm Thăng Long, chúng ta nhắc đến mảnh đất địa linh nhân kiệt với núi Nùng sông Tô (NNST) với một nhân vật lịch sử rất tiêu biểu của Thăng Long-Hà Nội cách nay 15 thế kỷ. Danh nhân đó chính là “*vị tướng quân đầu tiên của một triều đình có tổ chức*”, lão tướng Phạm Tu-một tấm gương trong của lịch sử Dân tộc.

Thế nhưng ngày nay vai trò của ông với mảnh đất NNST mới dần được làm rõ. Một việc cản trở tiến trình tất yếu đó, chính là việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu² gây nên sự thiếu thống nhất trong giới khoa học. Điều đó làm ảnh hưởng đến việc tôn vinh vị khai quốc công thần triều Tiên Lý, người đã sinh ra, sống, dù cao tuổi vẫn đánh giặc và đã hy sinh vì mảnh đất NNST. Ngay tại hương Long Đỗ

xưa, ông đã cống hiến tính mạng cho nhân dân Vạn Xuân khi ở tuổi “*xưa nay hiếm*”. So với các vị tướng quân nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, ông xứng đáng là vị Quốc đô Thành hoàng mà nay còn gọi là Đại Thành hoàng Thăng Long-Hà Nội.

Từ lòng kính trọng một danh nhân tiêu biểu của Thủ đô, của nước Việt, chúng tôi sưu tầm tư liệu và viết chuyên đề

ĐI TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU

với tâm nguyện tìm ra đâu là cơ sở để xác định sự thật của việc đồng nhất.

Bố cục của chuyên đề như sau:

² Thường thấy việc đồng nhất thần Lý Phục Man với nhân vật lịch sử Phạm Tu còn việc đồng nhất Phạm Tu với Lý Phục Man là ít thấy. Do vậy chuyên đề này dùng thống nhất cụm từ “*đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu*” và có thể gọi tắt là *việc đồng nhất* hoặc *vấn đề đồng nhất*.

Sử dụng bài ***Lão tướng Phạm Tu*** của GS. Lê Văn Lan để đặt vấn đề: “việc đồng nhất Phạm Tu với một vị thần là Lý Phục Man, được sách cổ “*Việt điện u linh*” chép từ đầu thế kỷ 14, và là vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết.”

I. Những tư liệu đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu (gồm 6 bài chính)

II. Tư liệu về Phạm Tu (gồm 6 bài chính)

III. Tư liệu về Lý Phục Man (gồm 7 bài chính)

IV. Đi tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu (gồm 9 bài chính)

Đây là nội dung chính của chuyên đề này với các bài viết giải quyết từng việc cụ thể như nguyên nhân đồng nhất, thời gian xuất hiện đồng nhất, mức độ đồng nhất, những người đã đồng nhất, ...

1. *Tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu qua tài liệu cổ*

Để tìm ra cơ sở phải tìm ra việc đồng nhất này “*nói có sách, mách có chứng*” hay không? Thư tịch cổ vẫn là căn cứ quan trọng nhất. Không tìm thấy việc đồng nhất từ thư tịch cổ hiện có.

2. *Xác định thời gian xuất hiện việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu*

Căn cứ thông tin xuất hiện việc không đồng nhất và đồng nhất để xác định mốc thời gian chính thức xuất hiện sự việc.

3. *Trả lời một số ý kiến của blogger Người làng Giá về danh tướng Phạm Tu ở Thanh Liệt*

Phủ nhận lại việc Người làng Giá phủ nhận: Phạm Tu không phải là người Thanh Liệt, Phạm Tu không phải là lão tướng.

4. *Góp ý với tác giả Trương Sĩ Hùng và Ban biên tập Thông báo Hán Nôm 2009*

Đóng góp ý kiến về một số điểm chưa phù hợp trong bài viết “*Danh tướng Phạm Tu-Lý Phục Man là một hay hai người*” đăng trên ấn phẩm uy tín của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

5. *Sự tích về Lý Phục Man, những điều khó đúng vững trong cuộc sống và trong lịch sử Dân tộc*

Từ *Sự tích* cho thấy tướng quân Lý Phục Man phần nhiều vẫn sống trong tưởng tượng từ thời Lý Thái Tổ đến nay.

6. *Những cuốn sách viết về danh tướng Phạm Tu và Lý Phục Man*

Bài viết này nhằm tìm hiểu mức độ đồng nhất thể hiện chủ yếu qua các cuốn sách.

7. *Tìm cơ sở đồng nhất từ văn bia Quán Giá*

Đây là căn cứ chính xác định xem việc đồng nhất có đủ cơ sở khoa học không.

Trong khi các nhà khoa học còn nghi vấn: có thể Lý Phục Man không phải là nhân vật lịch sử. Thay vì việc trước tiên phải chứng minh Lý Phục Man là nhân vật lịch sử, bằng cách đồng nhất vị thần này với danh tướng Phạm Tu, có thể đã làm lạc hướng chú ý.

8. ***Điều rút ra từ công trình nghiên cứu về Lý Phục Man của GS. Nguyễn Văn Huyền.***

Công trình này là một nghiên cứu khoa học, khách quan có thể xem là một căn cứ quyết định cho việc rút ra nhận xét: thiếu cơ sở để đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu.

9. ***Có đồng nhất tả tướng Phạm Tu với phò mã Lý Phục Man được không?***

Bằng một số chứng minh cho thấy việc đồng nhất hiện nay là không phù hợp và thiếu cơ sở khoa học.

Thay lời kết

Nhớ về Lão tướng Phạm Tu (gồm 5 bài)

Cuối mỗi bài viết các mục I, II, III (phần sưu tầm tư liệu) có nêu một số chú thích của chúng tôi.

*

Do nguồn tư liệu hạn chế nên sẽ không tránh khỏi thiếu sót, mong nhận được ý kiến đóng góp của quý vị.

Chân thành cảm ơn các nhà nghiên cứu đã cho chúng tôi thông tin viết chuyên đề này. Chính những ý kiến đồng nhất đã cung cấp tư liệu và giúp chúng tôi tìm hiểu sâu thêm về danh nhân Phạm Tu. Một lần nữa “*phủ định của phủ định*” để làm sáng rõ về thân thế sự nghiệp của Lão tướng Phạm Tu quê ở Thanh Liệt.

Cám ơn sự động viên giúp đỡ và chia sẻ của bạn đọc xa gần.

Long Biên, ngày 08/10/2009

Tháp Bút

*(có sửa chữa bổ sung đến ngày 28/8/2010
nhân 1465 năm ngày hy sinh của Danh tướng Phạm Tu)*

Về việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu, theo GS. Lê Văn Lan thì đây là “*vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết*”. Xin đăng bài viết của nhà sử học này có trên trang web **Sưu tập** <http://suutap.com/>:

LÃO TƯỚNG PHẠM TU

Lê Văn Lan

Những phát hiện sử học mới đây của Giáo sư Lê Văn Lan và Giáo sư Shiro Momoki (Đại học Osaka-Nhật Bản) cho biết, ông sinh năm 476 tại xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì Hà Nội và mất tại cửa sông Tô Lịch (Hà Nội) năm 545 sau Công nguyên.

“*Trong lịch sử nước ta, ông là vị tướng quân đầu tiên của một triều đình có tổ chức*”-đó là lời nhận định về Phạm Tu trong cuốn “*Từ điển văn hóa Việt Nam*” (Nhà xuất bản Văn hóa Hà Nội, 1993).

“*Một triều đình có tổ chức*” ở đây, là triều đình của nhà nước Vạn Xuân thời Lý Nam Đế, cách nay đã 15 thế kỷ! Tuy nhiên, hẳn vì thời gian quá xa nên sử liệu gốc về ông, để lại cho đến nay, thật hết sức hiếm.

Trong bộ sử cổ nhất còn sót lại được đến nay là “*Đại Việt sử lược*”, giữa những trang dòng nói về Lý Nam Đế và nhà nước Vạn Xuân hồi thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên không có chữ nào chép về ông.

Đến bộ chính sử “*Đại Việt sử ký toàn thư*”, thì cũng chỉ có hai lần xuất hiện tên ông. Trong biên niên về năm Quý Hợi (543 sau Công Nguyên), ta thấy lần đầu tiên, tên Phạm Tu được chép trong văn cảnh như sau: “*Mùa hạ, tháng tư, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua (Lý Nam Đế) sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở quận Cửu Đức*”. Lần thứ hai, dưới cái tên mà bản dịch của Viện sử học (in năm 1967) viết là “*Phan Tu*”, ta thấy biên niên sử, năm Giáp Tý (544 sau Công nguyên), nói đến việc Phạm Tu được Lý Nam Đế cử đứng đầu hàng quan võ (cùng với Triệu Túc: thái phó, và Tinh Thiều: đứng đầu hàng quan văn) của triều đình Vạn Xuân.

Sử liệu gốc về “*vị tướng quân đầu tiên của một triều đình có tổ chức*” trong lịch sử rất lâu đời của nước ta, vắn vỏi chỉ có thế.

Chính vì vậy mà việc nhận diện, nhận chân về Phạm Tu trở nên vừa khó khăn, mơ hồ, vừa mâu thuẫn, phức tạp.

Chẳng hạn như những dòng viết về ông sau đây, trong bộ “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*” (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 744): *Quê làng Giá, thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội (nay là Hà Tây). Ông được vua Lý phong tước Phục Man tướng quân, đổi theo họ vua là Lý, nên cũng gọi là Lý Tu hay Lý Phục Man, lại được vua gả công chúa Phương Dung cho... Mộ và đền thờ ông, nay hãy còn di tích tại quê ông ở làng Giá.*

Như vậy, ở đây có việc đồng nhất Phạm Tu với một vị thần là Lý Phục Man, được sách cổ “*Việt điện u linh*” chép từ đầu thế kỷ 14, và là vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết. Do đó, nảy sinh một vấn đề trước tiên là: Quê hương bản quán của Phạm Tu ở đâu? Bởi vì, trong khi “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*” cho rằng Phạm Tu là người có quê ở làng Giá (Yên Sở, Hoài Đức, Hà Tây) thì, chẳng hạn như “*Từ điển văn hóa Việt Nam*” hoặc vừa đây, sách “*Thành hoàng Việt Nam*” (Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tập II, tr. 565) đều khẳng định rằng: ông là người quê làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội; hoặc “*quê ở thôn Vãn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội*”.

Về thời gian mất của ông, thì có lẽ người ta chỉ biết căn cứ vào hai câu sau đây trong tập diễn ca thế kỷ 18 “*Thiên Nam ngữ lục*”.

Vua cùng tướng quân Phạm Tu

Vào Khuất Liêu động thác hư lên trời

Mà việc vua Lý Nam Đế mất ở động Khuất Lão (Khuất Liêu) thì được tính là vào năm 548, cho nên sách “*Thành hoàng Việt Nam*” mới chép về năm mất của Phạm Tu cũng là năm 548. Trong khi đó, nhiều tài liệu khác-trong đó có sách “*Lịch sử Việt Nam, tập I*” (Nhà xuất bản Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tr. 411) lại đều khẳng định là Phạm Tu hy sinh năm 545.

Cả về nơi mất của ông nữa, trong khi, chẳng hạn “*Từ điển văn hóa Việt Nam*”, hẳn là dựa theo “*Thiên Nam ngữ lục*” viết rằng Phạm Tu mất tại động Khuất Liêu (một địa danh, lại cũng từng được đoán định vị trí khá là khác nhau: hoặc ở miền tây Phú Thọ, hoặc ở phía nam Tuyên Quang) thì, sách “*Hà Nội nghìn xưa*” (Sở văn hóa thông tin Hà Nội, xuất bản 1975) lại khẳng định rằng, đó là “*miền cửa sông Tô Lịch (trung tâm Hà Nội cổ)*” (tr. 112).

Giữa những thông tin bộn bề trái ngược như thế về vị lão tướng quân họ Phạm ở thế kỷ 6, may thay, gần đây, đã có những công phu để bắt được sóng tín

hiệu từ một trung tâm phát sóng rất có giá trị, ở một làng cổ ven đô Hà Nội: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì.

Có lẽ, người đầu tiên phát hiện và khai thác được nguồn tài liệu địa phương quan trọng ở đây, là học giả Vũ Tuấn Sán (Chí Kiên). Nhiều thông tin đặc sắc về Phạm Tu, trước đây chưa mấy được biết đến, được ông công bố sớm trong sách “*Danh nhân Hà Nội*” (Hội văn nghệ Hà Nội, xuất bản 1973) để rồi sau đó, hợp tác với Giáo sư Trần Quốc Vượng viết thêm vào trong sách “*Hà Nội nghìn xưa*”, đã rọi nhiều tia sáng vào lớp mây mù đang vây phủ nhân vật lịch sử lớn, mà đến năm 1998 này đã là ngày giỗ lần thứ 1453.

Thế hệ những người họ Phạm, đang sống ngay tại xã Thanh Liệt cũng như ở khắp nơi: Hà Tây, Hà Tĩnh, Ninh Bình... và nội đô Hà Nội, lần theo sợi chỉ ẩn hiện trong suốt 15 thế kỷ lịch sử đã qua, để nối mình với nguồn cội, tổ tiên: Lão tướng quân Phạm Tu, đã tạo điều kiện để cho thêm một lần nữa, những thông tin, tín hiệu về một vì sao trên bầu trời lịch sử thế kỷ 6, phát đi từ quê hương Thanh Liệt, lại được hiển hiện.

Đầu tháng Bảy lịch Trăng, sắp đến ngày giỗ lần thứ 1452 (năm 1997) và chuẩn bị cho ngày giỗ lớn vào năm 2000 của Phạm Tu, chúng tôi cùng Giáo sư Shiro Momoki ở đại học tổng hợp Osaka (Nhật Bản) đã có thêm một dịp hành hương về xã Thanh Liệt.

Gần 8.000 con người sống trong ngôi làng rộng đến 4 km² này, đều coi nơi đây chính là quê hương của Phạm Tu, mà họ kính cẩn gọi là Đức Thánh của làng, là Đô Hồ Đại vương, hoặc có nhắc đến tên, thì kính trọng gọi đầy đủ là Phạm Đô Tu.

Có thể hiểu những tên và danh hiệu này, khi đọc được ở đây, bản thân tích của làng, với tên gọi đầy đủ là: “*Cảm ứng cư sĩ Phạm Tu, thụy Đô Hồ Đại vương, thượng đẳng thần sự tích*” do “*Tiên chỉ Vũ Văn Đức, Phụng Nghị đại phu, sao lục ở Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ*” từ năm Giáp Tuất, niên hiệu Bảo Đại 9 (1934). Bản thân tích này chép rằng: chính Lý Nam đế đã sai quan Thái giám về làng Thanh Liệt, phong cho Phạm Tu làm “*Long Biên hầu, thụy Đô Hồ, Bản cảnh thành hoàng*” và thừa nhận làng Thanh Liệt, quê hương ông, là “*Thanh mộc ấp*” (ấp tắm gội-đất phong tặng).

Ở ngôi “*Đình Ngoại*”, có tên Ngoại, hẳn là vì vị trí đình ở rìa làng, hoặc là để phân biệt với “*Đình Nội*” ở giữa làng (thờ Chu Văn An), thuộc thôn Trung, còn có cả hai tấm bài vị, ghi rõ bậc “*thượng đẳng thần*” của “*Đô Hồ Đại Thần*”, và ghi

nguyên hàng chữ: “*Bản thổ Tiền Lý triều Long Biên hầu, Đô Hồ Đại vương thần vị*”. Đó là nơi thờ chính, Đức Thánh Phạm Đô Tu của cả xã.

Phù hợp với điều này, ở hậu cung Đình Nội (mà không phải là Đình Ngoại) còn giữ được hai hòm sắc, trong đó, lẫn lộn với những sắc phong khác, là 10 đạo sắc phong của triều đình ngày xưa, có niên hiệu từ Cảnh Hưng nhà Lê đến Khải Định nhà Nguyễn, phong cho Đô Hồ Đại Thần (danh hiệu của triều Lê) và Đô Hồ Đại vương (danh hiệu của triều Nguyễn). Một sắc phong thời Tây Sơn (niên hiệu Cảnh Thịnh) cũng ghi danh hiệu: “*Đô Hồ Đại Thần*”.

Có một tình tiết thú vị, ghi nhận được ở lễ tiết hội làng Thanh Liệt, ấy là: hành trình của cuộc rước cỗ kiệu quý của làng, hiện ở Đình Nội. Các vị cổ lão của làng cho biết: Kiệu rước từ Đình Nội, nhưng lễ thì ở Đình Ngoại, và trước khi lễ ở đây, thì phải đi vòng sang thôn Vực của làng, và trình ở tòa Miếu Vực.

Tại sao như vậy? Người Thanh Liệt giải thích: vì thôn Vực mới chính là nơi sinh hạ cụ thể của Phạm Tu. Có người còn nói: tòa miếu Vực xây ngay trên nền nhà cũ của Phạm Tu (miếu này còn có một tên khác, rất “quân sự” là: Cửa Đồn). Và điều này-nơi sinh hạ của Phạm Tu-cũng phù hợp với một tín hiệu mà chỉ ở nơi đây mới có: song thân của Phạm Tu! Đó là các vị, với tên tuổi được lưu truyền cụ thể và chi tiết: “Phạm Thiệu” (cha), “Lý Thị Trạch” (mẹ).

Những di tích tín ngưỡng, những chứng tích huyền kỳ, những lời kể truyền miệng... như thế, ở Thanh Liệt, làm thành một nguồn phát sóng mạnh, những tín hiệu văn hóa học-dân gian (Folklore) soi rọi vào hiện tượng và nhân vật lịch sử Phạm Tu-vì sống cách nay đến 15 thế kỷ, nên nhiều hiểu biết của chúng ta về người anh hùng còn chưa thật rõ ràng-những thông tin văn hóa dân gian từ Thanh Liệt thật có tác dụng của một nguồn sử liệu bổ trợ cho chính sử.

Vấn đề quê hương bản quán của vị tướng quân đầu triều, thời Lý Nam Đế nhờ vậy mà trở nên đã rõ ràng.

Cũng thế, những thông tin về sự ra đời (ngày 10 tháng ba năm Bính Thìn-476 sau Công Nguyên), về tuổi tác của một vị lão tướng, ngoại lục tuần mà vẫn hăng hái, hiên ngang, đứng dưới cờ Lý Nam Đế, lập nên những sự nghiệp và chiến công hiển hách đảm nhận những cương vị, trách nhiệm lớn lao và cuối cùng, hy sinh oanh liệt trong trận đánh lớn, chống quân xâm lược ở nơi có tòa thành đầu tiên và khai sinh cho đô thị Hà Nội cổ: Cửa sông Tô Lịch, ngày 20 tháng bảy năm Ất Sửu-545 sau Công Nguyên... những điều quan trọng, quý báu, cụ thể và sinh động như thế, trong cuộc đời và sự nghiệp của vị lão tướng quân Phạm Tu, đã được nguồn

phát sóng văn hóa học dân gian ở Thanh Liệt cung cấp. Và Thanh Liệt xứng đáng với niềm tự hào về một quê hương văn võ song toàn: Võ là Phạm Tu (476-545) quê hương là thôn Vực; Văn là Chu Văn An (?-1370), quê mẹ, sinh hạ ông tại thôn Văn, cùng xã Thanh Liệt.

Ghi chú: Nội dung chính của bài này được đăng trong cuốn “*Ngàn năm văn hóa đất Thăng Long*” của Hồ Phương Lan, Nxb. Lao động, 2009. Trong cuốn sách có tôn vinh Tấm gương hy sinh của Lão tướng Phạm Tu đối với mọi thế hệ người cao tuổi Việt Nam.

PGS. TS. Bùi Xuân Đính hiện là Viện trưởng Viện Dân tộc cũng đã đề cập đến vấn đề đồng nhất khi viết về Lý Phục Man:

*“Tên chính của ông là Phạm Tu – một võ tướng, một trụ cột của triều đình Lý Nam Đế. Ý kiến này hiện vẫn chưa được giới khoa học khẳng định một cách chắc chắn”*¹

¹ Xem “*Hành trình về làng Việt cổ*”, Bùi Xuân Đính, Nxb. Từ điển Bách khoa, H. 2008, tập I mục về Quán Giá ở trang 329. Tập sách này nói về các làng cổ xứ Đoài trong đó dành phần chính giới thiệu về Làng Sáu Giá – Yên Sở chính là quê hương của Lý Phục Man. Tác giả Bùi Xuân Đính là một người xứ Đoài, ông nghiên cứu sâu về lĩnh vực làng Việt cổ.

I. NHỮNG TƯ LIỆU ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU

Lưu ý: Phần tài liệu trong mục này chúng tôi cố gắng “sao y bản chính” từ các nguồn tư liệu, do đó có thể một số lỗi văn bản vẫn giữ nguyên.

SỰ TÍCH TƯỚNG CÔNG LÝ PHỤC MAN

(Theo cuốn “Văn bia Quán Giá”, Nguyễn Bá Hân, Nxb. Thế giới, 1995)¹
Để giúp bạn đọc có thêm tư liệu kể về thân thế sự nghiệp của Đại vương nên trong tài liệu này chúng tôi xin in kèm theo bản *Sự tích Tướng công Lý Phục Man* đang được lưu tại Phòng Bảo tàng Quán Giá (Xã Yên Sở huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây).

SỰ TÍCH TƯỚNG CÔNG LÝ PHỤC MAN

Tướng công Lý Phục Man có họ tên thực là Phạm Tu, Người sinh trong một gia đình yêu nước ở xóm Lã Xá, Giáp Cảo Tây (sau đổi thành Quả Tây) thuộc làng Cổ Sở (sau đổi thành 2 xã Yên Sở và Đắc Sở của Hoài Đức, Hà Nội) vào những thập kỷ đầu của thế kỷ thứ 6 sau công nguyên (Khoảng từ năm 505 đến 515).

Ngay từ thuở thiếu thời, cậu bé Phạm Tu đã tỏ ra là người khác thường. Hàng ngày thích trò chơi cưỡi ngựa, bắn cung tập trận. Bằng **cờ chuối bông lau**, cậu cùng các bạn nhỏ trong xóm chia thành quân ta quân địch dàn trận để dành thắng bại.

Lớn lên phải sống cảnh người dân mất nước và phải chứng kiến bao sự bất công tàn bạo của bọn phong kiến xâm lược nhà Lương (bên Trung Quốc) đối với nhân dân ta, tinh thần bất khuất, ý chí căm thù kẻ địch ngày càng sôi sục.

Nuôi chí lớn đánh đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi, chàng thanh niên đất Cổ Sở ấy đã cùng những người tâm huyết trong vùng bí mật vào rừng ngày đêm luyện tập võ nghệ. Vốn có sức khỏe và lòng dũng cảm, chàng trai họ Phạm đã **thuần hóa được hàng chục voi rừng**, biến chúng thành đội quân để sau ra trận.

¹ Thông báo Hán Nôm học 2009, có bài “Danh tướng Phạm Tu-Lý Phục Man là một hay hai người” của tác giả Trương Sỹ Hùng thuộc Viện Đông Nam Á. PGS. TS. Trương Sỹ Hùng đã giới thiệu cuốn sách “*Sự tích Đức thánh Giá : Phục Man tướng công Phạm Tu*” cho tác giả Yên Sơn-Nguyễn Bá Hân. Nxb. Khoa học xã hội in năm 2009. Quan điểm của hai tác giả này đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. (Xem tr. 17-35).

Tài thao lược ý chí anh hùng của người thanh niên quê Cổ Sở sớm nổi danh một vùng, thu hút hàng trăm trái tim yêu nước thương nòi về đây kết bạn, bàn mưu tính kế làm khởi nghĩa đánh đuổi kẻ thù. Nghĩa quân được tuyển chọn những trai tráng trong vùng. Bằng sự khêu gợi lòng yêu nước của tuổi trẻ kết hợp với quyền lợi vật chất và những chiến lợi phẩm dành lại từ trong tay giặc đem chia đều cho nhân dân, nên đội quân mỗi ngày một đông. Chẳng mấy chốc thanh thế của nghĩa quân đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Nhiều đồn giặc bị phá tan, nhiều kho lương thực được dành lại. Chủ tướng Phạm Tu nổi lên như một trang hào kiệt đất Sơn Tây. Cả một dải từ Đỗ Động đến Đường lâm đã sạch bóng quân thù.

Cùng buổi ấy ở nhiều vùng của đất nước cũng còn có nhiều người nổi lên chống lại quân Lương. Trong số đó, người được Phạm Tu kính phục hơn cả là Lý Bôn (tức Lý Bí) quê ở Long Hưng Thái Bình. Đầu năm Tân Dậu (541), tướng Phạm Tu đã tìm gặp Lý Bôn để liên kết lực lượng cùng nhau đánh đuổi kẻ thù chung. Vốn đã biết tiếng từ lâu, nay lại thấy người, Lý Bôn hiểu Phạm Tu là người tài giỏi, liền phong cho chức Đỗ Động tướng quân cho theo việc binh.

Anh hùng hội ngộ, tướng Phạm Tu gặp được Lý Bôn như cá gặp nước, như rồng gặp mây. Người anh hùng đất Cổ Sở ấy đã đem tài thao lược của mình cống hiến cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

Trong dựng và giữ nước, tướng Phạm Tu đã lập nhiều chiến công hiển hách, đánh Bắc dẹp Nam. Đặc biệt trong trận đánh quân Lâm Ấp (tức Chiêm Thành) khi chúng vào xâm lấn Cửu Đức **mùa thu năm Quý Hợi (543)**. Lúc này vừa quét sạch quân Lương ra khỏi bờ cõi chấm dứt thời kỳ đô hộ 500 năm của các triều đại phong kiến xâm lược phương Bắc. Biết ta còn phải lo bao việc trong dựng nước, bọn vua quan Lâm Ấp đã thừa cơ vào xâm lấn bờ cõi phía Nam. Tin cấp báo về đến Lý Bôn và **các bạn chiến đấu của ông**. Mọi người đều nói: *“Với kẻ thù hung hãn như vậy phi Đỗ Động tướng quân không ai có thể đương đầu với giặc này”*. Tin vào khả năng xuất chúng của người tướng trẻ, Lý Bôn đã nghe theo lời bàn cử tướng Phạm Tu vào Nam dẹp giặc.

Đúng chỉ một lần ra quân người anh hùng đất Sơn Tây ấy đã đuổi được quân Lâm Ấp ra khỏi bờ cõi mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân địa phương. Nghe tin thắng trận báo về Lý Bôn đã hết lời khen ngợi. Ông nói: *“Tre già mới biết dao sắc, có gặp lúc nguy nan mới biết người tài giỏi. Nay Đỗ Động tướng quân bắn vài tên mà phá tan quân giặc dữ, thật là một **hào kiệt đất Sơn Tây, dấu bậc danh tướng đời xưa cũng không hơn được, cần phải trọng thưởng**”*. Ông đã

phong cho tướng Phạm Tu tước hiệu Phục Man (ý nói dẹp giặc Man). Cho đổi họ Lý và gả con gái cho (Công chúa Phương Dung). Từ đó mọi người không gọi tướng Phạm Tu là Đỗ Động tướng quân mà gọi bằng cái tên đầy vẻ tôn kính là Lý Phục Man tướng quân.

Đất nước đã sạch bóng quân thù; đầu năm Giáp Tý (544) Lý Bôn lên ngôi vua lập ra nhà Tiền Lý. Đặt tên nước là Vạn Xuân, có triều đình hai ban văn võ. Là người có nhiều công lớn phò mã Phạm Tu được vua phong cho **chức Thái Úy đứng đầu ban võ**.

Vốn là người giàu lòng yêu nước thương dân, lại được tham dự mọi việc triều chính nên Thái Úy đã mạnh dạn can ngăn vua, khiển trách kẻ có lỗi, trừng trị kẻ lộng quyền làm điều xằng bậy ức hiếp nhân dân, nên trong ngoài ai cũng ca ngợi công đức Lý Phục Man tướng công.

Đầu năm Ất Sửu (545), bọn phong kiến nhà Lương lại sai Trần Bá Tiên mang quân sang hòng đặt ách đô hộ nước ta một lần nữa. Trận thử sức đầu tiên với đội quân xâm lược ở thành Chu Diên (Hải Hưng), quân ta bị thua. Biết chưa đủ sức triều đình nhà Lý đành phải lui quân về sông Tô Lịch xây đắp thành lũy (Hà Nội) để giữ thế thủ. Để bảo toàn lực lượng đánh địch lâu dài, vua Lý bèn cử Phục Man tướng công Phạm Tu ở lại giữ thành. Còn nhà vua đem triều đình về Khuất Liêu.

Chỉ qua mấy tháng, mùa thu năm Ất Sửu (545) tướng giặc Trần Bá Tiên lại đem quân đến vây đánh thành Tô Lịch. Trong một trận giao tranh với Trần Bá Tiên, tướng công đã anh dũng hy sinh tại trận tiền. Hai tùy tướng họ Trương đã mang được thi hài về quê an táng tại khu Hồ Mã.

Bằng lòng biết ơn và tiếc thương vô hạn người con trung hiếu của quê hương, vị anh hùng dân tộc, nhân dân đã đem cây xanh trồng xung quanh ngôi mộ, lập đền thờ ngày đêm tưởng niệm. Cây xanh mỗi ngày một thêm lan rộng, Đền mỗi thời một xây to thành rừng Giá và Quán Giá hiện nay.

Cùng với quê hương tướng công còn có 74 làng xã trong cả nước từ Hà Tĩnh trở ra lập đền thờ vị anh hùng dân tộc ấy. Kể từ khi đất nước dành được quyền tự chủ, các vương triều xưa như **Tiền Lê**, Hậu Lý, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn đã phong tặng tới 60 đạo sắc gồm gần 300 chữ đẹp. Đó chính là sự đánh giá của lịch sử và nhân dân về công lao sự nghiệp của tướng công vậy.

(Sưu tích theo Thần phả, văn bia và sử).

PHẠM TU (486-545)

*(Trong mục **Danh nhân Hà Nội**, đứng thứ nhất)*

Phạm Tu sinh ra ở làng Quang Liệt (nay là Thanh Liệt-Thanh Trì). Ông là vị tướng tài có công bậc nhất trong việc giúp Lý Bí đuổi giặc Lương, lập nhà nước Vạn Xuân vào thế kỷ thứ 6.

Phạm Tu là một đô vật giỏi. Năm 541, bất bình trước ách thống trị tàn ác của nhà Lương, ông đã tập hợp trai làng chống lại. Năm sau, Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa, ông đem quân gia nhập ngay và đi tiên phong đánh thành Long Biên, trị sở của bọn đô hộ. Tên thứ sử tham bạo phải xéo chạy. Đất nước giải phóng, ông xây lũy bên sông Tô để phòng vệ. Nhà Lương hai lần phản kích đều bị ông chặn đánh từ biên ải.

Tháng Giêng năm 544, Lý Bí lên ngôi, Phạm Tu được cử thống lĩnh binh quyền, dẹp các cát cứ địa phương, **nên được vua ban tước Phụ Man tướng quân. Bởi vậy nhân dân còn gọi ông là Lý Phục Man.** Trong lần quân Lương sang xâm lược lần thứ ba, ông hy sinh anh dũng trong một trận đánh ác liệt ở ngay cạnh dòng sông Tô quê hương.

Các triều sau sắc phong ông là *Hộ quốc tế dân, Anh uy vĩ độ* (có nghĩa là “Giúp nước cứu dân, anh hùng hào kiệt”).

Nguồn tin: Hà Nội Portal

Ghi chú: Theo thông tin ở trên thì Phạm Tu sinh năm 486, tước *Phụ Man* có thể do gõ sai. Nội dung đồng nhất trên là sai do lấy thông tin về Lý Phục Man ở Yên Sở gán cho Phạm Tu ở Thanh Liệt. Trang web *Hà Nội Portal* có đăng bài “Phạm Tu” của Vũ Tuấn Sán lại không đồng nhất Phạm Tu với Lý Phục Man (xem tr. 42)

VÕ TƯỚNG PHẠM TU

Quê quán: Yên Sở-Hoài Đức-thành phố Hà Nội

Thời kỳ: Tiền Lý (Lý Nam Đế)

Năm sinh: Bính Thìn-476; Năm mất: Ất Sửu-545

Võ tướng Phạm Tu đời Tiền Lý (Lý Nam Đế), **quê ở làng Giá, thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.**

Năm Tân Dậu (541), ông giúp Lý Bôn chống nhà Lương, đuổi được Thứ sử Tiêu Tư tàn ác. Ông đóng quân giữ thành Long Biên, cùng với Tinh Thiều và Triệu Túc sửa sang mọi việc, giúp Lý Bôn dựng nên nhà Tiền Lý. Năm Quý Hợi (543), quân Lâm Ấp (Chiêm Thành) xâm chiếm, ông đánh dẹp được. Trước đó năm Nhâm Tuất (542), Lương Võ Đế sai Thứ sử Châu Tân là Lư Tử Hùng, Thứ sử Châu Cao là Tôn Quýnh sang xâm lược nước ta, ông cũng đánh lui quân giặc. **Ông được vua Lý phong tước Phục Man tướng quân, đổi theo họ vua là Lý, nên cũng gọi là Lý Tu hay Lý Phục Man; và được vua gả Công chúa Phương Dung cho.**

Năm Ất Sửu (545), nhà Lương lại kéo quân sang đánh phá, ông chống giặc tại thành Tô Lịch (Hà Nội xưa) được một thời gian nhưng vì tuổi cao sức yếu, thể giặc mạnh nên ông tử trận, hưởng thọ 69 tuổi.

Nguồn tin: www.vietgle.vn

Đây là tư liệu mà phần đồng nhất như cuốn “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*” chủ biên Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, Nxb. KHXH, 1991. Nội dung đầy đủ về Phạm Tu có trong cuốn sách đầu tiên xuất hiện việc đồng nhất ở trang 744 như sau:

PHẠM TU (- Ấ. sừu 545)

Võ tướng đời Tiền Lý (Lý Nam đế), quê l. Giá, thuộc x. Yên Sở, h. Hoài Đức, ngoại thành Hà Nội.

Năm T. dậu 541, ông giúp Lý Bôn chống giặc nhà Lương, đuổi được Thứ sử Tiêu Tư tàn ác, ông đóng quân giữ thành Long Biên, cùng với Tinh Thiều và Triệu Túc sửa sang mọi việc, giúp Lý Bôn dựng nên nhà Tiền Lý.

Năm Q. Hợi 543, quân Lâm Ấp (Chiêm Thành) xâm chiếm, ông đánh dẹp được. Trước đó (N. tuất 542) Lương Võ Đế sai Thứ sử Châu Tân là Lư Tử Hùng, Thứ sử Châu Cao là Tôn Quýnh sang xâm lược, ông cũng đã đánh lui quân giặc. **Ông được vua Lý phong tước Phục Man tướng quân, đổi theo họ vua là Lý, nên cũng gọi là Lý Tu hay Lý Phục Man; lại được vua gả Công chúa Phương Dung cho.**

Năm Ấ. sừu 545, giặc Lương lại kéo sang đánh phá, ông chống nhau với giặc tại thành Tô Lịch (Hà Nội xưa) chết tại trận.

Mộ và đền thờ ông nay hãy còn di tích tại quê hương ở l. Giá.

Trang web www.vietgle.vn không thống nhất khi đăng về làng cổ An Cước có nêu rõ: “*Hội An Cước với sự tôn vinh vị tướng Lôi Công thời Lý Nam Đế là một trang sử đẹp thời kỳ dựng nước Vạn Xuân, mà bấy lâu nay người ta chỉ biết đến tướng Phạm Tu ở Hà Nội và Lý Phục Man ở Hà Tây.*”

*

Còn có một số trang web có thể hiện việc đồng nhất nhưng không trích dẫn nguồn tư liệu sử dụng. Ví dụ thông tin ở trang <http://www.binhthuan.gov.vn/> viết về Đình Yên Sở như sau:

... *Đình thờ Phạm Tu hay Lý Phục Man, người làng Cổ Sở, một tướng của Lý Nam Đế (541-548).*

Có lẽ đây là thông tin trích từ cuốn *Đình Việt Nam* (1998) của Hà Văn Tấn?

DANH TƯỚNG PHẠM TU-LÝ PHỤC MAN LÀ MỘT HAY HAI NGƯỜI

Bài đăng trên Thông báo Hán Nôm 2009 của Viện NC Hán Nôm. Đây là tư liệu do chính tác giả chuyển cho chúng tôi để giới thiệu với bạn đọc. Chân thành cảm ơn PGS. TS. Trương Sỹ Hùng. Tuy nhiên chúng tôi thấy có một số vấn đề chưa hợp lý (các chú thích chữ cái a-k) nên có bài góp ý ở trang 73.

PGS. TS. Trương Sỹ Hùng
Viện NC Đông Nam Á

Danh tướng Phạm Tu đã được lịch sử ca ngợi, đánh giá cao ngay từ khi ông còn tại thế. Một con người đã từng có nhiều cống hiến, hy sinh vì độc lập dân tộc, khi vào cõi vĩnh hằng thì càng ngày càng được tôn vinh ghi nhớ, nhưng có lẽ do tài liệu thất lạc, hỏa hoạn chiến tranh, thời gian bào mòn đến mức hư nát... khiến cho hành trạng cuộc đời, sự nghiệp của ông bị mai một. Tuy nhiên, với tất cả những tư liệu còn lại ngày nay giới nghiên cứu vẫn phục dựng được những nét cơ bản về ông, với những danh xưng *Đỗ Động tướng quân*, *Lý Phục Man tướng quân* và sau khi qua đời ông trở thành *đức thánh Giá*, một cách kiêng gọi tên húy, gán danh thần với địa danh kẻ Giá, rộng hơn nữa là *Thiên Nam thánh* như vua Lý Thần Tông ban tặng. Khi vua Trần Nhân Tông phong sắc cho Phạm Tu là *Chứng An đại vương* (1285) thì dân chúng lại kêu cầu khẩn tắt tên ông là *đức Đại vương*. Như thế mỗi tên gọi của ông đều có một ý nghĩa lịch sử không chỉ đối với cá nhân ông,

dòng tộc ông. Theo thống kê của Nguyễn Bá Hân(1), từ thời Tiền Lý đến thời Nguyễn, các triều đại vua chúa Việt Nam đã ban tặng danh thần Lý Phục Man gần 300 mỹ tự (chữ đẹp) trong 60 lần phong sắc và hiện có 74 làng xã ở gần khắp các tỉnh phía bắc, từ Hà Tĩnh trở ra đã lập đền thờ ông. Danh tướng Lý Phục Man đối với non sông đất nước với dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử-kể từ khi ông xuất hiện rồi đi vào cõi vĩnh hằng-đều được các triều đại ghi nhận, tăng huy, tôn thờ ở vị trí thánh nhân. Đúng như bản văn khắc *Cổ tích từ bi* (古跡祠碑), dựng năm Vĩnh Tộ thứ hai (1620) đã viết: “嘗喟有功於國有功於民人追而嗣之厚之至也”(thường vị hữu công ư quốc hữu công ư dân nhân truy nhi tự chi hậu chi chí dã) nghĩa là: “*Bình thường người ta vẫn nói, người có công với dân với nước thì được người đời tìm lại để tôn thờ, mãi mãi ghi nhớ cho đời sau.*”

Khoảng thời gian từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX dù đất nước có biến động thăng trầm đến mấy, tính danh Lý Phục Man vẫn ngời sáng trong các trang quốc sử, nơi đền miếu tôn thờ và trong các nghi thức tín ngưỡng, lễ hội nhằm mục đích tôn vinh, ghi nhớ công ơn theo phong tục cổ truyền của người Việt. Vì thế, gần mười lăm thế kỷ đã trôi qua, việc tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp Phạm Tu-Lý Phục Man vẫn đang còn cấp thiết, sao cho những trang vàng chói lọi lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ lãnh thổ do tổ tiên gây dựng được toàn vẹn, ngày mỗi ngày thêm vẻ vang, giàu đẹp.

Lý Tế Xuyên tác gia thời Lý-Trần trong sách *Việt điện u linh*, khi viết về Triệu Việt vương và Lý Nam đế đã chỉ rõ, thời thuộc nhà Lương nhân dân ta rất căm phẫn chế độ hà khắc của chính quyền đô hộ, “*rồi nhân tên thứ sử Vũ Lâm hầu Tiêu Tư quá hà khắc tàn bạo, việc hành chính mất lòng người, dân chúng ngầm tính kế chống lại. Khi đó Lý Bôn (một cách phiên tên khác của Lý Bí, sau xưng là Lý Nam đế-TSH chú thêm) coi giữ quân ở châu Cửu Đức liên kết hào kiệt chín huyện, khí giới tinh nhuệ, cùng nhau khởi binh đánh cho thứ sử Tiêu Tư phải chạy về Quảng Châu. Lý Bôn đem quân đóng ở châu thành. Đúng lúc ấy, người Lâm áp đến cướp đất Nhật Nam. Lý Bôn sai tướng Phạm Tu, đánh giặc ở Cửu Đức thu thắng lợi lớn, quân giặc tan hết, ông liền xưng là Việt vương, đặt trăm chức quan, đổi niên hiệu là Thiên Đức, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.*”(2) Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* miêu tả chi tiết “*Lý Bôn tài kiêm văn võ làm quan triều Lương... vì bất đắc chí nên về Thái Bình khởi binh. Từ trưởng huyện Chu Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo Lý Bôn. Tiêu Tư biết rõ việc ấy, đem tiền đút lót cho Lý Bôn rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bôn liền giữ thành Long Biên.*”(3)

Cùng lúc đó, Phạm Tu cũng tập hợp lực lượng, huấn luyện một đạo quân, đánh đuổi giặc Lương ở vùng Đỗ Động Đường Lâm đã nổi tiếng từ lâu. Khi Lý Bôn lấy được thành Long Biên, xưng vương, tướng Phạm Tu hòa nhập lực lượng, dấy theo cờ nghĩa.

Trở lại với cách làm tuyên tập thần tích Đại Việt, Lý Tế Xuyên đã dẫn sách *Sử ký* của Đỗ Thiện viết về Phạm Tu, lúc này với tư cách là thần Lý Phục Man báo mộng cho vua Trần Nhân Tông. Chuyện kể, đời vua Lý Thái Tổ, nhân dịp đi quan sát địa phương, “nhà vua đến bến Cổ Sở, trông thấy phong cảnh núi sông rất đẹp, tâm thần nhà vua cảm xúc mới rót một ly rượu xuống dòng sông lớn mà vái rằng: -Trẫm xem nơi đây thủy tú sơn kỳ khác hẳn mọi phương, nếu có linh hồn của những trang nhân kiệt, thì xin hãy nhận lễ ta dâng hiến.

Rồi ra đêm ấy, nhà vua mộng thấy một dị nhân cao lớn vạm vỡ, mặt hồ râu rồng, y phục trang nghiêm, khăn giày rành rạnh, đến cúi đầu lạy hai lần và tâu rằng:

-Thần vốn là người làng này, họ Lý tên Phục Man, đã giúp Lý Nam đế và làm tướng quân: nhờ lòng trung liệt mà đã nổi danh, nên được cho trấn thủ hai dải sông hà Đỗ Động và Đường Lâm: dám mọi Lào đều sợ, không dám xúc phạm, hóa ra cả một phường đều yên ổn. Đến khi thần thác, đức thượng đế chắm lòng trung ấy, nên cho thần giữ chức như cũ. Cứ xin trình rõ vài điều mạo muội, hầu mong thánh thượng nghe qua. Xưa kia, thuở nhà Đường sắp làm vua, thần thường đem binh theo Khâu Hòa phá được nghịch tặc là Ninh Trường Chân ở cửa Giáp Sơn, qua đời vua Túc Tông lại phá được giặc Đại Thực Ba Tư ở cửa Thần Thạch, sang đời vua Đại Tông lại phá được giặc Côn Lôn Chà Và ở Chu Diên. Lại khi Cao vương phá nước Nam Chiếu, với lúc Ngô tiên chúa phá quân Nam Hán, Lê Đại Hành cả phá Tống binh, mỗi lần xuất quân chinh phạt, thần luôn luôn ở trên không mù mịt đã mang quỹ binh ám trợ kết cuộc đều có công cả. Thần lại đã từng cầm quân binh quỷ thần, dâng mệnh thiên đế, phá được giặc Chiêm Thành ở trấn Giáp Sơn. Đến khi thần mệnh một, linh hồn chẳng tan, thôn dân kính mến, lại sợ không người phòng thủ để giữa bọn ngoại Lào cướp bóc, nhân thế mới lập đền thờ phụng. Bởi vậy thần còn được dịp nương bóng mà phảng phất trong khoảng trời mây. Hễ khi nào có dùng binh, thì thần lại ám hộ từ trên không: bọn nghịch tặc vào cướp đều bị ngăn chống cả. Hôm nay gặp bệ hạ loan giá quang lâm, thần riêng đến xin bái yết. Đoạn rồi ông có ngâm thơ rằng:

*Thiên hạ toàn mông muội
Cô vi ẩn thanh danh
Trung nguyên yết nhật nguyệt
Quang diệu thị chân hình.
Nghĩa là:
Người đời thường sao nhãng
Nên ta ẩn thanh danh
Giữa trời theo ngày tháng
Làm rạng rỡ chân linh.*

Dứt lời thì không còn thấy đâu nữa. Nhà vua chưa kịp đối đáp; bỗng nhiên giật mình tỉnh dậy, liền đem nói hết với kẻ tả hữu. Quan ngự sử đại phu là Lương Văn Nhậm nói:

-Đó là lời thần có ý muốn hiển linh để mà lập hình tượng.

Nhà vua truyền lệnh xin keo, thì lập tức thấy ứng nghiệm, bèn sai người trong châu lập đền thờ và tạc một thần tượng y như vua đã trông thấy trong mộng. Miếu mạo sum nghiêm, làm phúc thần cho cả một phương.

Trong niên hiệu Nguyên Phong (1251-1253, đời vua Trần Thái Tông), rợ Thát Đát vào cướp mà ngựa chúng què không thể tiến được. Thôn dân vốn biết có sức thần giúp liền dẫn chúng nhân ra cự chiến, chém đầu quân giặc rất nhiều. Đám nghịch tặc chạy tứ tán, không dám trở lại nhòm ngó cõi bờ ta nữa. Khi đã bình xong giặc cướp, liền có sắc phong Chứng An quốc công và có chiếu ban cho cả thôn ấy đổi làm Chứng An hộ xá.

Niên hiệu Trùng Hưng (1285-1293, đời vua Trần Nhân Tông) năm đầu, giặc Bắc lại vào cướp phá nữa, đến đâu cũng đều đốt rụi cả, qua tới ấp này thì như có người phòng hộ, một mảy thu hào cũng không bị động tới.

Lúc dẹp xong giặc cướp, lại có sắc phong Chứng An vương. Sang năm thứ tư còn gia phong hai chữ Minh ứng. Niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1293-1294, đời vua Trần Anh Tông, đây chỉ năm 1313) lại có thêm hai chữ Tá Quốc càng sáng tỏ sự linh ứng nữa vậy.” (4) Việt điện u linh bản A. 751 do Trịnh Đình Rư-Đình Gia Khánh dịch còn có Phụ chép sự tích thần xã An Sở: “Gia Thông đại vương người làng Cổ Sở (sau đổi là An Sở). Bấy giờ thiên hạ gặp buổi mờ tối, người hào kiệt phải giấu họ tên. Đại vương còn trẻ tuổi, phong tư và tài nghệ khác thường, cười ngựa bắn cung đều giỏi, có uy đức lại có sức trị được voi. Vương giúp vua Lý Nam đế (đồng thời với vua Vũ Đế nhà Lương), vua thấy tài mao, biết là bậc đại trượng

phu, có thể đảm đương một mặt trận, bèn cho theo việc binh, lập được nhiều công to. Sau thấy đất Đỗ Động ở biên giới, một nơi xa và hiểm yếu, phi đại vương không ai cai trị nổi, vua mới cho vương làm đại tướng ra trấn thủ ở nơi đó. Một hiệu lệnh của vương ra, những kẻ hùng trưởng đều phải nín hơi, trộm cướp về hàng phục, dân trong hạt rất được yên vui, già trẻ đều cảm ơn đức.” Về sự tiêu vong của nhà Tiền Lý liên quan đến cái chết của Lý Phục Man tác giả viết tiếp: “Không may cho nhà Lý, năm Thiên Đức thứ 2, Ất Sửu (545), nhà Lương sai Trần Bá Tiên đem binh sang xâm lấn, thắng ta luôn mấy trận, đất Chu Diên, Tô Lịch đều về tay địch chiếm. Năm thứ 4, Đinh Mão (547), quân Lương thừa thắng tiến đánh rất mạnh. Nam đế phải lui vào giữ động Khuất Lạo được ít lâu rồi mất. Thái úy nghe tin buồn rầu than thở, sai quân giữ các nơi hiểm yếu. Một đêm bỗng thấy bốn mặt lửa sáng rực trời, man binh lũ lượt kéo đến trước sân vây bọc. Thái úy biết là bọn man binh phản công, mệnh trời khó biết, mới dẫn các gia tướng phá vòng vây chạy ra. Quân giặc đuổi theo rất gấp, đường cùng sức kiệt, Thái úy liền chỉ trời vạch đất ung dung chết vì nghĩa lớn. Người nhà rước linh cữu về bến Hồ Mã (nay là bến Ngọc Tân, tên một con sông ở bản xã) rồi táng ở bên sông ngoài làng.”(5) Như thế Lý Tế Xuyên đã cho biết thông tin về Lý Phục Man từ khi ông làm nên sự nghiệp cho đến lúc hóa thân và sự ứng nghiệm linh thiêng của thần với sự nghiệp trung quân ái quốc, cụ thể là hai triều đại Lý-Trần.

Sách cổ ghi chép kiệm lời vì quan niệm xưa quốc sử chú trọng trên hết là chép về các triều đại theo lối biên niên, vua chúa thay nhau “cha truyền con nối, trị vì thiên hạ”, việc quan dân chỉ là phụ họa cho sự nghiệp của các “hoàng đế”. Phương pháp luận đó khiến sử gia Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê đã căn cứ theo *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và *Sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên, tham bác nhiều tài liệu khác như *Việt điện u linh*... chẳng hạn, để biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Phần Ngoại kỷ ghi chép lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời Kinh Dương Vương đến năm 967 chủ yếu là sưu tập các truyền thuyết xung quanh những thông tin không nhiều từ các nguồn thư tịch. Sự thận trọng đó đã đẩy lùi cột mốc lịch sử ra đời một hình thức nhà nước quân chủ phong kiến, độc lập tự chủ của dân tộc Việt đến thế kỷ X-mà lẽ ra vua Lý Nam đế với sự ra đời của nước Vạn Xuân có thể coi là người mở đầu. Vấn đề lai lịch, quê quán của nhân vật Phạm Tu khi các tác gia sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi tên ông thì gần cách thời gian cũng đã qua đi khoảng thời gian trên dưới 1.000 năm. Theo nguồn chính sử này, võ tướng Phạm Tu đã nổi tiếng ở tầm quốc gia ngay từ lúc sinh thời. Song, cũng từ đây về sau ánh sáng từ tấm gương hy sinh vì nước, cuộc đời làm tướng anh dũng vẻ vang của ông luôn truyền cảm, dẫn độ các tác gia đời sau không thể bỏ qua tính

danh Phạm Tu hoặc Lý Phục Man, khi có dịp biên soạn lại sử Việt, cho dù lượng thông tin ít ỏi đến mấy.

Ở đây cần xét xem trong khoảng bảy năm (541-548) đời vua Lý Nam đế có mấy lần đánh đuổi giặc Lâm Ấp? Thực tế chỉ có một lần duy nhất là năm 543. *Đại Việt sử ký toàn thư* phần Ngoại kỷ (quyển IV) chép: “*Quý Hợi năm thứ ba (543), mùa hạ, tháng Tư vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua sai tướng Phạm Tu đánh tan ở quận Cửu Đức.*

Giáp Tí, Thiên Đức thứ 1 (544), mùa xuân, tháng Giêng, vua nhân đánh được giặc, tự xưng là Nam Việt đế, lên ngôi, đổi niên hiệu, đặt trăm quan, dựng quốc hiệu là Vạn Xuân là ý mong xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc làm thái phó, bọn Tinh Thiều, Phạm Tu đều làm tướng văn và tướng võ.”(4) Một trong ba người giữ vai trò chủ chốt giúp vua Lý Nam đế ở ba lĩnh vực khi mới dựng nghiệp thì chỉ có một vị quan võ là Phạm Tu, chứng tỏ Phạm Tu và Lý Phục Man chỉ là tên gọi khác nhau của một người. Cho đến nay, thực tế thống kê hàng chục tài liệu khác nhau đều cho kết quả đó. Vì chiến công dẹp quân Lâm Ấp giữ gìn cương thổ nên tướng Phạm Tu mới nổi danh hơn khi còn làm quan ở một vùng châu thổ. Khi Phạm Tu được vua ban quốc tính tức là họ Lý và danh hiệu Phục Man, lại được vua gả công chúa ông trở thành phò mã. Lễ thường theo “mệnh vua phép nước”, bản thân đương sự là Phạm Tu và “phận con dân” thuộc mọi tầng lớp xã hội, mọi lứa tuổi, mọi thế hệ người đời không thể trái mệnh vua, nên **ngay từ lúc sinh thời tước danh Phạm Tu dần lui vào quá khứ.** (i) Quan hệ xã hội của Lý Phục Man ở chốn vương triều ngày một rộng, to nhỏ thì cũng vừa là thân vương vừa là tướng lĩnh đầu triều, bởi vậy thế lực của Lý Phục Man chỉ cần “ăn theo” cơ chế của giai cấp thống trị đương thời cũng đủ dư thừa thực ấp, cũng như mọi uy quyền không chỉ trong phạm vi trấn xứ mà đã ở tầm quốc gia. Với cương vị đại tướng mà bên cạnh vua Lý Nam đế chỉ có Tinh Thiều làm tướng văn và Lý Phục Man làm tướng võ, được chính sử ghi lại hẳn không phải là bất cần. Ngoại kỷ chép về danh tướng Phạm Tu với tư cách một vị tướng giỏi của vua Lý Nam đế bằng tên “khai sinh” cho đến khi ông đánh thắng giặc Lâm Ấp, với những tư liệu do Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên để lại, đó là tôn trọng một sự thật lịch sử. Danh xưng Phạm Tu như các sử gia chép ở phần Ngoại kỷ với sự kiện đánh thắng giặc Lâm Ấp, sự kiện lớn gắn liền với sự nghiệp đánh giặc cứu nước của ông. Không những thế, thắng lợi ở biên cương phía nam đương thời đã tạo thế đứng cho vua Lý Nam đế thế kỷ VI. Song, khi sách viết đến phần Bản kỷ, ở quyển II, Kỷ nhà Lý, thì nhân vật Phạm Tu đã trở thành vị thần thiêng

Lý Phục Man. Mặt khác, theo quan niệm của người Việt, dù thần thánh ở bậc nào, thiêng liêng, phù phép cao thủ đến đâu, vẫn phải “phò vua giúp nước” thì mới tồn tại. Vì vậy, vào “*Bính Thìn năm thứ bảy, mùa xuân, tháng ba (1016) động đất. Vua nhân đi xem ngắm núi sông, đến bến đò Cổ Sở, thấy khí tốt của núi sông tâm thần cảm động...*”. Sau đoạn văn trên là trọn vẹn câu chuyện kể cả tình tiết và văn phong, thể hiện là *Đại Việt sử ký toàn thư* dẫn lại trọn vẹn sách *Việt điện u linh* như đã dẫn đoạn trên. Lúc này danh tướng Phạm Tu dường như chỉ còn dấu ấn trong trang sử thời Tiền Lý, **còn giờ đây tên ông được gọi là thần thiêng Lý Phục Man hay thánh Giá bởi người đã “thác về trời” từ gần 1000 năm trước. (c)**

Nhiều văn bia, thần tích xuất hiện từ đầu thế kỷ XVII trở đi đều căn cứ văn bản *Việt điện u linh* hoặc *Đại Việt sử ký toàn thư* mà đổi thay chút ít, để biên soạn thần tích cho phù hợp nơi thờ, chỗ dựng bia thánh Giá thờ phụng Lý Phục Man; song hành trạng công tích mà nhân vật lịch sử từ khi còn mang tính danh Phạm Tu đến lúc được vua ban tên hiệu Phục Man và họ Lý của vua, gắn liền với các sự kiện đều thống nhất ở một con người, một triều đại Tiền Lý, được đời đời tôn vinh. Xuất phát từ tinh thần tự cường dân tộc, bất cứ triều đại nào, thế lực nào thống trị, thì những trang sử hào hùng của quan dân Đại Việt đều được các bậc trí thức... nhiều khi làm quân sư hoặc theo lệnh vua chúa mà tăng bổ, biên soạn lại. Hình thức chuyển tải nội dung lịch sử thành diễn ca bằng sự kết hợp giữa hai thể loại thơ song thất, lục bát nhằm mục đích phổ biến sâu rộng kiến thức lịch sử đến tầng lớp bình dân, đã có nhiều thành tựu. Vào những năm bảy mươi của thế kỷ XVII, tác phẩm *Thiên Nam minh giám* đã ra đời, có đoạn viết:

*Tiên Nam đế dâng công mở nước
Tôi thuần thành dùng được Phục, Tu
Vâng lời rửa hố, trả thù
Ái Nam đã quạnh ngựa Hồ thả dong.*

Soạn giả Hoàng Thị Ngọc khi phiên âm bản diễn ca đã bám vào thứ tự câu thơ, chú giải:

“129-Tiên Lý Nam đế: tức Lý Bôn, còn gọi là Lý Bí. Năm 541, Lý Bí nổi dậy đánh đuổi thái thú Tiêu Tư, xưng là Lý Nam đế.

130-Tôi thuần thành: người bề tôi trụ cột giữ gìn, giúp rập cơ nghiệp của nhà vua.

131-Phục, Tu:-tức Triệu Quang Phục và Phạm Tu (...) Phạm Tu (?-545) quê ở Yên Sở, huyện Hoài Đức (nay thuộc Hà Tây). ông là võ tướng của Lý Nam đế, có công lớn trong việc đánh dẹp giặc và xây dựng nên nhà Tiền Lý.” (6)

Về tên gọi Lý Phục Man của danh tướng Phạm Tu người xưa khi cần đề cập đến có cân nhắc rất thận trọng. Chẳng hạn *Thuật thần từ cửu bi* dựng năm 1728 ở làng Giá (nay thuộc xã Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội) đã viết: “Đại vương là người làng này, từ nhỏ đã tỏ ra thông minh, tài nghệ khác thường, giỏi cưỡi ngựa bắn cung và dạy voi. Thời vua Lý Nam đế, vua thấy thần là người kiệt xuất, đúng là một đấng đại trượng phu, có khả năng đảm đương những công việc lớn, liền cho thần theo việc quân. Thần đã lập nhiều chiến công hiển hách. Sau thần được phong làm đại tướng quân, trấn giữ vùng Đỗ Động Đường Lâm. Ở đây mỗi khi thần xướng lệnh thì bọn giặc cướp đều tháo chạy hoặc quy hàng tất cả. Nhân dân được yên vui, già trẻ đều đội ơn và ca ngợi công đức của thần. Khi người Lâm Ấp đánh chiếm vùng đất Cửu Đức thì rất nhiều tin cấp báo về triều đình. **Triều đình hội kiến, ai cũng tâu vua rằng:** “-Ngoài Đỗ Động tướng quân, không ai có thể thắng được bọn giặc này!” (e) Vua liền xuống chiếu cho thần thống lĩnh các chư tướng đem quân đi, khi đánh tan quân Lâm Ấp ở Cửu Đức. Biết tin, vua không ngớt lời khen ngợi và nói với các quần thần: “-Gặp thờ gỗ cứng mới biết được dao sắc, nay Đỗ Động tướng quân chỉ mới bắn vài phát tên mà đã phá tan quân giặc dữ, thật là một vị tướng anh hùng hào kiệt đất Sơn Tây vậy. Các bậc danh tướng thời xưa cũng không thể hơn được, không thể không ban thưởng. Vì tướng quân đã quét sạch được quân rợ nên nhà vua bèn cho tước hiệu là Phục Man, cho thần được đổi họ theo họ Lý của vua; vua lại gả công chúa cho thần, phong thiếu úy cho thần, cho thần tham nghị triều chính đứng đầu các quan”. (7) Văn bia chữ Hán xưa rất tôn trọng quan niệm kiêng gọi tên húy, lại thường gọi đương sự với chức cao nhất tùy thuộc vào thời điểm mà người đó đảm nhiệm hoặc chỉ ghi Phạm công (với nghĩa là ông họ Phạm), nên lúc Phạm Tu làm quan trấn ải thì mang tên Đỗ Động tướng quân đồng nhất tên ông với vùng đất ông đang cai quản, khi được vua cho đổi họ Lý và phong tước Phục Man thì ông có tên Lý Phục Man. Cần lưu ý rằng, phần chính nói về tích thần của cả năm bài văn bia hiện diện ở đền thờ Lý Phục Man tại làng Giá, đều có sự kế thừa từ năm 1603 đến 1855, theo như *Việt điện u linh* hoặc *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép lại.

Bên cạnh những tài liệu khá rành mạch trên đây, tác giả sách diễn ca lịch sử ra đời cuối thế kỷ XVII như *Thiên Nam ngữ lục* có viết như sau:

Địch thời Phục Man, Phạm Tu
Trận phá nhắm mắt, thành đồ phản tay
(...)
Bình xâm Quảng Hóa, Nghệ An

*Đua hơi cầm đôi đuôi đàn lợn con
Mạnh chi thằng rợ học khôn
Phạm Tu bình đến đuổi dòn phá tan.
Vua sai thái úy Phục Man
Người quê Đan Phượng có gan anh hùng
Bình sinh chí khí tang bồng
Quê ở Cổ Phái con dòng sinh ra
So đời một chẳng hai ba
Tương Như chẳng khuất, Liêm Pha chẳng thìn*

Đến đoạn sau, khi tướng quân Phạm Tu đã dẹp xong ngoại xâm phía nam; giặc Lương lại đến từ phía bắc, tác giả viết tiếp:

*Đêm khuya trời đất tối tăm
Ba vòng quân bọc một tầm nước sâu.
Lý Nam, Phạm tướng bảo nhau
Con này đã chẳng làm sao khỏi mình.*

Câu chuyện được dẫn dắt qua mười bốn câu thơ nữa, thuật lại là Lý Nam đế bị giặc bao vây ở động Khuất Liêu:

*Lý Nam thấy sự đã nghèo
Liệu chẳng khỏi nào thấy mình trong hang.
Theo văn cảnh lúc đó, các tác giả cho rằng:
Phục Man trấn giữ cõi xa
Nghe tin Nam đế phải thua triệt hồ.
Vua cùng tướng quân Phạm Tu
Và Khuất Liêu động thác hư lên trời.
Một mình âm ỉ khúc nhôi
Vua thắng, giặc dấy, cậy ai dấy là !
Chiêm Thành tuy nó ở xa
Sự trong nước loạn nó hòa đã hay.
Bằng con nó động đến đây
Nó xưa nôi nấu, nó rày ngoài xông
Cái nguì, cái ất khôn mong
Phục Man có chí anh hùng làm chi.*

Các trích đoạn *Thiên Nam ngữ lục* thể hiện tác giả cho rằng Phạm Tu và Lý Phục Man là hai người khác nhau. Liên quan đến việc chú giải khi phiên âm văn

bản, hai soạn giả Nguyễn Lương Ngọc-Đinh Gia Khánh cho biết địa danh Cổ Phái nay là làng An Sở, huyện Đan Phượng là quê hương của Lý Phục Man, còn Phạm Tu quê đâu không thấy tác giả khuyết danh trong nguyên bản nói đến. Vấn đề cần lưu ý là sự kiện thành lập nhà nước Vạn Xuân thời Lý Nam đế và nhân vật Phạm Tu, Lý Phục Man được tác giả *Thiên Nam ngữ lục* (8) miêu tả thành hai người khác nhau. Song chính từ nội dung kỷ Tiền Lý Nam đế (từ câu 2. 243 đến câu 2. 435) đã chứa đựng mâu thuẫn giữa các diễn biến thời cuộc và nhân vật lịch sử. Đoạn trên chúng tôi đã dẫn *Đại Việt sử ký toàn thư* nói rõ triều đại Lý Nam đế chỉ có một lần, một tướng Phạm Tu cầm quân đi đánh giặc Lâm Ấp vào “*mùa hạ, tháng Tư*” năm 543-lúc đó Phạm Tu chưa có danh hiệu Phục Man (thắng giặc man, man di trong chữ Hán là từ chỉ các tộc người thiểu số nói chung, ở đây là giặc Lâm Ấp) và chưa được vua ban cho họ Lý. Mở đầu việc vua Lý Nam đế sai quân đi dẹp giặc phía nam, sử ca *Thiên Nam ngữ lục* đã viết: “*Địch thời Phục Man, Phạm Tu*” cùng đi là không đúng với thực tế so với nguồn tư liệu chính sử đáng tin cậy nhất, làm cho người đọc hiểu rằng đó là hai vị tướng. Trong thực tế, phải sau khi chiến thắng giặc Lâm Ấp, Phạm Tu mới có tính danh Lý Phục Man do vua Lý Nam đế ban tặng cho. Nghĩa là từ sau “*mùa hạ tháng Tư*”-sau chiến thắng quân Lâm Ấp-khoảng từ năm 544 trở đi tính danh Lý Phục Man mới nổi tiếng đến mức xóa nhòa tên cũ là Phạm Tu. Vì thế lối chép biên niên sử mới xếp Phạm Tu vào phần Ngoại kỷ, tương ứng theo niên đại thế kỷ VI. Ở phần Bản kỷ các sử gia nhắc đến tên thân Lý Phục Man trong hai lần hiện hồn báo mộng cho vua Lý Thái Tổ và Trần Nhân Tông là sự kiện của thế kỷ XI và XIV như *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép. Đi xa hơn, *Thiên Nam ngữ lục* còn dựng lên chi tiết khi vua Lý Nam đế và Phạm Tu bị giặc Lương bao vây và giết chết ở hồ Điền Triệt cũng là lúc Lý Phục Man vẫn còn ở biên viễn phía nam, bởi câu “*Phục Man trấn giữ cõi xa*”, tạo cái cớ cho vị quan chức nào đó đã xem bói chân gà “... *cái ngùi cái ắt...*”(9) mà hạ thấp vai trò của tướng quân Lý Phục Man, rằng: “*Phục Man có chí anh hùng làm chi*”. Sử dụng tư liệu lịch sử để sáng tác văn học như thế là tùy tiện qua loa, khiến người đọc ít có điều kiện tham bác để hiểu sai lạc. Sáng tác văn học như diễn ca lịch sử xưa nay cũng như tiểu thuyết lịch sử đương đại cho phép tác giả được hư cấu hình tượng, sao cho điển hình nhân vật nổi bật, nhưng không được bịa ra sự kiện, không được “*lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia*”, gây nhận thức rối loạn cho người đọc.

Thế kỷ XIX còn để lại bộ sách *Đại Nam nhất thống chí*, quyển XXI, tỉnh Sơn Tây, các sử gia thời Nguyễn đã trở về với lối chép nghiêm cẩn: “*Đền thần Yên Sở ở xã Yên Sở, huyện Đan Phượng. Thần người xã này, lúc còn trẻ võ nghệ hơn người, thờ Lý Nam đế, nhiều lần lập công lớn, nổi tiếng trung liệt, được làm đại*

tướng quân, lãnh hai miền Đỗ Động Đường Lâm, người Di, Lão phải xa lánh, dân địa phương được yên.”(10)

Năm 1938, Nguyễn Văn Huyền viết công trình *Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam Lý Phục Man*(11), khi dẫn *Đại Nam nhất thống chí* có so sánh rồi tiểu kết: “*cái thật sự mới trong Thống chí so với Việt điện u linh tập chính là phần nói về cuộc đời của Lý Phục Man. Tên thần chỉ là một cái tên vay mượn. Cả tên lẫn họ của ông đều không phải là những tên gọi lúc ra đời. Chính vì ông đã dẹp được quân man Lâm ấp mà ông được đặt tên là Phục Man. Và nhà vua đã cho phép ông đổi tên họ thành họ Lý là quốc tính. Điều đó thường hay diễn ra trong lịch sử Việt Nam. Nhất là khi một vương triều mới lên ngôi, các bề tôi trung dũng đều được gia ân mang họ hoàng tộc. Và sau đấy con người chỉ còn được gọi bằng biệt danh. Đây là trường hợp Lý Phục Man mà tên gốc đã hoàn toàn biến mất.*” Tiếc rằng vì mê mải với những kiến giải dân tộc lịch sử và nghệ thuật kiến trúc, Nguyễn Văn Huyền chưa dừng lại tìm đến tận nguồn tên gọi Phạm Tu. Hiện có đến hàng chục bản thần tích viết về Lý Phục Man, nhưng cũng **chỉ có vài bản có chi tiết cho biết Phạm Tu là tục danh của Lý Phục Man**, còn năm bài văn khắc Hán Nôm trên bia đá ở Yên Sở và phần lớn các thần tích chỉ nói đến đại từ chung là đại vương hoặc cặp từ vinh danh thần. **(k)** Ngay cả tên thần Lý Phục Man hầu như văn bia, văn cúng và ngôn từ giao tiếp người ta cũng kiêng gọi đích danh. Bản khoán trước những nguồn sử sách như vậy, với bút danh Chí Kiên, năm 1969 trên báo Hà Nội mới ngày 28 tháng 7 có đăng bài *Phạm Tu* của Vũ Tuân Sán, tác giả tóm tắt diễn biến cuộc kháng chiến chống giặc Lương của quân dân Nam Việt, sự ra đời của nước Vạn Xuân và nêu gương một số tướng lĩnh; đặc biệt là danh tướng Phạm Tu và đặt câu nghi vấn: “*Hà Nội có thể tự hào là quê hương của tướng Phạm Tu, vốn người Thanh Liệt, nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Theo thần phả còn giữ được ở địa phương, Phạm Tu sinh năm Bính Thìn (476) vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.*” Lập tức, tư liệu do Vũ Tuân Sán công bố được Trần Quốc Vượng tin dùng khi tham gia biên soạn *Lịch sử Việt Nam* (tập 1, Nxb KHXH, 1971): “*Theo sử cũ và truyền thuyết dân gian, thủ lĩnh vùng Chu Diên là Triệu Túc cùng con là Triệu Quang Phục, phục tài đức Lý Bí, đem dân binh theo Lý Bí trước tiên; tiếp theo đó là Tinh Thiều, Phạm Tu (người Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, Lý Phục Man (hiện còn đền thờ ở Cổ Sở, Hoài Đức, Hà Tây) và nhiều hào kiệt các nơi khác cũng cùng Lý Bí kết làm đồng chí.*”-trang 114”. Đồng soạn giả *Lịch sử Việt Nam*, Nxb ĐHVTHCN, H, 1983) ông viết dè dặt hơn: “*Phạm Tu (có đền thờ ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội) cũng là một tướng tài của Lý Bí từ buổi đầu khởi nghĩa.*” Trước đó gần hai mươi năm, năm 1960 trong giáo trình *Lịch sử*

ché độ phong kiến Việt Nam (tập I) tác giả đã tham khảo *Tư trị thông giám* và *Đại Việt sử ký toàn thư* khi nhắc đến Phạm Tu, nhưng chưa có điều kiện chỉ rõ quê quán. Bốn năm sau, sách *Danh nhân Hà Nội* (tập I-1973) in lại bài báo của Vũ Tuấn Sán với sự bổ sung một đôi câu đối vào cuối bài. Năm 1975, sách *Hà Nội nghìn xưa* của hai tác giả Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán (tái bản năm 1998) có bài *Lão tướng Phạm Tu* giữ lại tinh hoa của bài báo. Có thể coi như bài viết được tái bản lần thứ tám trong kỷ yếu hội thảo *Danh tướng Phạm Tu và họ Phạm trong lịch sử* (1999). Ở đây bài viết có bổ sung thêm hai câu đối nữa. Tác giả viết: “*Danh tướng Phạm Tu được khâm phong là Đô Hồ đại vương, được thờ làm thành hoàng thứ nhất ở đình Ngoài.*” Gần đây, bài báo năm 1969 của Vũ Tuấn Sán được in lại lần thứ năm theo nguyên bản trong sách *Danh nhân Hà Nội* (2004). Toàn tập những bài viết của Vũ Tuấn Sán *Hà Nội xưa và nay* (2007) tái bản lần thứ sáu bài Phạm Tu.

Nếu quả đúng như vậy, coi như không chỉ quê hương danh tướng Phạm Tu đã được khẳng định mà gián tiếp các tác giả đã nêu rõ là Phạm Tu và Lý Phục Man là hai người. Vấn đề khoa học thật lý thú và đầy trở ngại vẫn được một số người quan tâm. Hướng tới khẳng định ý kiến về Phạm Tu và quê hương danh tướng, Lê Văn Lan viết: “*nhận chân về Phạm Tu trở lên vừa khó khăn-mơ hồ, vừa mâu thuẫn-phức tạp. Chẳng hạn như những dòng viết về ông sau đây, trong bộ Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam (Nxb Khoa học xã hội, H, 1991, tr. 744): Quê làng Giá, thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội (nay là Hà Tây). ông được vua Lý phong tước Phục Man tướng quân, đổi theo họ vua là Lý nên cũng gọi là Lý Tu hay Lý Phục Man, lại được vua gả công chúa Phương Dung cho... Mộ và đền thờ ông, nay hãy còn di tích tại quê ông ở làng Giá*”.

Như vậy, ở đây có việc đồng nhất Phạm Tu với một vị thần là Lý Phục Man, được sách cổ Việt điện u linh chép từ đầu thế kỷ XIV-và là vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết. Do đó, nảy sinh một vấn đề trước tiên là: *Quê hương bản quán của Phạm Tu ở đâu? Bởi vì, trong khi Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam cho rằng Phạm Tu là người quê ở làng Giá (Yên Sở, Hoài Đức, Hà Tây) thì, chẳng hạn như Từ điển văn hóa Việt Nam hoặc vừa đây, sách Thành hoàng Việt Nam (Nxb Văn hóa Thông tin, H, 1997, tập II, tr. 565) đều khẳng định rằng: ông là người “quê làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội” hoặc “quê ở thôn Vãn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.*” (12) Tác giả bài tham luận tiểu kết phần I: “*những điều quan trọng, quý báu, cụ thể và sinh động như thế, trong cuộc đời và sự nghiệp của lão tướng Phạm Tu, đã được nguồn*

phát sóng văn hóa học dân gian ở Thanh Liệt cung cấp và Thanh Liệt xứng đáng với niềm tự hào về một quê hương văn võ song toàn: võ là Phạm Tu (476-545) quê hương là thôn Vực; văn là Chu Văn An (?-1370), quê mẹ sinh hạ ra ông tại thôn Văn, cùng xã Thanh Liệt.” (13).

Thực tiễn thời thuộc Lương của cõi Nam Việt đã để lại nhiều bài học lịch sử, trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước thì danh tướng Phạm Tu-Lý Phục Man nổi tiếng hơn cả. Những năm bốn mươi của thế kỷ XX, Nguyễn Văn Huyền đã đặt vấn đề tên thần, quê hương Lý Phục Man và nêu chính kiến. Đến nửa sau thế kỷ XX, Hà Văn Tấn là đồng tác giả trong *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* và hai cuốn *Lịch sử Việt Nam* vẫn giữ ý kiến riêng của mình khi viết phần khảo cứu, giới thiệu đình Yên Sở trong sách *Đình Việt Nam* (1998), ông đã viết: “Trong đình còn giữ nhiều đồ tế tự. Gian chính trong đình có bức hoành đề “Vạn cổ thiên thành”, có hai long, đồ bát bửu và hai con hạc đứng trên lưng rùa.

Đình thờ Phạm Tu hay Lý Phục Man, người làng Cổ Sở, một tướng của Lý Nam đế (541-548). Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch.” (14)

Căn cứ vào thần phả và truyền thuyết dân gian ở xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, *Quy ước làng Ngọc Than* do sở Văn hóa thông tin Hà Tây xuất bản năm 1995 có đoạn: “Thế kỷ VI, Phạm Chí (tức Phạm Tu) đã tập hợp 300 tráng binh của làng, tham gia cuộc khởi nghĩa của Lý Bí, góp phần đánh đuổi giặc Lương, lập nên nhà nước độc lập Vạn Xuân.” Theo tài liệu sưu tầm, dịch thuật của Nguyễn Bá Hân, hiện ở xã Yên Sở còn ngôi chùa Lừa, chùa không thờ Phật mà là nơi thờ cha mẹ Phạm Tu. Và “Đây đúng chỉ là một ngôi miếu con mà tổ tiên chúng ta dựng trên mảnh đất nền nhà cũ của ông bà cụ Phạm Tôn ở xóm Lã Xá, nơi mà người con của quê hương, vị anh hùng dân tộc Phạm Tu đã sinh ra và lớn lên ở đó.” Sau bài viết của Vũ Tuấn Sán, hầu hết các tác giả tham gia hội thảo về danh tướng Phạm Tu ngày 8 tháng 9 năm 1998 đều nêu ý kiến đồng tình: Phạm Tu là một danh tướng thời Lý Nam đế, là một người khác tồn tại độc lập với danh thần Lý Phục Man “sinh ngày 12 tháng 3 năm Bính Thìn (476) tại trang Quang Liệt, tên cổ của Thanh Liệt”. Về năm mất “Theo thần phả, tả tướng Phạm Tu đã giúp Lý Nam đế cầm cự được gần hai năm, sau bị thất bại ở vùng Chu Diên, tức khu vực Hải Dương, Hưng Yên ngày nay, quân ta lui về giữ thành ở ngay cửa sông Tô Lịch (khu vực chợ Gạo, sau chợ Đồng Xuân hiện nay). Quân Lương xiết chặt vòng vây, quân ta đã chiến đấu ngoan cường. Chính trong cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt này, lão tướng đã ngoài 70 tuổi Phạm Tu đã anh dũng hy sinh... Đó là ngày 20

tháng Bảy năm Ất Sửu (545)” (14). Ngoài kỷ yếu *Danh tướng Phạm Tu và họ Phạm trong lịch sử* (1999), Phạm Hồng Vũ đã biên soạn và xuất bản *Danh tướng Phạm Tu* (2003) tiếp tục khẳng định những kết quả trên. Theo luận suy của Trần Quốc Vượng thì có thể thành Vạn Xuân của Lý Nam đế được dựng bên bờ hồ Thanh Đàm. Phạm Hồng Vũ đã tìm thấy “*Dấu ấn thời gian còn in đậm trong mỗi cái tên của làng quê, liên quan đến những chiến tích của danh tướng Phạm Tu như cửa Triệu, cổng Đồn, cửa Trại; voi, ngựa, lá cờ, thanh kiếm, vồng long và long, ly, quy, phượng được thể hiện bằng các gò đất và các thửa ruộng còn lưu truyền lại.*” (15). Việc dân làng tôn vinh, thờ phụng Phạm Tu là thành hoàng làng là lẽ đương nhiên như 74 làng khác ở nhiều nơi trong nước. Loại bỏ dấu ấn của thuyết phong thủy (các gò đất mang danh long, ly, quy, phượng) thì chứng tích một thành Vạn Xuân hay cung điện sơ khai mà lại tồn tại chưa được 5 năm ở đây là đúng, bởi thế việc thờ vọng Phạm Tu ở Thanh Liệt là chính đáng. Đó là lẽ thứ hai khiến người đời không thể sao nhãng. Lẽ thứ ba, thần phả Phạm Đô Hồ đại vương Thanh Liệt xã (神譜范都湖大王清列社) “*sao lục tại đền Hùng Vương tỉnh Phú Thọ*” năm 1934 không có tên người soạn thảo và ngày tháng ấn định văn bản nên **độ tin cậy không cao**. (g) Cuốn thông sử mới nhất *Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X*, do Đỗ Văn Ninh chủ biên (2001) thận trọng chú thích: “*Lý Phục Man là một nhân vật chưa xác định được rõ ràng nguồn gốc. Có người cho rằng Lý Phục Man với Phạm Tu là một. Vấn đề này cần được chứng minh.*”

Theo chúng tôi, danh tướng Phạm Tu hay danh tướng, sau khi chết là danh thần Lý Phục Man chỉ là một người. Mỹ tự “*Cảm ứng cư sĩ Phạm Tu, thụy Đô Hồ đại vương, thương đẳng thần*” (感應居士范修謚都湖大王尚等神) trong bản thần tích Phạm Tu ở Thanh Liệt có thể có sự nhầm lẫn. Bằng chứng chắc chắn là sinh thời Lý Nam đế chưa thể có sắc phong thần cho Phạm Tu, bởi lẽ nếu tướng Phạm Tu chết cùng Lý Nam đế ở động Khuất Liêu hay **hy sinh ở cửa sông Tô Lịch thì ông còn chết sau vua; (a)** thế thì mỹ tự Cảm ứng của Đô Hồ đại vương **không bao giờ có là “Nam đế sắc vi”** (南帝敕為) được. (h) Hai chữ *Cảm ứng* là do vua..... tặng thần Lý Phục Man trong sắc phong: “*Năm Khánh Đức thứ 4 (1652), ngày 19 tháng 2... thần được vua ban thêm 18 chữ: Phổ Huệ, Phát Chính, Thi Nhân, Hùng Hồn, Côi Vĩ, Thuần Túy, Linh Uy, Cảm ứng, Phu Dũng*” (16). Giả sử nếu có sắc phong cho Phạm Tu thì bắt buộc phải là loại văn bản hành chính do vua ban hành để khen thưởng, tuyên dương công trạng hoặc thăng chức cho người có thành tích hiện còn sống. Và lại, việc đặt tên thụy xưa nay là do người sống đặt tên cho người mới chết, thường theo hành vi lúc sinh thời mà đặt. Sự nhầm lẫn này là

bình thường trong các văn bản Hán Nôm bị sao đi chép lại, nhưng khi nghiên cứu cần thiết phải giám định tư liệu khi sử dụng.

Mười bản sắc phong đời Nguyễn-theo Phạm Hồng Vũ là sắc phong cho thành hoàng Phạm Tu-từ năm 1824 đến năm 1934 là những tài liệu xác thực. Ngoài ra ông còn viết: *“Theo truyền thuyết dân vùng quê Thanh Liệt đã tự phong danh tướng Phạm Tu là nguyên súy và thêu lá cờ mang hai chữ nguyên súy bằng kim tuyến trên nền xanh xẫm xung quanh có tua vàng. Trong mỗi dịp lễ hội, cờ được cầm đi trước kiệu.”* Và *“danh tướng Phạm Tu là thần Tây Vực (thần võ phía tây) giáng trần dạy dân cày cấy, dẹp giặc Lương phương bắc, bình giặc Chiêm phương nam, xây dựng đất nước thái bình.”* Vua Minh Mệnh “*ân điển tặng thêm cho thần tước vị*” là hai chữ *Công Chính*. Khi vua Thiệu Trị tại vị “*nhân ngày đại khánh mừng thọ Minh Mệnh 50 tuổi*” tặng thần thêm hai chữ *Luyện Đạt*, ghép nối thành *Công Chính Luyện Đạt* vào ngày 12 tháng 5. Hơn một tháng sau, ngày 18 tháng 6 năm 1884 có một sắc nữa lập lại y nguyên. Bấy sắc phong còn lại của các vua Tự Đức (hai lần 1850 và 1879), Thành Thái (hai lần 1901 và 1903), Duy Tân (hai lần 1909 và 1913), Khải Định 1924 chỉ ghi nhận: *“trẫm ghi nhớ công ơn rực sáng của thần”* và *“chuẩn y cho dân làng thờ phụng như cũ”*. Điều đáng chú ý là danh tướng Phạm Tu được tôn thờ ở Thanh Liệt đã được coi là *“thủy thần có công đức giúp nước che dân lâu nay linh ứng rõ ràng.”* Ở làng Ngọc Than cũng có một điểm thờ Phạm Tu, thần phả cũng nhận là người làng và lại có sắc phong cho thần là Đông Hải đại vương. Rõ ràng là nhân dân đã truyền thuyết hóa lịch sử, tìm mọi cách đề cao vị thành hoàng làng mình, gán cho thần những điều linh dị, sao cho hợp với phong thổ, địa danh mà họ đã và đang cư trú. Đời sau, nhiều thế hệ sau vua theo các quan trình nghị ý kiến của dân mà phê duyệt. Sự sai lạc tình tiết, ghép nhặt các mảnh truyện ly kỳ không mấy ai quan tâm, chỉ có các nhà nghiên cứu, chép sử bản khoan khi có dịp cần xem xét. **(d)**

Tuy nhiên, dù có mấy nhược điểm trên, truyền thuyết hoặc truyền thuyết được chép lại trong gia phả, thần tích vẫn bộc lộ bóng dáng sự thật lịch sử khá rõ. Phạm Tu với tên thần là Đô Hồ đại vương ở Thanh Liệt *“là thang mộc áp”*-đất vua ban. Ở đây *“on tắm gội”* có thể là của vua triều Nguyễn. Đình thờ Phạm Tu ở Thanh Liệt chỉ là một điểm thờ vọng được vua khẳng định lại chỉ ít là mười lần. Giả thiết việc sùng kính Phạm Tu và việc làng Thanh Liệt được cấp đất thờ cúng Phạm Tu xảy ra ngay khi ông còn tại thế, một khi công trạng của ông với dân đã được khẳng định, thì cũng là chuyện đã có trong lịch sử. Mở đầu bản thần tích viết *“Phạm Tu cư sĩ”* là xuất phát từ nguồn lịch sử gia đình. Biết đâu có lúc nào đó trong cuộc đời

Phạm Tu trước khi nổi tiếng bởi chiến công dẹp giặc, cũng đã từng ở chùa làng Thanh Liệt hoặc theo học một nhà sư nào ở đây. Truyền thuyết về Phạm Tu ở Yên Sở kể rằng: “*giáp Quả Tây là hàng giáp người nhà thánh, được trông nom nhà cửa mồ mả cha mẹ thánh Giá. Ngôi nhà cũ ở xóm Ngõ Xá có tên gọi là chùa Lụa. Một ngôi chùa không thờ Phật mà chỉ thờ cha mẹ ngài. Nhân dân trong vùng cho rằng các cụ đều là người nhà Phật.*”(17) Thế kỷ VI, đạo Phật đã thịnh hành ở Nam Việt, “*thiền học Việt Nam chính thức có căn cứ từ hai thiền sư Thích Huệ Thắng và Thích Đạo Thiền.*”(18)

Theo ngôn từ Phật học thì Phạm Tu là thế danh, còn khi người hiền thánh thì dân gian tìm mọi cách phù hợp kiêng gọi húy hiệu nên gọi **Phạm Tu là thánh Giá, Thiên Nam thánh, thần Lý Phục Man. Hơn tất cả là tính danh do chính vua Lý Nam đế ban tặng, tính thiêng liêng lại gấp bội lần tăng.** (b) Quê hương Phạm Tu-Lý Phục Man nay là xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội đương nhiên là nơi có đền thờ, lễ hội tưởng nhớ lớn nhất. Con số thống kê chưa đầy đủ đã có 74 làng xã ở khắp vùng châu thổ Bắc Bộ lập đền thờ, mở hội nhắc lại công ơn danh tướng đủ nói lên tầm quan trọng của một anh hùng dân tộc, một danh nhân Việt Nam nổi tiếng từ thời Tiền Lý.

-
- (1). Theo tài liệu sưu tầm của Nguyễn Bá Hân.
 - (2). Việt điện u linh-Bản dịch của Ngọc Hồ-Nxb Cửu Long 1992.
 - (3-4). Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Nxb Giáo dục, H, 1988.
 - (5). Việt điện u linh, Bản dịch của Trịnh Đình Rư-Đình Gia Khánh, Nxb Văn học, H,
 - (6). Thiên Nam minh giám, Nxb
 - (7). Văn bia Quán Giá, Nxb Thế giới, H, 1995.
 - (8-9). Thiên Nam ngữ lục, Nxb Văn hóa, H, 1959.
 - (10). Đại Nam nhất thống chí, Nxb Khoa học xã hội, H, 1972.
 - (11). Nguyễn Văn Huyền toàn tập (tập 2), Nxb Giáo dục, H, 2001.
 - (12-13-14). Danh tướng Phạm Tu và họ Phạm trong lịch sử, Nxb Văn hóa thông tin, H, 1999.
 - (15-16). Phạm Hồng Vũ, Danh tướng Phạm Tu
 - (17). Văn bia Quán Giá, Nxb Thế giới, H, 1995.
 - (18). Trương Sỹ Hùng, Tôn giáo và văn hóa, Nxb Khoa học xã hội, H, 2007.

Sau đây là tài liệu do tác giả Trương Sỹ Hùng cung cấp và là *Lời giới thiệu* của cuốn "Sự tích đức thánh Giá" của tác giả Yên Sơn-Nguyễn Bá Hân in năm 2009 tại Nxb. KHXH.

LỜI GIỚI THIỆU

TRONG CUỐN SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH GIÁ

PGS. TS. Trương Sỹ Hùng

Vào dịp Hội văn nghệ dân gian Hà Nội tổ chức họp mặt, tổng kết năm 2008 và mừng xuân Kỷ Sửu 2009, chúng tôi được tiếp xúc với ông Nguyễn Bá Hân, một tác giả gần như đã trở thành chuyên gia nghiên cứu, sưu tầm tài liệu văn hóa truyền thống ở một địa danh vốn đã nổi tiếng trong lịch sử. Nổi tiếng bởi Yên Sở quê ông chính là nơi người anh hùng dân tộc Phạm Tu-Lý Phục Man đã sinh ra và khôn lớn trưởng thành; người có công lớn nhất giúp vua Lý Nam Đế đánh đuổi giặc ngoại xâm, chinh Nam chiến Bắc, giành độc lập tự do cho non sông Nam Việt ở những năm cuối thế kỷ V đầu thế kỷ VI.

Xuất phát từ niềm tự hào chính đáng đó, nhà Hán học Nguyễn Bá Hân đã dày công nghiên cứu nhiều nguồn tư liệu khác nhau; từ thư tịch Hán Nôm đến các truyền thuyết, dã sử... vật lộn với cuộc sống ngặt nghèo mà vươn tới nắm bắt từng mảnh tư liệu. Gần ba mươi năm đằng đẳng theo đuổi một đề tài, chỉ với chiếc xe đạp cà tàng ông đã lặn lội đến hầu hết các địa danh quanh vùng; hễ nghe ai nói đến bất cứ nơi nào có truyền khẩu hoặc tài liệu về Phạm Tu-Lý Phục Man là ông tìm mọi cách bố trí thời gian đến tận nơi khảo sát thực tế. Với vốn liếng chữ Hán tự học, Nguyễn Bá Hân đã tìm được khá nhiều văn bản Hán Nôm rồi ông viết lại nguyên tự, phiên âm, dịch nghĩa rồi cho in song ngữ những tài liệu xung quanh nhân vật lịch sử Phạm Tu-Lý Phục Man. Thực hiện chủ trương vừa học vừa làm, ông đi nhiều, tiếp xúc rộng, trong khi vẫn hằng xuyên tích lũy tư liệu về Phạm Tu-Lý Phục Man; ông bình tĩnh tự tin và đã đạt khá nhiều thành tựu vững chắc.

Trên thực tế, chúng tôi mới kiến diện Nguyễn Bá Hân lần đầu, song tính danh ông chúng tôi đã biết đến ngay từ khi cuốn sách *Văn bia quán Giá* của ông được in ở nhà xuất bản Thế giới năm 1995. Dĩ nhiên, Nguyễn Bá Hân không phải là người đầu tiên khai thác nguồn tài liệu văn bia hiện còn được bảo tồn nguyên vẹn ở đền thờ Phạm Tu-Lý Phục Man tại xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; nhưng khi đọc sách của ông, kết hợp xem lại công trình *Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam* (1938) của Nguyễn Văn Huyền thì thấy ngay sự hoàn hảo hơn, công phu hơn, bởi Nguyễn Bá Hân đã khảo tả, chép lại theo nguyên bản,

phiên âm, dịch nghĩa tất cả năm tấm bia đá, đã và đang được giữ gìn rất cẩn thận ở quê ông. Bảy mươi năm trước, Nguyễn Văn Huyền căn cứ vào bản dập của trường Viễn đông bác cổ và do một định hướng tiếp cận khác, nên ông mới chỉ đề cập đến ba tấm bia, trong đó một bia (ký hiệu 1.280) có bản dịch nội dung cơ bản, còn hai tấm khác (ký hiệu: 1.274 và 1.276) chỉ được trích dẫn tư liệu cho phù hợp với bài viết. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lịch sử, lễ hội... xung quanh nhân vật Phạm Tu-Lý Phục Man sau đó gần nửa thế kỷ vẫn còn bị hạn chế, hạn chế đến mức có người đã viết bài nhìn nhận sai lạc. Chẳng hạn như nhiều người vẫn khẳng định Phạm Tu và Lý Phục Man là hai người trên một số bài báo hay một số bài phát biểu tại hội thảo về lịch sử và truyền thống địa phương Yên Sở năm 1982, và nhất là các bài viết cho hội thảo về danh tướng Phạm Tu ngày 8 tháng 9 năm 1998, khẳng định quê hương Phạm Tu ở Thanh Trì.

Trong khi đó, Nguyễn Bá Hân không sa vào tính bản vị địa phương để nhận lấy được, ông nhận thức vấn đề rất khách quan, tôn trọng sự thật lịch sử mà đúc rút chân lý. Loại hình văn khắc đá dường như vẫn “*trơ gan cùng tuế nguyệt*” mà ở đây ông là người có công giới thiệu rộng hơn, tự thân sự việc đã nói lên công sức của Nguyễn Bá Hân đến nhường nào. Tuy thế, ở Lời nói đầu công trình sưu khảo *Sự tích đức thánh Giá* này ông vẫn khiêm nhường: “*sưu tầm, khảo cứu thu thập những điều tai nghe mắt thấy ở trên 30 làng xã trong 7 huyện để viết nên những trang sách này, chúng tôi muốn giúp được phần nào cho những ai đang quan tâm tới sự nghiệp của một vị anh hùng dân tộc từ thời sơ sử đã sống cách ta gần 15 thế kỷ (537-545). Và điều mong muốn duy nhất của người viết là những tư liệu trong cuốn sách này sẽ góp phần giúp mọi người hiểu rõ hơn những công lao sự nghiệp vô cùng to lớn của Người đã mang lại hạnh phúc cho dân cho nước ta*”. Một trang lịch sử hào hùng của dân tộc đã có độ lùi khá xa của thời gian, có được tư liệu xác thực như thế thật là đáng trân trọng.

Những vấn đề tư liệu về Phạm Tu-Lý Phục Man kể từ *Văn bia quán Giá* đến *Kẻ Giá tên đất tên người* (2005), *Văn thơ quán Giá* (2006), *Sự tích đức thánh Giá* (2009) của Nguyễn Bá Hân đã góp phần cơ bản, khẳng định được tính danh, nguyên quán, công trạng của nhân vật và sự kiện bằng lịch sử tư liệu thực địa, bằng văn tự. *Kẻ Giá tên đất tên người* và *Văn thơ quán Giá* thu tóm toàn bộ thơ vịnh, văn khắc, giấy in, truyền thuyết ở Yên Sở và các vùng lân cận xung quanh Phạm Tu-Lý Phục Man. Cuốn trước tác giả phục dựng lại toàn bộ diện mạo nếp sống, phong tục, sự hình thành; thay đổi địa danh của quê hương người anh hùng dân tộc; cuốn sau là sưu tập sáng tác văn chương, lòng sớ, văn khấn... ca ngợi sự

nghiệp vẻ vang của tướng quân Đỗ Động-Phạm Tu-Lý Phục Man là ba danh xưng của một con người; tích tụ tinh hoa khí phách một dân tộc yêu nước nổi tiếng từ thế kỷ VI. Với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin hòa nhập với khoảng cách khá xa của lịch sử, nếu việc nghiên cứu về Phạm Tu-Lý Phục Man còn được tiếp tục thì mảng tư liệu do Nguyễn Bá Hân gom được ở huyện Hoài Đức chắc khó có ai vượt trội hơn. Riêng chúng tôi chỉ mong ông khỏe mạnh minh mẫn để có thể “bổ sung” bằng cách khảo lại hơn chục bản thân tích về Phạm Tu-Lý Phục Man hiện có ở viện Hán-Nôm cũng như mấy bản khác mà ông đã đọc, đã nói đến trong ba cuốn sách nêu trên. Khảo nhiều dị bản lưu hành ở nhiều nơi, do nhiều thể hệ viết lại, biết đâu chẳng có những phát hiện mới như chuyện ông tìm ra sự kiện Á Nương chẳng hạn?

Nguyễn Bá Hân đã thể hiện tình yêu quê hương bằng hành động cụ thể trong sự nghiệp văn hóa giáo dục; có thành tựu xuất sắc trong sưu tầm khảo cứu lịch sử văn hóa Việt Nam tụ lại ở điểm kẻ Giá. Từ cái nhìn khách quan, cuốn *Nhị thập tứ hiếu* (1998) do ông phiên âm cũng có một vài ghi nhận mới, so với bản in của nhà xuất bản Á châu (1943) do Hoàng Trung Chính thuật và chú thích. Hình như ý tứ Nguyễn Bá Hân muốn nêu lại những tấm gương trung hiếu, hướng tới mục đích khuyên răn con cháu hãy rèn luyện ý chí làm người, giữ đạo làm con kính trọng cha mẹ, thương yêu anh em đồng bào ngay từ trong phạm vi gia đình làm cơ sở trước khi mỗi người đều phải đóng góp công sức nhỏ bé của mình mà gánh vác việc nước.

VIỆC ĐỒNG NHẤT TRONG CUỐN SÁCH

“Thăng Long-Hà Nội những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm”

PGS. TS. Lê Đình Sỹ nguyên Phó viện trưởng Viện lịch sử quân sự Việt Nam vừa chủ biên một cuốn sách đáng quan tâm *“Thăng Long-Hà Nội những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm”* được Nxb. Hà Nội cho in nhân dịp đại lễ 1000 năm Thăng Long. Trang 48, 49 cuốn có viết về lão tướng Phạm Tu như sau:

*Theo thần tích, trong cuộc kháng chiến chống quân Lương ở bên sông Tô Lịch, lão tướng **Phạm Tu** (có tài liệu cho là Lý Phục Man) đóng trụ cột của Lý Nam Đế, người đứng đầu hàng võ quan triều đình Vạn Xuân đã chiến đấu rất anh dũng và đã hy sinh vào ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu (8-545). Phạm Tu, **người làng Cổ Sở** đã tham gia khởi nghĩa khởi nghĩa từ những ngày đầu và có công lớn trong*

sự giải phóng trước đây. Ông từng được phái vào phía nam đánh tan quân Lâm Ấp ở Cửu Đức (Hà Tĩnh), rồi **trấn giữ vùng Đường Lâm** (Ba Vì, Hà Nội). Khi nhà Lương phái quân đánh Vạn Xuân, Phạm Tu chỉ huy quân đội chiến đấu và hy sinh anh dũng. **Thị hài của ông được đưa về bến Hồ Mã**, an táng tại quê hương. Khu mả Thánh cây cối mọc um tùm như rừng nên được gọi là Rừng Giá hay Rừng Cắm nơi nổi tiếng là rất thiêng: “Rừng Giá cái lá cũng thiêng”. Nhân dân thương nhớ lập miếu thờ và suy tôn làm thành hoàng của làng. Năm 1016, vua Lý Thái Tổ qua bến Cổ Sở, đã sai lập đền thờ và **đắp tượng Phạm Tu**, từ đó các triều vua đều có sắc phong và hàng năm vào ngày 10 tháng ba, tương truyền là ngày sinh của Thánh Giá, nhân dân lại mở Hội Giá nhằm tưởng niệm và nêu cao công lao, sự nghiệp của người anh hùng Phạm Tu.

Ở đây chúng ta gặp lại việc mà PGS. TS. Trương Sỹ Hùng đã nêu ở trên bởi nhiều tác giả đã sử dụng thông tin trong *Sự tích* về thần Lý Phục Man, đó cũng là sáng tác văn học, một dạng dã sử:

“Sáng tác văn học như diễn ca lịch sử xưa nay cũng như tiểu thuyết lịch sử đương đại cho phép tác giả được hư cấu hình tượng, sao cho điển hình nhân vật nổi bật, nhưng **không được bịa ra sự kiện, không được “lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia”**, gây nhận thức rối loạn cho người đọc.”

II. TƯ LIỆU VỀ PHẠM TU

KHẢO SÁT THÊM VỀ MIẾU VÀ ĐÌNH THỜ LONG BIÊN HẦU PHẠM TU Ở THANH LIỆT, THANH TRÌ, HÀ NỘI

TRẦN LÊ SÁNG

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Ngày 20 tháng 7 năm Đinh Sửu, tức ngày 22 tháng 8 năm 1997 là ngày giỗ lần thứ 1452 năm của vị danh tướng Long Biên hầu Phạm Tu đời vua Lý Nam Đế. Cụ Phạm Tu người thôn Vực Mụ, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Thân phụ là cụ Phạm Thiều, thân mẫu là cụ Lý Thị Trạch.

Cụ Phạm Tu sinh ra trong một gia đình có truyền thống văn hóa:

Thư thảo tinh điền, thánh đức uông hàm gia thế đại;

Bút hoa bảo cáo, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.

Dịch:

Sách thảo nghĩa sâu, thánh đức bao dung gia thế lớn;

Bút hoa lời báu, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.

(Câu đối và bản dịch ở Miếu Vực)

Thần tích chép rằng, ngày 9 tháng Giêng năm Ất Mão (475), bà Lý nằm mộng thấy thần Tây Hồ thay trời xuống ban cho quý tử. Ngày rằm bà lại thấy ánh sáng đầy nhà, có con bạch hoa xà (điềm báo có võ tài hướng Tây xuất hiện) hóa thành đóa sen trắng (điềm báo văn tài hướng Tây xuất hiện) lượn đến, bà Lý đỡ lấy và có thai.

Ngày 12 tháng 3 năm Bính Thìn (476), bà Lý sinh con trai; lúc sinh, mùi hương thơm tỏa đầy nhà. Ông bà đặt tên cho con là Phạm Đô Tu. Cậu Tu phương phi, tuấn tú, học giỏi, đàn hát hay và là đô vật nổi tiếng trong vùng. Đến nay, lò vật Quỳnh Đô vẫn là lò vật nổi tiếng.

Cuối năm Tân Dậu, tức vào tháng 1 năm 542, Giám quân ở châu Cửu Đức (vùng Hà Tĩnh ngày nay) dấy binh khởi nghĩa, chống lại ách đô hộ nhà Lương. Viên Thứ sử cai trị nước ta lúc bấy giờ là Tiêu Tư. Tiêu “vì hà khắc tàn bạo mà

mất lòng người” (Đại Việt sử ký toàn thư). Trong đêm dài Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa của Giám quân Lý Bôn giống như bó đuốc rực sáng soi đường, nhân dân và anh hào khắp nơi đều hướng về, nô nức hưởng ứng. Ở Chu Diên (Đan Phượng, Từ Liêm) có Hào trưởng Triệu Túc (thân phụ vua Triệu Việt Vương sau này); ở Sấu Giá (Yên Sở, Hoài Đức) có Lý Phục Man, lại có người là quan nhà Lương bỏ quan chức chạy về với quân khởi nghĩa như Tinh Thiều..., đều là những bậc anh hùng xuất chúng, kéo quân về giúp. Trong số những vị anh hùng xuất chúng ấy, chúng ta còn phải kể đến vị lão anh hùng Phạm Tu.

Tướng quân Phạm Tu lúc bấy giờ đã 67 tuổi, song tuổi tác không ngăn được nhiệt tình và tài năng xuất chúng của ông. Triệu Túc, Tinh Thiều, Phạm Tu trở thành ba vị lãnh tụ Lý Bôn lãnh đạo. Quân ta đánh đâu thắng đấy. Thù sừ Tiêu Tư phải bỏ chạy về nước. Đất nước ta được giải phóng.

Tháng Giêng năm Giáp Tý (544), vua Lý Nam Đế lên ngôi; đặt tên nước là Vạn Xuân lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt quan chế, v. v... Sau mấy trăm năm phải làm nô lệ, những năm thời vua Lý Nam Đế, nhân dân ta được tự do, đất nước được độc lập... Tiếc thay! Thời gian chỉ ngắn ngủi có bốn năm! Song ý nghĩa lại hết sức to lớn. Ý nghĩa to lớn này thật khó nêu hết được!...

Tư liệu về hành trạng của Tướng quân Phạm Tu, hiện nay tìm được còn rất ít, tuy vậy, những tư liệu đầy giá trị này vẫn cho phép chúng ta khẳng định công lao to lớn của vị Tướng quân họ Phạm đối với đất nước.

Những tư liệu về Tướng quân Phạm Tu, có thể chia làm hai nguồn chính: Nguồn thư tịch, giấy tờ có tính chất quốc gia và nguồn ghi chép, di tích có tính chất truyền thống, địa phương.

Về nguồn thư tịch, giấy tờ có tính chất quốc gia, trước hết phải kể đến quốc sử, đến sắc phong:

Tìm vào quốc sử, chúng ta đọc được ở Kỷ nhà Tiền Lý, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* những đoạn như sau:

“Quý Hợi, năm thứ 3 (543), mùa hạ, tháng Tư, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua (Lý Nam Đế) sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở quận Cửu Đức.

“Giáp Tý, Thiên Đức năm thứ 1 (544), Mùa xuân, tháng Giêng, vua nhân đánh được giặc, tự xưng là Nam Việt Đế, lên ngôi, đổi niên hiệu, đặt trăm quan, dựng quốc hiệu là Vạn Xuân, là ý mong xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng

điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc là Thái phó, bọn Tinh Thiều, Phạm Tu, đều là tướng văn và tướng võ”.

Việt Nam sử lược cũng viết:

“Qua năm Quý Hợi (543) quân Lâm Ấp lại sang quấy phá quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu vào đánh ở Cửu Đức (Hà Tĩnh), người Lâm Ấp thua chạy về nước”.

“Năm Giáp Tý (544) đời nhà Lương bên Tàu, ông Lý Bôn tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức rồi phong cho Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ”.

Thiên Nam ngữ lục (thế kỉ XVIII) chép:

*Vua cùng tướng quân Phạm Tu,
Vào Khuất Liêu động thác hư lên trời.*

Các sử học xưa của nước ta, khi viết quốc sử thường xem kĩ sử Trung Quốc, viết về sử đời Tiền Lý, chắc chắn có tham khảo sử nhà Lương đời Lục triều. Trong đình Ngoài làng Thanh Liệt thờ Tướng quân Phạm Tu làm Thành hoàng, còn đôi câu đối:

*Tướng sử Lục triều Lương địch quốc;
Thần bi nhất Phạm Liệt danh hương.*

Dịch:

*Chống quân Lương thời Lục triều, dũng tướng lừng danh sử chép;
Dòng họ Phạm đất Thanh Liệt, thần võ còn dấu bia truyền.*

(Bản dịch của Chí Kiên; bài “Phạm Tu” trong Danh nhân Hà Nội; 1973).

Như vậy, danh tướng Phạm Tu có thể đã được chép trong sử nhà Lương thời Lục triều.

Ngày 18 tháng 7 vừa qua, chúng tôi đã cùng các ông Nguyễn Hữu Tường, Vũ Hồng Quân, Nguyễn Xuân Đa là những nhà Hán học và cán bộ địa phương đi thăm lại miếu, đình thờ danh tướng Phạm Tu. Hiện nay, bảo tàng Thanh Liệt còn giữ được 18 đạo sắc phong của các triều về Long Biên hầu Phạm Đô Hồ Đại vương. Gồm:

- Đời Lê Cảnh Hưng 4 đạo.
- Đời Lê Chiêu Thống 1 đạo.
- Đời Tây Sơn, Cảnh Thịnh 2 đạo.

-Đời Nguyễn 11 đạo.

Những tư liệu quốc sử, giấy tờ có tính chất quốc gia nói trên đã giúp cho chúng ta rất nhiều trong việc tìm hiểu về danh tướng Phạm Tu. Ngoài ra, chúng ta được bổ trợ qua nguồn ghi chép, di tích ở địa phương.

Ở Thanh Liệt hiện nay có hai nơi thờ danh tướng Phạm Tu đó là Miếu Vực và Đình Ngoài. Miếu Vực ở xóm Vực. Miếu thờ Long Biên hầu Phạm Đô Hồ Đại vương cùng Thánh phụ Phạm Thiệu, Thánh mẫu Lý Thị Trạch.

Bài vị ghi:

“Bản thổ Tới linh Lý triều Long Biên hầu Phạm Đô Hồ Đại Vương”
Trước miếu có đôi câu đối:

*Văn tại tư hồ, kinh vĩ lưỡng gian thùi bất hủ;
Đức kỳ thịnh hĩ, hiển vi nhất lý hưởng vu thành.*

Dịch:

*Văn để dài lâu, ngang dọc hai gian truyền bất hủ;
Đức còn thịnh mãi, tỏ mờ một lẽ lẽ chân thành.*

(Theo bản dịch trong miếu)

Theo câu đối trên, miếu vốn có hai gian, nay được mở rộng thành ba gian. Danh tướng Phạm Tu sau khi mất, về năm mất, mộ táng, nơi thờ, thực ra còn đôi chỗ vẫn phải tiếp tục tìm hiểu thêm; song quê ông phải là Thanh Liệt, phát hiện đó cần ghi nhận. Nhưng Miếu Vực là nơi thờ Thánh phụ, Thánh mẫu còn đối với đức Thánh Phạm, miếu này chỉ là nơi thờ vọng.

Đình Ngoài ở ngoài đồng, thuộc thôn Trung. Đình có vườn rộng, phía trước đình có hồ lớn, gọi là hồ Tròn. Nghe nói xưa hồ có cánh như hoa sen, điều đó hình như hợp với mộng Thánh mẫu lúc có mang đức Thánh. Bên phải đình có nhà thọ lão, điều đó lại hình như hợp với kiểu dựng điện Vạn Thọ ở triều vua Lý Nam Đế. Trong đình có đôi câu đối gỗ đã có chỗ bong sơn, để trong góc:

*Miếu thành không yên, chung thủy tam thiên quy thẳng địa;
Dân kim thụ tứ, cổn hoa ngũ tự biểu danh hương.
(Miếu thành được yên, sau trước ba lần dời mới về đất đẹp.
Dân nay nhận sắc, huy hoàng năm chữ vua ban tỏ danh làng).*

Vậy, hình như đình đã dựng ba lần, lần cuối mới là chỗ hiện nay chăng?

Đình có bốn tấm biển lớn:

Cổ hữu quang (Xưa đã sáng)

Hữu hữu liệt quang (Mắt vẫn rực sáng)

Ngọc Đàm Thanh (Ngọc Đàm Thanh)

Vạn cổ linh trường (Muôn thuở anh linh)

Trong đình còn một số đôi câu đối khác như:

*Trượng nghĩa cự Lương binh, hách hách tinh trung huyền nhật nguyệt;
Phong hầu minh Lý sử, miên miên thang mộc ẩm phần du.*

Dịch:

*Khởi nghĩa dẹp quân Lương, lẫm liệt tinh trung ngời nhật nguyệt;
Phong hầu ghi sử Lý, vẻ vang thang mộc rạn quê hương.*

(Bản dịch của Chí Kiên; bài và sách đã dẫn)

V.. V..

Ngoài ra, đình Ngoài còn Thần tích chép sự tích của Thành hoàng Phạm Đô Hồ Đại vương. Theo Thần tích, tháng 6 năm Ất Sửu (545), tướng Lương là Trần Bá Tiên đánh Chu Diên, Tướng quân Phạm Đô Hồ chống giặc và tử trận; đó là ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu. Sau khi mất, ông được vua Lý Nam Đế phong là Long Biên hầu, ban thụy là Đô Hồ, sắc phong làm Thành hoàng bản cảnh, ban cho bản trang là áp thang mộc, được miễn sưu dịch; lại cho một trăm nén bạc để dựng miếu thờ. Từ đó, viết chữ Hán ký húy phần bên phải, phần bên trái chữ TU (Tu trong “Tu dưỡng”)¹.

Theo bà con địa phương cho biết, cho đến nay, người bản địa khi nói gặp chữ TU đều đọc chệch là TO.

Điều đáng lưu ý hơn nữa là trong đình Ngoài còn bức vẽ Thành hoàng Phạm Đô Hồ. Bức vẽ này cỡ khoảng 60 x 80cm; sắc thái Ngai trang nghiêm nhưng phúc hậu, bình dị. Thời gian vẽ được chưa rõ “*Bảo Đại thất niên tuế thứ Nhâm Thân bát nguyệt sơ bát nhật*”, tức bức vẽ này được vẽ vào ngày 8 tháng 8 năm Nhâm Thân

¹ Cuối bản Thần tích có ghi: “*Bảo Đại cửu niên Giáp Tuất Trung nguyên tiết Thanh Liệt xã toàn dân cung lục tại Phú Thọ tỉnh Hùng Vương từ*” (Toàn dân xã Thanh Liệt cung phụng sao tại đền Vua Hùng, Rằm tháng Bảy, năm Giáp Tuất (1934), Niên hiệu Bảo Đại thứ 9).

niên hiệu Bảo Đại (1932).¹ Bên phải bức vẽ này có bức vẽ một tướng võ ở võ ban; bên trái có bức vẽ tướng văn ở văn ban. Phía trước có bức tứ bình bốn cô gái đang đánh đàn, thổi sáo. Các bức vẽ trên gợi lên ý nghĩ, Tướng quân Phạm Tu tuy là võ tướng, song lại có phong cách văn nhã, dễ gần.

Tướng quân Phạm Tu có đóng góp lớn cho đất nước, cho Hà Nội như vậy được sử sách đánh giá cao và nhân dân quý mến như vậy thế mà, cho đến nay, chưa một đường, một phố nào ở Hà Nội gắn biển mang tên vị danh nhân này. Vậy thì, việc này nên là việc sớm được lưu ý thỏa đáng chăng? Ngoài ra, khi con đường lớn chạy qua Thanh Liệt được làm, cả một sân trước rộng của đền thờ cụ Chu Văn An bị bó hẹp; nếu nay đường này muốn mở rộng nữa, đền thờ cụ Chu và cả miếu thờ cụ Phạm Tu chỉ cần “tiện” một chút, “lợi” một chút là có thể bị tổn hại nhiều. Văn hóa bao hàm một nghĩa rất rộng, trong đó kể cả việc làm đường, xây dựng...; nhưng có lẽ đừng bao giờ nên coi việc dời bỏ, hủy bỏ di tích lịch sử là việc làm có văn hóa.

Theo Thông báo Hán Nôm học 1997 (tr. 524-532)

CÂU CA DAO VỀ PHẠM TU

231. *Sông Tô nước chảy quanh co*

Phạm Công hiển hóa, âm phò quốc vương.

Theo phần 4: *Ca dao*, trong cuốn *Thăng Long Hà Nội trong ca dao ngàn năm* Nxb. Hà Nội-2002 do Giang Quân sưu tầm, biên soạn. (In lần thứ hai có bổ sung, sửa chữa)

Với chú thích: 231-Phạm Công là Phạm Tu, võ tướng người thôn Văn, xã Thanh Liệt, h. Thanh Trì, giúp Lý Bí khởi nghĩa chống quân xâm lược Lương (TK 6) có đền thờ ở làng.

Nguồn tin: e-cadao.com

¹ TB được biết: Bức vẽ gốc chân dung Phạm Tu có từ xa xưa, không xác định niên đại. Năm 1932 đã được tô vẽ lại.

PHẠM TU¹

(sinh 476, mất 545 hay 548)

Vũ Tuân Sán

Trong cuộc đấu tranh bền bỉ và lâu dài suốt mười thế kỷ (từ đầu công nguyên cho đến đầu thế kỷ X) của dân tộc ta chống các tập đoàn xâm lược nước ngoài để giành quyền tự chủ, cuộc khởi nghĩa do Lý Bí lãnh đạo đầu năm 542 là một phong trào có quy mô tương đối rộng lớn. Trong bài Việt sử tổng luận, nhà sử học Lê Tung đã đánh giá cuộc nổi dậy như sau: *“Phía Bắc đuổi Tiêu Tư, phía Nam dẹp Lâm Ấp, dựng tên nước, chính ngôi tôn, đặt trăm quan, định niên hiệu, có đại lược về quy hoạch của đế vương”*. Để thực hiện được sự nghiệp trên, Lý Bí đã có những công tác có tài đức: Triệu Túc làm Thái phó, Phạm Tu làm tướng võ, Tinh Thiều làm tướng văn. Về ba danh nhân này, chính sử không cho biết rõ quê quán ở đâu. Việc điều tra gần đây về lịch sử địa phương cho phép bổ khuyết một phần vào sự thiếu sót đó. Hà Nội có thể tự hào là quê hương của tướng Phạm Tu, vốn người làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì.

Theo thần phả còn giữ được ở địa phương, Phạm Tu sinh năm Bính Thìn (476) vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. Cuối năm Tân Dậu (tháng chạp âm lịch tức tháng 1 năm 542) Lý Bí dấy quân chống tên thứ sử Tiêu Tư tham tàn. Cuộc khởi nghĩa đã liên kết được các hào kiệt trong nước. Phạm Tu lúc đó đã 66 tuổi, mặc dù tuổi cao cũng vẫn hăng hái đem binh mã đến giúp và đánh đuổi họ Tiêu khiến hắn phải trốn chạy về Quảng Châu. Nghĩa quân đánh chiếm được thành Long Biên và gấp rút chuẩn bị đối phó với sự phản công của quân giặc. Quả nhiên đầu năm 543, quân Lương lại kéo sang xâm lược, chúng tập trung tướng tá quân sĩ tại bán đảo Hợp Phố (thời kỳ đó vẫn thuộc Châu Giao, tức gắn liền với địa bàn nước ta). Lý Bí đã chủ động đem quân sang tấn công và chiến thắng lớn, tiêu diệt gần hết toàn quân xâm lăng.

Tháng 5 năm 543, quân Lâm Ấp ở phương Nam lợi dụng những khó khăn của ta trong việc dẹp quân Lương, đã tiến ra xâm phạm bờ cõi, tiến ra đánh phá miền Đức Châu (Hà Tĩnh ngày nay), Phạm Tu được lệnh đem quân chống lại và đã diệt gọn quân giặc, ổn định được miền biên giới phương Nam. Chiến thắng trên tạo

¹ Bài trên báo *Hà Nội mới* ngày 28/7/1969 (Theo cuốn “*Hà Nội xưa & nay*”)

điều kiện cho Lý Bí đầu năm sau (tháng 2 năm 544) chính thức lên ngôi vua, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.

Ba năm sau (545) quân phong kiến nhà Lương tổ chức lại cuộc chinh phục, cử Dương Phiêu làm thứ sử và Trần Bá Tiên ở Chu Diên, bị thua, bèn lui về cửa sông Tô Lịch (khoảng phố Chợ Gạo ở nội thành Hà Nội hiện nay) dựng thành lũy để chống lại quân giặc. Tại đây quân của Lý Nam Đế đã chiến đấu rất anh dũng chống lại quân Trần Bá Tiên đông mạnh gấp bội, Vì lực lượng quá chênh lệch, quân ta phải rút lui. Chính Phạm Tu đã hy sinh trong trận chiến đấu ác liệt này. Theo thần phả địa phương ông mất vào ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu (545) “*trong vòng chiến đấu, xoay cuộc tang thương, Đại vương phút chốc hiển linh thần hoá*”. Sử chí không chép việc Phạm Tu hy sinh vào năm nào. Tập diễn ca *Thiên Nam ngữ lục* viết vào thế kỷ thứ XVIII có ghi cái chết của vị tướng họ Phạm nhưng thời điểm mãi ba năm sau, khi Lý Nam Đế rút về Gia Ninh (Việt Trì) đóng ở hồ Diên Triệt rồi bị quân Trần Bá Tiên tiến đánh, nghĩa quân lại lui về động Khuất Lão và Phạm Tu đã cùng hy sinh với Lý Nam Đế tại ngay động này (tháng 4 năm 548).

*Phục Man trấn thủ cõi xa
Nghe tin Nam Đế phải thua Triệt Hồ
Vua cùng tướng quân Phạm Tu
Vào Khuất Liêu động thác hư lên trời*

Dù sao thì hai tài liệu trên đều thống nhất ở chỗ Phạm Tu đã tử tiết trong khi chiến đấu chống quân xâm lược. Theo thần tích và truyền thuyết địa phương, ông được phong là Biên Hầu, và có tên thụy là Đô Hồ vì tương truyền thần Tây Hồ đã ứng điềm lành khi ông ra đời. Quê hương ông chính là thôn Văn thuộc xã Thanh Liệt ngày nay, tức cũng là quê của Chu Văn An nhà nho nổi tiếng cuối triều Trần sau này. Vua còn ra lệnh cho làng phải dựng đình phụng sự và cả xã Thanh Liệt được công nhận là thưng mộc ấp, tức là được miễn trừ sưu dịch để tạo điều kiện cho việc phụng thờ. Ngôi đình chiếm một khu khá đẹp ở cánh đồng thôn Trung, xã Thanh Liệt hiện nay. Trong nội cung hiện còn bức tranh vẽ chân dung ông, ngoài mấy bức tranh khác vẽ những bộ hạ của ông. Theo các phụ lão địa phương, những bức tranh này vẫn truyền lại từ lâu đời, đến năm Nhâm Thân (1932) mới tô họa lại như đã được ghi trên bức tranh treo trong khám. Còn khá nhiều câu đối nhắc lại sự nghiệp đánh giặc cứu nước của ông, tỉ dụ như câu:

*Trượng nghĩa cự Lương binh, hách hách tư trung huyền nhật nguyệt
Phong hầu mình Lý sử, miên miên thưng mộc ấm phần du*

*(Khởi nghĩa dẹp quân Lương, lâm liệt tinh trung ngời nhật nguyệt
Phong hầu sáng sử Lý, vẻ vang thang mộc rạng quê hương).*

Hoặc câu:

Tướng sử lục triều, Lương địch quốc.

Thần bi nhất Phạm, liệt danh hương

*(Chống quân Lương mức đối địch thời Lục triều, dũng tướng lừng danh sử chép
Dòng họ Phạm quê lừng danh đất Thanh Liệt, thần võ còn dấu bia truyền).*

Nguồn tin: Hà Nội Portal, cuốn “Hà Nội xưa & nay”

Đăng trên: <http://www.thanglonghanoi.gov.vn/>

Ban chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long

PHẠM TU (476-545)

*(Theo cuốn “Họ Phạm trong cộng đồng dân Việt” ấn hành nội tộc năm 2007 của
Ban liên lạc họ Phạm Việt Nam)*

Phạm Tu sinh ngày 10 tháng 3 năm Bính Thìn (tức 19-4-476) tại trang Quang Liệt, nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Song thân của Người là Phạm Thiều và Lý Thị Trạch, vốn là những người đức độ có tiếng trong vùng.

Người là danh nhân họ Phạm xuất hiện sớm nhất trong chính sử: bộ sách “Đại Việt Sử ký Toàn thư” có hai chỗ viết về Người; bộ sách “Biên niên Lịch sử cổ trung đại” có ba lần nhắc đến tên Người...

Từ nhỏ, Người đã là một trang thiếu niên phương phi, tuần tú; chăm đọc sách, học giỏi, đàn hát hay... Lớn lên lại năng luyện võ nghệ, là một đô vật nổi tiếng, thường được gọi là Đô Tu, rồi đã thật sự trở thành một hào kiệt có uy tín lớn trong vùng.

Sinh ra giữa thời “hơn một nghìn năm Bắc thuộc” (từ năm-179 đến năm +905) nên suốt cuộc đời, Người ẩn dật, nung nấu ý chí cứu nước; lấy biệt hiệu là Cảm Ứng cư sĩ, từng khuyên dân “cửu niên tam tích”¹ - “cửu niên” với nghĩa là lâu dài, nhiều năm, tích trữ ba thứ: lương thực, quần áo, vũ khí ... để luôn sẵn sàng, khi thời cơ đến thì vùng lên giành lại non sông.

¹ Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn, tích khí phòng tặc.

Năm 541, đã bước sang tuổi 66, Phạm Tu vẫn tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (503-548) (còn gọi là Lý Bôn). Người đã chủ động tập hợp trai tráng trong vùng, lập thành một đội quân mạnh, đánh chiếm thành Long Biên (vùng Bắc Ninh ngày nay), thủ phủ của chính quyền đô hộ.

Khi dân Lâm Ấp ở phía Nam nước ta, lợi dụng tình thế, tràn sang nước ta cướp bóc, Lý Bí đã cử Người đem quân vào đánh dẹp. Mùa hè năm 543, Người đã đánh tan địch ngay ở Cửu Đức (vùng Hà Tĩnh ngày nay). Trong chiến cuộc này, dưới trướng của Phạm Tu, có cả tướng quân Phục Man, người làng Giá (Yên Sở, Đan Phượng)-sau được thờ làm Thành hoàng làng ở đây.

Chiến thắng trở về, Người càng được khẳng định là vị tướng tài giỏi nhất trong nghĩa quân và cũng là người cao tuổi nhất. Còn vị tướng trẻ Phục Man được mang “quốc tính” (mang họ Lý-họ Nhà Vua) và trở thành Phò mã. Năm 544, khi thành lập nước Vạn Xuân, một nhà nước có tổ chức đầu tiên ở nước ta, Người được Lý Nam Đế giao trọng trách làm Tả tướng, đứng đầu Ban Võ-tương đương Bộ trưởng Quốc phòng-Tổng Tư lệnh ngày nay.

Khi Nhà Lương (thuộc Nam triều thời Nam Bắc triều của Trung Quốc (420-589) đã huy động tổng lực của cả 5 châu xung quanh nước ta là: Việt-La-An-Ái-Định sang đàn áp Giao Châu, Phạm Tu đã giúp Lý Nam Đế huy động tới 3 vạn quân ra chống cự (trong khi toàn dân ở Giao Chỉ lúc đó mới có hơn 70 vạn nhân khẩu, cả trẻ già trai gái). Và trong cuộc kháng chiến lực lượng hai bên quá chênh lệch này, ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu (tức 13-8-545), Phạm Tu đã anh dũng hy sinh trong trận chiến giữ thành Tống Bình mới cấp tốc xây dựng bên cửa sông Tô Lịch (phía sau Chợ Đồng Xuân Hà Nội ngày nay), để chặn đại quân địch lại, cho Lý Nam Đế cùng Triệu Quang Phục, bảo toàn lực lượng, tạm rút lên trung du rồi vòng về vùng đầm lầy Dạ Trạch, để xây dựng căn cứ địa chiến đấu lâu dài, nhằm đi đến thắng lợi cuối cùng. Triều đình Nhà Tiền Lý đã giữ vững nền độc lập của Nhà nước Vạn Xuân được thêm gần sáu chục năm nữa (545-602).

Sau khi Lão tướng Phạm Tu hy sinh, Nhà Vua vô cùng thương tiếc, đã cho Thái giám về tận quê hương, truy phong tước Long Biên Hầu (vì chính Người có công đầu trong hạ thành Long Biên, thủ phủ của địch); ban tên thụy là Đô Hồ; sắc cho quê hương là thang mộc ấp, được miễn sưu sai tạp dịch, để thờ Người làm “*bản cảnh thành hoàng*” lưu truyền mãi mãi.

Các đời sau: Đinh, Lê, Lý, Trần, rồi Hậu Lê, Lê Trung Hưng, Tây Sơn và Nguyễn, đều có sắc phong là Thượng Đẳng Thần, Đô Hồ Đại Thần hay Đô Hồ Đại

Vương. Hiện nay ở đây còn lưu giữ được 18 Sắc phong từ thời Cảnh Hưng nhà Lê, qua Cảnh Thịnh, Tây Sơn đến Khải Định, nhà Nguyễn.

Hàng năm, cứ đến 20 tháng Bảy âm lịch-ngày kỷ niệm Trưởng ban Võ của Nhà nước Vạn Xuân, Tả tướng quân Phạm Tu hy sinh để bảo vệ thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay), nhân dân địa phương và các vùng lân cận, các đoàn đại diện họ Phạm trong cả nước về Đình Ngoài xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội để dâng hương tưởng niệm Lão anh hùng của dân tộc, Thượng thủy tổ của họ Phạm Việt Nam-Đô Hồ Đại vương Phạm Tu.

MỘT SỐ SỰ KIỆN VÀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU GẦN ĐÂY VỀ DANH TƯỚNG PHẠM TU

(Theo cuốn “Họ Phạm trong cộng đồng dân Việt” ấn hành nội tộc năm 2007 của Ban liên lạc họ Phạm Việt Nam)

Ngày 20 tháng 7 năm Đinh Sửu (1997), nhân ngày lễ hội tưởng niệm hàng năm tại địa phương, Ban Liên lạc họ Phạm toàn quốc đã trân trọng đề nghị suy tôn Phạm Tu làm Thượng Thủy tổ họ Phạm Việt Nam. Đề xuất này đã được mọi người tán thành.

Ngày 08-9-1998, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã tổ chức HỘI THẢO TƯỞNG NIỆM DANH NHÂN PHẠM TU tại Hội trường Bảo tàng Cách mạng ở Hà Nội. Trong Hội thảo có năm báo cáo khoa học của:

- Học giả Vũ Tuân Sán, Bài viết đăng báo *Hà Nội mới* ngày 28/7/1969
- Phó Giáo sư Sử học Lê Văn Lan,
- Nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc (bài đã đăng báo *Nhân dân* 21-8-1997),
- Nhà sử học Trần Lê Sáng (bài đã đăng *tạp chí Xưa & Nay*, số tháng 8-1997),
- Trưởng Ban Lịch sử xã Thanh Liệt, Hà Nội: Nguyễn Đăng Thương

Cùng một bản thông báo của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Hồng (thành viên Ban Tư liệu họ Phạm Việt Nam) nói về các danh nhân và các chi họ Phạm, hậu duệ của Phạm Tu, được biết cho đến lúc đó.

Hội thảo còn có phát biểu của ông Phạm Minh Đức (đã từng là Phó Giám đốc Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Thái Bình) và Cử nhân Phạm Quốc Chử, giáo viên

trường THPT Tây Tiến, Tiền Hải, Thái Bình. Cuộc Hội thảo diễn ra rất sôi nổi, do Tổng Thư kí Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam-Dương Trung Quốc, khai mạc, dẫn chương trình và phát biểu bế mạc. Chính ông đã đề xuất ý kiến: Thủ đô Hà Nội nên có một đường phố mang tên Phạm Tu.

- Ngay sau Hội thảo, PGS. TS. Phạm Hồng đã tập hợp các thông tin trong Hội thảo, biên tập thành tài liệu “*DANH TƯỚNG PHẠM TU... Thượng thuỷ Tổ họ Phạm*” (20 trang 14, 5 x 20, 4 cm xuất bản lần đầu năm 1998) phát hành trong nội tộc vào những dịp giỗ Người, 20-7 âm lịch hàng năm.
- 5 báo cáo khoa học trong Hội thảo đã được Phó Giám đốc Trung tâm UNESCO Thông tin Tư liệu Văn hoá và Lịch sử Phạm Đình Nhân, tập hợp cùng những tư liệu về họ Phạm trong lịch sử, do bản thân sưu tầm, để biên soạn thành cuốn sách: “*DANH TƯỚNG PHẠM TU và HỌ PHẠM TRONG LỊCH SỬ*” do Nxb. Văn hóa Thông tin xuất bản, Hà Nội-1999 (392 trang 14, 5 x 20, 4 cm-phần *Họ Phạm trong lịch sử* chiếm tới 336 trang, còn phần *Phạm Tu* có 56 trang).
- Năm 2003, Thượng tá Kỹ sư Phạm Hồng Vũ, chuyên gia Hán-Nôm, Phó Tổng Thư kí của Ban Liên lạc họ Phạm Việt Nam đã dày công sưu tầm thêm các tư liệu quốc ngữ và Hán Nôm, dịch và soạn thành cuốn sách chuyên đề: “*DANH TƯỚNG PHẠM TU (476-545) Khai quốc công thần nhà Tiền Lý, Thượng Thuỷ tổ họ Phạm Việt Nam*” Sách dày 154 trang khổ 13 x 19 cm do Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội xuất bản, Hà Nội-2003.

DANH TƯỚNG PHẠM TU (476-545), VỊ KHAI QUỐC CÔNG THẦN TRIỀU TIỀN LÝ

PHẠM ĐÌNH NHÂN

Bộ chính sử lớn của nước ta, cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* đã để lại những dòng ghi về vị tướng tài họ Phạm như sau:

“Mùa hạ, tháng 4 năm Quý Hợi (543) vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua sai tướng Phạm Tu đánh tan giặc ở quận Cửu Đức” và:

“Mùa Xuân, tháng Giêng năm Giáp Tý (544), vua lên ngôi, xưng là Nam Việt Đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt trăm quan, dựng quốc hiệu là Vạn Xuân là ý mong xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc làm Thái Phó, lấy Tinh Thiều, Phạm Tu làm tướng văn, tướng võ”.
Cuốn *Việt Nam sử lược* cũng viết:

“Qua năm Quý Hợi (543) quân Lâm Ấp lại sang quấy phá quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu vào đánh ở Cửu Đức (Hà Tĩnh), người Lâm Ấp thua chạy về nước.”

Đó là nói về những cứ liệu trong quốc sử, nhưng còn nguồn thư tịch khác ngoài quốc sử là các đạo sắc phong của các triều đại từ triều Lê đến triều Nguyễn phong cho Long Biên hầu Đô Hồ Đại vương Phạm Tu, thì ở Thanh Liệt cho đến nay còn giữ được 18 đạo sắc phong quan trọng.

Những tư liệu quốc sử, sắc phong là những thư tịch chính thống đã giúp rất nhiều trong việc tìm hiểu danh tướng Phạm Tu. Ngoài ra còn khá nhiều nguồn tài liệu ghi chép mà chủ yếu là tại đền thờ nơi quê hương danh nhân ở xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Nơi đây có rất nhiều tư liệu như thần tích, bài vị, câu đối v.. v.. nói về Người.

Theo thần tích, Phạm Tu người làng Thanh Liệt. Nơi sinh ra Phạm Tu, xưa kia là một xóm bãi vãi tiến vua nằm bên sông Tô Lịch thuộc thôn Văn Trì, làng Quang Liệt, huyện Thanh Đàm trấn Sơn Nam, nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Phạm Tu sinh ngày 10 tháng 3 năm Bính Thìn (năm 476), thân phụ là Phạm Thiều, thân mẫu là Lý Thị Trạch. Khi lớn lên, Phạm Tu phương phi, tuấn tú, học giỏi, tư chất thông minh, hay đọc sách nhất là binh thư yếu lược. Người vóc dáng rất khỏe và trở thành đô vật nổi tiếng trong vùng, thường được gọi là Phạm Đô Tu.

Cuối năm Tân Dậu (tháng Giêng năm 542), Giám quân châu Cửu Đức là Lý Bôn (hay còn gọi là Lý Bí) dấy binh khởi nghĩa, chống lại quân đô hộ nhà Lương và viên thứ sử cai trị nước ta bấy giờ là Tiêu Tư nổi tiếng tàn ác. Cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn được nhân dân và anh hào khắp nơi ủng hộ nô nức kéo về giúp sức. Ở Đan Phượng (Hà Tây) có hào trưởng Triệu Túc,¹ ở Sấu Giá, Hoài Đức (Hà Tây)

¹ TB: Các tài liệu đều cho rằng quê Triệu Túc ở Chu Diên nhưng lại không thống nhất về vùng đất hiện nay của Chu Diên xưa. Có thể bị nhầm Ô Diên với Chu Diên? Nếu ở Đan Phượng thì Ô Diên là đúng hơn vì trận đầu tiên chống quân Lương vào năm 545, Lý Nam Đế cầm quân cự giặc ở Chu Diên, không thể là đất Đan Phượng.

có Lý Phục Man. Lại có cả Tinh Thiều nguyên là quan cai trị của Nhà Lương, bỏ quan chức chạy về với quân khởi nghĩa. Trong số những vị anh hùng tham gia cùng Lý Bôn khởi nghĩa phải kể đến võ tướng Phạm Tu.

Năm ấy Phạm Tu đã 67 tuổi, song tuổi tác không ngăn được lòng yêu nước đánh đuổi ngoại xâm. Phạm Tu đã tập hợp binh mã, tổ chức quân khởi nghĩa và trở thành một võ tướng chủ chốt của quân khởi nghĩa. Ông cùng với Triệu Túc và Tinh Thiều, trở thành ba vị lãnh đạo chính trong bộ tham mưu của cuộc kháng chiến chống quân Lương do Lý Bôn lãnh đạo. Quân khởi nghĩa đánh đâu thắng đấy. Thử sử Tiêu Tư bỏ chạy về nước. Nghĩa quân chiếm đóng thành Long Biên và chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lăng mới của địch. Năm sau, năm 543, Nhà Lương lại tập trung quân chuẩn bị đánh chiếm nước ta. Lý Bôn chủ động đem quân tấn công, tiêu diệt được gần hết đoàn quân xâm lược này. Cũng trong thời gian đó, vua Lâm Ấp (Chiêm Thành) lợi dụng tình hình quân khởi nghĩa đang đương đầu với phương Bắc, đã đem quân đánh phá vùng Cửu Đức (Hà Tĩnh ngày nay) vào tháng 5 năm 543. Lý Bí cử danh tướng Phạm Tu đưa quân đi chống lại và cuối cùng đã tiêu diệt gọn quân Lâm Ấp, ổn định biên giới phía Nam. Những chiến thắng trên đã đưa Lý Bí chính thức lên ngôi vua vào đầu năm 544, lấy danh hiệu là Nam Việt Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội, lấy Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều đứng đầu Ban Văn, Phạm Tu đứng đầu Ban Võ của triều đình trở thành vị khai quốc công thần Nhà Tiền Lý.

Tháng 6 năm Ất Sửu (năm 545), Nhà Lương lại tổ chức xâm lược nước ta một lần nữa. Quân Lương cử hai tướng thiện chiến là Dương Phiêu và Trần Bá Tiên chỉ huy đại quân theo đường biển tiến sang nước ta. Lý Bí chống cự ở Chu Diên (vùng duyên hải Thái Bình, Nam Định) không nổi, lui về củng cố thành trì ở cửa sông Tô Lịch (nay là đoạn phố Chợ Gạo, Hà Nội). Võ tướng Phạm Tu giữ cửa sông Tô

Nếu Triệu Túc, Triệu Quang Phục quê ở Đan Phượng thì cần phải xem lại vai trò của Lý Phục Man không thể là thủ lĩnh khởi nghĩa cả dải đất Đỗ Động, Đường Lâm như ghi trong *Sử tích* ở Quán Giã. Hai dải sông núi Đỗ Động, Đường Lâm chứa cả vùng Đan Hoài và Đan Hoài lại chứa cả Cổ Sở quê Lý Phục Man. Có phải Lý Phục Man trẻ tuổi, tài giỏi rất giống Triệu Quang Phục? Hai người này có đủ năng lực đứng đầu ban võ sau khi Phạm Tu mất (sau năm 545), có tài liệu cho rằng lúc đó Triệu Quang Phục là Tả tướng. Hay ở Đan Hoài thì Triệu Quang Phục là Lý Phục Man ở Cổ Sở. Nhưng không thể đồng nhất được vì Triệu Quang Phục là một quân vương.

Theo “*Lịch sử quân sự Việt Nam*” tập 2: *Sử cũ của ta cho biết, thủ lĩnh Chu Diên (vùng Đan Hoài, nay thuộc ngoại thành Hà Nội) tên là Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục, khâm phục tài đức của Lý Bí đã đem quân của mình và dân binh hưởng ứng đầu tiên.*

Lịch một thời gian, nhưng vì tuổi cao sức yếu, quân giặc lại đông, nên ông đã hy sinh anh dũng vào ngày 20 tháng 7 năm ấy. Lý Nam Đế rút quân vào Gia Ninh đóng đồn ở hồ Diên Triệt, luyện tập binh mã để sau khôi phục lại.

Xét công trạng của Phạm Tu, Lý Nam Đế ban tặng phong Phạm Tu là Long Biên hầu, đặt thụy là Đô Hồ, phong làm Bản cảnh thành hoàng, sắc cho bản hương là Thang Mộc ấp, sưu sai tạp dịch đều được miễn trừ, ban 100 nén bạc lập miếu phụng sự lưu truyền mãi mãi, đó là làng Thanh Liệt, nơi sinh ra danh tướng Phạm Tu.

Hiện nay ở xã Thanh Liệt có hai nơi thờ danh tướng Phạm Tu, đó là Miếu Vực và Đình Ngoài. Miếu Vực nằm ở xóm Vực, miếu thờ Long Biên hầu Phạm Đô Hồ Đại vương cùng Thánh phụ Phạm Thiệu và thánh mẫu Lý Thị Trạch. Đình Ngoài ở ngoài đồng thuộc thôn Trung, Đình có hồ lớn gọi là hồ Tròn, nơi thờ chính của Đô Hồ Đại vương Phạm Tu là thành hoàng làng Thanh Liệt, nơi mà nhiều năm gần đây dân làng Thanh Liệt và bà con họ Phạm trên khắp cả nước thường về dự tế lễ nhân ngày giỗ của Người vào ngày 20 tháng 7 âm lịch hàng năm.

Tháng 10 năm 1996, cuộc họp mặt toàn quốc lần thứ Nhất của các dòng họ Phạm đã thành lập Ban Liên lạc họ Phạm Việt Nam tại chùa Quán Sứ. Ngay từ khi thành lập Ban Liên lạc đã suy tôn danh tướng Phạm Tu là Thượng thủy tổ của các dòng họ Phạm Việt Nam vì Người là vị họ Phạm xuất hiện đầu tiên trong chính sử và có nhiều công lao cho đất nước. Và từ khi đó đến nay hàng năm bà con họ Phạm ở nhiều địa phương trong cả nước thường về dự giỗ Tổ Phạm Tu tại đền thờ của Người ở làng Thanh Liệt.

Năm nay, nhân ngày giỗ lần thứ 1461 của Thượng thủy tổ Phạm Tu và nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Ban Liên lạc họ Phạm Việt Nam, bà con chúng ta lại một lần nữa về quê hương của Thủy tổ tại Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội để dự lễ tế Tổ, dâng nén hương thơm nhớ về tổ tiên, nhớ về vị tiền bối đã làm rạng danh dòng họ Phạm và cũng là về dự Cuộc họp mặt dòng họ Phạm lần thứ 10 ở ngay tại quê hương Người.

Nguồn tin: www.hophamvietnam.org

III. TƯ LIỆU VỀ LÝ PHỤC MAN

LÝ PHỤC MAN XUẤT HIỆN LẦN ĐẦU TIÊN TRONG MỘNG CỦA LÝ THÁI TỔ

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*¹ trang 84 (bản ebook)

Bính Thìn, [Thuận Thiên] năm thứ 7 [1016], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, lại lập 3 hoàng hậu: Tá Quốc hoàng hậu, Lập Nguyên hoàng hậu, Lập Giáo hoàng hậu, Độ cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo. Dựng hai chùa Thiên Quang, Thiên Đức và tô bốn pho tượng Thiên Đế.

Động đất. Làm lễ tế vong các danh sơn. Vua nhân đi xem núi sông, đến bên đò Cổ Sở², thấy khí tốt của núi sông, tâm thần cảm động, bèn làm lễ rưới rượu xuống đất, khấn rằng: “*Trẫm xem địa phương này, núi lạ sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh thì hưởng lễ*”.

Đêm ấy, vua chiêm bao thấy có dị nhân đến cúi đầu lạy hai lạy, nói: “*Thần là người làng này, họ Lý tên Phục Man, làm tướng giúp Nam Đế, có tiếng là người trung liệt, được giao trông coi hai dải sông núi Đỗ Động và Đường Lâm, bọn Di Lão không dám xâm phạm biên giới, một phương yên bình. Đến khi chết, thương để khen là trung trực, sắc cho giữ chức như cũ. Cho nên phàm giặc Man Di đến cướp đều chống giữ được cả. Nay may được bề hạ thương đến, biết cho thần giữ chức này đã lâu rồi*”. Rồi đó thung dung nói: “*Thiên hạ khi mờ tối, trung thần giấu tính danh, giữa trời nhật nguyệt sáng, ai chẳng thấy dáng hình*”³. Vua thức dậy nói việc ấy với Ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn rằng: “*Đó là ý thần muốn tạc tượng*”. Vua sai bói xin âm dương, quả nhiên đúng như thế. Bèn sai người trong châu [8a] lập đền đắp tượng đúng như hình dạng người trong chiêm bao, tuế thời

¹ Từ đây gọi tắt là *Toàn thư*

² Cổ Sở: bến Cổ Sở có tên nôm là bến Giá, nay ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

³ Nguyên văn: “*Thiên hạ tao mông muội, trung thần nặc tính danh, trung thiên minh nhật nguyệt, thực bất kiến kỳ hình*”. Bài thơ này có các dị bản trong “*Việt điện u linh*”, “*Son Tây tinh chí*” v. v... với nhiều chữ chép khác biệt với đây.

cúng tế. Khoảng niên hiệu Nguyên Phong [1251-1258] đời Trần, người Thát Đát¹ vào cướp, đi đến địa phương này, ngựa khuyu chân không đi được, người trong thôn dẫn dân chúng ra chống đánh, chém được đầu giặc, giặc chạy tan. Khoảng năm Trùng Hưng [1285-1293], [Thát Đát] lại vào cướp, đến đâu cũng đốt phá, mà áp ấy vẫn như được che chở, không bị xâm phạm mấy may, quả đúng như lời thần nói.

CHỨNG AN MINH ỨNG HỮU QUỐC CÔNG

Lý Phục Man

(Theo “Việt điện u linh tập” của Lý Tế Xuyên, dịch giả Lê Hữu Mục toàn biên và viết dẫn nhập tại Huế năm 1959, Khai Trí, Sài Gòn, 1961.)

Xét *Sử ký* Đỗ Thiên chép rằng: Vương họ Lý tên Phục Man. Vua Lý Thái Tổ đi tuần phương đến sông Sở Bộ Đầu, thấy giang sơn tú khí, phong cảnh thắng du, nhà vua tâm thần cảm hứng, mới rót ly rượu đổ xuống tràng giang, vái rằng:

-Trẫm xem chỗ này non xanh nước biếc khác hẳn mọi nơi, nếu có nhân kiệt u linh, xin hưởng.

Đêm ấy vua mộng thấy một dị nhân cao đại, mặt hổ râu rồng, y phục trang nghiêm, cân hài tề chỉnh, đến trước nhà vua cúi đầu lạy hai lạy mà tâu rằng:

-Thần vốn là người ở làng này, họ Lý tên Phục Man, giúp Lý Nam Đế làm Tướng quân, nhờ sự trung liệt được vua biết tên, mới sai trấn thủ hai giải sơn hà Đỗ Động và Đường Lâm, mọi Lào đều sợ không dám phạm biên, một phương yên ổn. Đến lúc chết, Thượng đế thương kẻ trung nên cho giữ chức như cũ. Nay thần xin kể một vài chuyện để Bệ hạ nghe thử. Thời vua Tương Vương nhà Đường, thần thường đem quỷ binh theo Khâu Hòa phá được nghịch tặc là Ninh Trảng Chân ở cửa Giáp Sơn, thời vua Túc Tông lại phá được giặc Đại Thực Ba Tư ở cửa Thần Thạch, thời vua Đại Tông lại phá giặc Côn Lôn, Đồ Bà² ở Chu Diên. Cao Vương phá nước Nam Chiếu; Ngô Tiên Chúa phá nước Nam Hán, vua Lê Đại Hành phá Tống binh, mỗi lần xuất binh chinh phạt, thần ở trên không đem quỷ

¹ Thát Đát: phiên âm tên Tartar hay Tatar, bộ tộc Mông Cổ, ở đây chỉ quân Nguyên-Mông.

² Đồ Bà: tên riêng một nước ở các đảo ngoài bể, gồm bán đảo Malaca (Mã Lai) (theo Hoàng Xuân Hãn, *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, tr. 93)

binh ám trở, thầy đều có công. Thần lại thường thống suất quân binh quỷ thần, vâng theo mệnh Thiên để phá giặc Chiêm Thành ở trấn Giáp Sơn. Đến khi thần mệnh một, u linh không tán, thôn dân kính mến, lại sợ không ai phòng thủ, mọi Lào đến cướp bóc, nhân đó lập đền thờ phụng; bởi vậy, thần thường phảng phất ở khoảng trời mây, phàm gặp khi có dụng binh, thần ở trên không ám hộ, nghịch lỗ nhập khẩu thì đều hãn ngự được. Bấy giờ gặp Bệ hạ loan giá quang lâm, thần xin đến bái yết.

Nói đoạn, ngâm bốn câu thơ rằng:

*Thiên hạ toàn mông muội
Hãy tạm ẩn thanh danh,
Giữa trời nêu nhật, nguyệt,
Quang diệu ấy chân hình.*

Ngâm xong liền biến mất; vua chưa kịp đối đáp, hốt nhiên tỉnh dậy, nói lại với tả hữu; quan Ngự sử Đại Phu Lương Văn Nhậm nói:

-Đó là lời thần muốn hiển linh để lập hình tượng.

Vua sai người xin keo, quả nhiên lập ứng.

Vua sắc cho người trong châu lập đền thờ, tạc tượng thần y như đã trông thấy trong mộng, miếu mạo sum liệt, làm Phúc thần một phương.

Trong thời Nguyên Phong¹, Thát Đát nhập khẩu, đến biên cảnh thì ngựa què không tiến được; thôn dân biết có sức thần ám trợ mới đem dân chúng ra cự chiến, chém được đầu giặc rất nhiều; giặc thua chạy tán loạn, không dám trở lại dòm dò bờ cõi nữa. Khẩu tặc bình xong, sắc phong Chứng An Nam Quốc Công, chiếu cho thôn ấy đổi tên là Hộ Xá Chứng An.

Niên hiệu Trùng Hưng² năm đầu, giặc Bắc lại vào ăn cướp, mấy chỗ khác đều bị đốt cháy cả, duy có ấp này như có phòng hộ, một mấy lông mùa thu cũng không bị phạm tới.

Giặc bình xong, sắc phong Chứng An Vương, năm thứ tư gia phong hai chữ Minh Ứng, năm Hưng Long thứ hai mươi một, gia phong hai chữ Tá Quốc, càng ngày càng thêm linh ứng vậy.

¹ Nguyên Phong (1251-1258: Trần Thái Tông)

² Trùng Hưng nguyên niên (1285, Trần Nhân Tông).

Tiểu bình

Cái khí tinh hoa của sông núi, kết lại hóa ra vàng ngọc châu báu, như ngọc bích ở Lam Điền, ngọc châu Dạ Quang, vốn là có tiếng quý giá xưa nay. Còn đến như con người cũng thế, thiện nhân quân tử là tinh hoa của cái khí ấy. Sông Sở Bộ Đầu, sơn kỳ thủy tú, người tài đất linh, Lý Tương quân thực là vun đức ở đây, kịp đến lúc thờ vua Nam Đế làm Tướng quân, oai nghiêm làm rào ngăn cho hai xứ Đỗ Động và Đường Lâm. Thân cỡi đuôi sao Cự, quanh vùng biết tiếng, cái khí anh sản thường tụ lại, cái công võ liệt thêm kỳ. Phá Trường Chân ở Giáp Sơn, giết Đồ Bà ở Châu Diên, bình nước Nam Chiếu, định nước Nam Hán, đuổi binh nhà Tống, Thần chắc không nói dối ta vậy.

Trong bài thơ, lời ý du dương, quý tính tôn danh, không muốn nói với thôn dân khách tục, dựng đền đức tượng, dung mạo tôn nghiêm, kẻ chợ dân mừng đều kính ngưỡng. Xem như rợ Thát Đát rất mạnh, mang cung đến đâu, tí dụ đến nhà Liêu Hạ, nhà Kim, nhà Tống các nước lớn ấy cũng đều trông gió mà xếp gươm giáo, hướng chi chúng kéo sang Nam như gió cuốn mây ùn, sấm gào chớp nhoáng, thế mà ông lấy sức thần lui được binh giặc, khiến cho nhân dân được ăn yên ở yên như xưa. Ở chỗ bình nguyên hễ có công đức với dân thì được phụng sự, thế thì công đức của ông biết chừng nào vậy.

Miếu nay ở làng Cổ Sở huyện An Phụng, chế độ rất chỉnh, lễ bộ rực rỡ, mỗi năm lễ nghinh yết có xướng hát, làm một cảnh đại đô hội ở sông Hát Giang, triều trước đời nào dân cũng được tha thuế, đối với đền Phù Đồng, đền Bạch Đằng cùng ngang hàng nhau, rất là thịnh vượng.

Tục truyền rằng ông tiền sĩ làng Ninh Xá tên là Nguyễn Mai trấn tỉnh Sơn Tây thường phụng mạng đem lễ đến cúng, ngủ lại trong đền làng Cổ Sở, mộng thấy một người đàn bà đeo ngọc, mào vàng, áo gấm, giày thêu, xiêm lụa, có cái dáng điệu hoa ghen nguyệt thẹn, cái nhan sắc mặt ngọc da hồng, tay cầm một nhánh hoa mai phe phẩy đến trước chỗ ngồi, gió thanh mát mát, hương khí ngát người; người đàn bà ấy thưa rằng:

-Từ khi lang quân thiếp đi vắng, trướng hồ vắng vẻ một mình không người săn sóc, nay Tôn giả đến đây, đền thờ không lấy gì làm quang khiết. Sứ quân có lòng tốt, xin nhờ trùng tu lại cho.

Nguyễn Mai hỏi lại rằng:

-Vậy chớ lang quân tên họ là gì?

Nàng nói:

-Lang quân thiệp tên là Lý Tướng quân, kim sinh tức là ông tiến sĩ làng Thanh Mai tên là Lê Anh Tuấn, hiện nay đang đi sứ Tàu, xin trình Sứ quan rõ.

Hốt nhiên gió động lan can, Nguyễn Mai tỉnh dậy, thì ra là một giấc mộng kê vàng, mới đem câu chuyện trong mộng thuật lại cho người làng nghe, và bảo sửa sang đèn thờ lại cho tử tế. Khi đi sứ về, Lê Anh Tuấn thường qua lại nhà Nguyễn Mai đi lại trò chuyện. Nguyễn Mai gọi người nhà đến chỉ Lê Anh Tuấn mà bảo rằng:

-Ông này là Chứng An Vương đền Cổ Sở đó.

Lê Công giỏi văn học, làm quan đến Thượng thư, quyền thế lừng lẫy. Tuy là chuyện mộng mị chưa dám tin chắc, nhưng qua lại thâm kín, đôi khi cũng hở mắt minh. Ông Phạm Trọng Yên với Đạo nhân Côn Lôn đời trước, ông Phú Bật với thầy chùa Xung Hư Quán cũng phảng phất giống như vậy.

Phụ lục:

Sự tích đền thờ thần xã An Sở¹

Xét *Đại Việt Ngoại Sử* chép rằng: Gia Thông Đại Vương vốn là người làng Cổ Sở (sau đổi ra An Sở). Lúc bấy giờ thiên hạ loạn ly, kẻ hào kiệt dấu họ dấu tên để tránh nạn.

Thưở nhỏ, Đại Vương phong tư hơn người, tài nghệ xuất chúng, nhất là cỡi ngựa bắn cung lại là sở trường, rất có uy đức, sức mạnh voi cũng chịu thua; đến khi thờ Lý Nam Đế (đồng thời với vua Lương Võ bên Tàu) vua trông thấy người khí vũ hiên ngang, thật là một bậc Đại trượng phu, có thể đương nổi một phương, mới bảo vương theo quân ngũ; Vương hằng lập được nhiều kỳ công. Sau vua cho một cõi Đỗ Động là đất biên viễn hiểm trở, nếu không phải là tay Vương thì chẳng ai trị nổi, rồi phong cho Vương chức Đại tướng quân, bảo qua trấn thủ ở đó; mỗi khi có hiệu lệnh của Vương ra thời các kẻ hùng cứ trốn xa, giặc cướp đều đến đầu hàng, nhân dân được an cư lạc nghiệp, trong cõi yên ổn, già trẻ đều mến đội ân đức của Vương.

Kịp đến lúc nước Lâm Ấp (tức là Chiêm Thành) vào ăn cướp châu Cửu Đức, biên thư cáo cấp, triều đình bàn kế xuất chinh, các quan đều nói rằng: -Không có quan Tướng quân Đỗ Động thì không thể đánh bại giặc ấy được.

¹ Xem *Sự tích tướng công Lý Phục Man* ở trang 11 để so sánh hai bản *Sự tích* xưa và nay

Vua mới tuyên chiến triệu Vương thống suất các tướng lãnh đi đánh, đại phá quân Lâm Ấp ở Cửu Đức. Tin thắng trận về đến kinh đô, vua thán thưởng giầy lâu rồi bảo quan thị thần rằng:

-Gặp đến rẽ quanh đột cứng mới biết được đồ dùng sắc, nay quan Đỗ Động tướng quân chỉ bắn vài mũi tên mà cả phá được giặc mạnh, thực là kẻ hào kiệt ở Sơn Tây, những bậc can thành đời xưa cũng chẳng lấy gì làm hơn được, nên phải có trọng thưởng mới xứng công lao.

Vua mới lục những công phục biên, tứ tính là họ Lý, gả một vị Công chúa tức là Lý Nương và thăng lên chức Thái Úy. Từ đây ân sủng càng ngày càng thêm, lại khiến làm chức Tham hộ phủ nghị, giám thị cả trăm quan.

Quan Lý Thái úy thiên tư trung hậu, tính vốn thanh liêm, mỗi khi có kiến nghị điều gì thì chuyên lo ngay thẳng, ở trong triều nếu có ai lỗi, trước mặt thì bắt bẻ, giữa triều thì can gián chẳng dung tha một ai, cả đến những kẻ quyền quý xin vô việc riêng. Tiếng tăm lừng lẫy, trong ngoài đều gọi là Phục Man Tướng công, kính mến người có đức.

Lúc bấy giờ vua Nam Đế chủ tâm việc biên phòng, khiến quan Thiệu úy ra trấn Đường Lâm, binh quyền ở tay, uy lệnh xa khắp, làm lặn bụi trần sa mạc, làm tiêu tan lòng sợ hãi chiến tranh. Nào ngờ trời chán nghiệp nhà Lý, gió đưa binh nhà Lương đến, năm Ất Sửu thứ hai, Trần Bá Tiên đem binh đi đánh ở quận Châu Diên, sông Tô Lịch, lần lượt dẹp yên.

Năm Đinh Mão thứ tư (năm đầu vua Lương Văn Tri), binh nhà Lương thừa thắng, đi đến đâu là chỗ đó không có người. Vua tôi triều Lý đâu thất sắc, tan rã như ngôi vỡ đất lở, chẳng biết tính làm sao, toan muốn triệu Thái úy.

Thái úy ở động Khuất Liêu, nghe được tin ấy, ngậm ngùi than thở, lòng trung kích thích, mới sai người cản thủ các nơi yếu hại của dinh đồn. Hốt nhiên, đang đêm lửa cháy đỏ rực cả bốn mặt, đầy đường binh Lương đã bức gần đến trước sân, mới hay lòng người nham hiểm, mệnh trời khôn lường. Vương bèn đem gia tướng đánh thoát vòng vây để tính bề khôi phục. Nhưng đất cùng đường xa, tới lui không ngõ, Thái úy đành phải chỉ trời vạch đất, thản nhiên uống thuốc tự tận. Người nhà phụng linh cứu đưa về bến Hồ Mã (tức nay là chùa Ngọc Tân, tên sông của bản xã) chôn cất và đắp mộ ở ngoài bãi bản xã.

Ghi chú: Phần tiến binh và phụ lục là bổ sung sau thời Lý Tể Xuyên.

QUÁN GIÁ VÀ TƯỢNG LÝ PHỤC MAN

Triệu Chinh Hiều

KTĐT-Xã Yên Sở (huyện Hoài Đức) có tên nôm là Giá Lụa hoặc Giá. Làng Giá trồng rất nhiều cây dừa nên còn gọi là “làng Dừa” và tương truyền đây là một sở đồn điền ngày xưa có người Chiêm Thành (Chăm pa) sinh sống.

Quán Giá là đền thờ chung của hai xã Yên Sở và Đắc Sở. Quán ở đây có nghĩa là nơi thờ thành hoàng làng, không phải nơi thờ tự của Đạo giáo.

Quán Giá thờ Lý Phục Man, một danh tướng của Lý Bí, sống ở thế kỷ thứ VI, quê ông ở làng Cổ Sở (huyện Hoài Đức), không rõ họ tên thật. Tương truyền ông giỏi võ nghệ, theo Lý Bí khởi nghĩa chống quân Lương (Trung Hoa) xâm chiếm nước ta, lập nhiều chiến công. Nhà Tiền Lý (544-555) thành lập, ông được cử trông coi vùng đất phía Nam, đánh tan cuộc xâm lấn của Chăm pa. Sau đó, ông kết hôn với công chúa Lý Nương, vua ban cho ông họ Lý và chức thiếu úy, gọi là tướng quân Lý Phục Man. Ông trở về quản lĩnh vùng đất Đỗ Động, Đường Lâm. Nhà Lương lại đưa quân sang xâm lược nước Vạn Xuân. Ông chỉ huy quân sĩ đánh giặc và hi sinh ở chiến trường. Thương nhớ và biết ơn ông, nhân dân ở nhiều nơi như Yên Sở (Hoài Đức), Xuân Đình (Từ Liêm)... dựng đền, đình thờ Lý Phục Man.

Năm 1947, giặc Pháp đã đốt phá gần hết Quán Giá, chỉ còn lại hai tam quan, ba bức tường và hậu cung. Sau này, trên nền cũ, nhân dân địa phương đã dựng lại cả ba nhà đại đình, trung đình và thượng điện, tuy có nhỏ hơn trước song vẫn bảo đảm sự thờ cúng trang nghiêm. Tòa thượng điện vẫn còn bức tường hồi xây từ thời Nguyễn có các ô hình trang trí và cột trụ phía trước có đắp nghệ trên đỉnh cột như một sự kiểm soát người vào quán lễ thánh. Bên cạnh khu đền chính, phía hồi phải có nhà bia và nhà ở của tuần canh (thời xưa), phía hồi trái có dãy nhà để ngựa và nhà bếp phục vụ cho sinh hoạt lễ hội. Lại thêm vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ ở đằng sau, tạo thành một cảnh quan cổ kính, trang nhã.

Riêng về hai tam quan, cái ngoài cách cái trong 20 mét, được các nhà nghiên cứu coi là trường hợp duy nhất trong cấu trúc đình đền ở nước ta. Trên tam quan thứ hai có gắn 49 mảnh đất nung được trang trí. Ở hai bức tường liền với hai cột trụ lớn có những viên gạch rất đặc biệt. Tường phía đông có 23 viên, tường phía tây có 26 viên. Đó là những viên gạch nung, vuông, có đường chỉ viên xung quanh, giữa là những hình nổi, không hình nào giống hình nào, tạo thành một bức tranh sống động. Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian thì coi đó là những cảnh sinh

hoạt: người đang dong trâu cày ruộng, cô gái tắm ở ao sen, người cưỡi voi, người cưỡi ngựa, người gánh củi, hai người đánh cờ, người bơi thuyền đánh cá, mấy chú bé chăn trâu đùa nghịch... Các nhà nghiên cứu Phật giáo thì lại coi đó là những tích trong Phật thoại: cảnh hươu và mặt trời (hay hoa) là minh họa cảnh Phật Thích ca thuyết pháp lần đầu ở Lộc Uyển, cảnh ao sen có người tắm là miêu tả cảnh Phật tắm trước khi lên ngôi dưới gốc cây bồ đề, cảnh voi và hai người ngã vật là cảnh voi điên ở Rajagrha...

Trong Quán Giá may mắn còn tượng Lý Phục Man (không bị giặc Pháp phá hủy) ở giữa và tượng hai bà Phương Dung và Ả Nương ở hai bên, cùng bốn pho tượng đứng là các thị nữ, hộ sĩ. Ba pho tượng chính được tạo tác rất cẩn thận, ứng với ba ngài thờ, được chạm khắc tỉ mỉ, tỉa tót kỹ lưỡng. Cũng trang trọng như ngài thờ là hai hương án và một cỗ kiệu. Lại có một con ngựa to bằng đồng, bên ngoài phủ lớp sơn.

Nếu những di vật trên chỉ có thể biết niên đại tương đối khoảng thế kỷ XIX thì năm tấm bia đá lại cho biết niên đại tuyệt đối sớm hơn, thuộc các năm 1620, 1671, 1681, 1728 và 1803. Chính các bài văn bia này đã nói rõ thế đất địa linh sinh ra nhân kiệt, ca ngợi sự nghiệp của Lý Phục Man. Theo văn bia, thời Lý đã dựng Quán Giá, tạc tượng, thời Trần mở rộng đền (quán) và gia phong mỹ hiệu, thời Lê Trung hưng nhiều lần ban sắc, xây tam quan, nghi môn, thềm đá. Đến thời Nguyễn làm máng đồng, các hoành phi, câu đối...

Hàng năm, nhân dân vùng Giá (gồm 3 xã Yên Sở, Đắc Sở và Tiên Yên của huyện Hoài Đức) mở hội từ ngày 10 đến 16 tháng ba âm lịch. Hội Giá đã đi vào ca dao “Bời Đăm, rước Giá, hội Thầy...” là hội to được nhiều khách thập phương tới tham dự. Hai đám rước của Yên Sở và Đắc Sở đến đình, quán của nhau rồi quay về. Lễ hội tái hiện chiến trận của anh hùng Lý Phục Man. Mượn yếu tố tâm linh văn hóa, lễ hội nhắc nhở các thế hệ sau ghi nhớ công ơn của người tướng tài đánh giặc, bảo vệ đất nước.

Nguồn tin: Báo Kinh tế & Đô thị

Ghi chú: Đây là bài báo mới nhất về Lý Phục Man được đăng ngày 15/9/2009

ĐỀN AN SỞ

Trần Kiên Đạt

Ngôi đền này còn được gọi là đền Quán Giá, ở bến đò Cổ Sở (tên nôm là Bến Giá) xã An Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Ngôi đền này ngày trước thờ bộ tướng của vua Lý Nam Đế là Gia Thông Đại Vương Lý Phục Man và những cận tướng; về sau lại còn thờ Quan Công và Thiên Tiên Thánh Mẫu theo những truyền thuyết Trung Hoa và dân gian.

Bấy giờ quân Lâm Ấp thường đem quân sang cướp phá vùng biên thùy gây tai hại cho dân làng trong nhiều địa phương khác nhau... Tướng Lý Phục Man được lệnh đem quân đánh dẹp đem lại thanh bình cho dân chúng. Vua Lý Nam Đế thưởng rất hậu, đồng thời gả công chúa Nam Hoa cho, ban cho họ Lý, tên tự là Phục Man, thăng chức Thái Úy, đứng đầu trăm quan trong triều đình.

Sau nhà Lương sai Trần Bá Tiên đem đại quân sang xâm lăng nước ta, quân ta thua trận thủy chiến tại khu vực gần hồ Diên Triết (năm 546), vua Lý Nam Đế phải lánh vào động Khất Lao rồi băng hà tại đó. Lý Phục Man thiếu lương thực, nên phải tự sát để khỏi rơi vào tay địch. Thi hài của ông được đưa về mai táng ở bến Hồ Mã gần bờ sông.

Năm Bính Thìn, niên hiệu Thuận Thiên thứ 7 (1016) vua Lý Thái Tổ nhân đi xem địa thế núi sông, đến bến đò An Sở, tìm hỏi được sự tích, bèn phong ông làm Phúc Thần của vùng này. Tương truyền đêm trước nhà vua chiêm bao thấy có dị nhân đến lạy, rồi kể lại lịch của mình; trước khi lui ra có đọc một bài thơ:

Nghĩa là:

*Thiên hạ tao mông mọt,
Trung thần nặc tính danh.
Trung thiên minh nhật nguyệt,
Thục bất kiến kỳ hình.*

*Thiên hạ khi mờ tối,
Trung thần giấu tính danh.
Giữa trời nhật nguyệt sáng,
Ai chẳng thấy dáng hình.*

Khi đó có quan Ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn sau khi được xem bài thơ đã tâu:

-Ngụ ý của cổ nhân trung thần này là muốn được thờ phượng.

Nhà vua nghe theo, bèn cho dựng đền thờ và đắp tượng đúng theo hình dáng mà mình cảm nhận được trong giấc mơ. Trùng Hưng thứ I (1285) vua Trần Nhân Tông sắc phong thần là Chung An Đại Vương. Trong đền thờ này còn lưu lại tấm

bia của quan Lễ Bộ Hữu Tham Tri Nguyễn Tuấn Ngạn soạn ghi việc trùng tu ngôi đền năm Cảnh Trị (1663).

Nguồn tin: <http://vn.myblog.yahoo.com/kienthuc-vanhua/>

Giáo Sư Trần Kiêm Đạt:

- Thành viên Société Des Etudes Indochinoises (SEI)
- Thành viên Bulletin Des Amis du Vieux Hué (BAVH)
- Giáo sư Đại học Đông phương (California)
- Giáo sư thỉnh giảng University of California-Irvine
- Hiện cư ngụ tại: San Gabriel, CA.

Ghi chú: Đây là thông tin từ GS. sống ở nước ngoài, chúng tôi chưa tìm thấy tài liệu của các nhà nghiên cứu Việt Nam ở nước ngoài đồng nhất hai nhân vật lịch sử thời Tiền Lý này. Nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường cũng cho Lý Phục Man chỉ là vị thần sông Đáy.

Còn với nhà nghiên cứu nước ngoài am hiểu Việt Nam là GS. Keith Weller Taylor:

Khi đọc bài dịch từ luận án tiến sĩ của GS. Keith Weller Taylor, tôi mừng vì ông dẫn ra tài liệu cổ về Lý Phục Man. Nhưng khi có bản tiếng Anh "The Birth of Vietnam" tôi mới hiểu ông đã dùng thông tin từ "Việt điện u linh tập" và viết:

“Ông (Phục Man) phụ tá vị vua ở phương Nam này với tư cách là một đại tướng quân và nổi tiếng là một người trung thành và dũng cảm. Ông được giao phó cai quản hai vùng thung lũng Đỗ Động và Đường Lâm; bọn Lao [man di] rất sợ ông và không dám gây rối, ông đã giữ được thái bình trong khắp vùng”.

Trong luận án của mình viết từ những năm 1970, nhà sử học Mỹ am hiểu Việt Nam này cũng phân biệt rõ hai nhân vật.

LÝ PHỤC MAN

LÝ PHỤC MAN: danh tướng của Lý Bí, sống vào thế kỉ 6. Không rõ tên thật. Quê ở làng Cổ Sở (Hoài Đức, Hà Tây). Tương truyền là người giỏi võ nghệ, theo Lý Bí khởi nghĩa chống quân Lương (Trung Quốc), lập nhiều chiến công. Nhà Tiền Lý (544-555) thành lập, ông được cử trông coi vùng đất phía nam, đánh tan cuộc xâm lấn của Chăm-pa. Sau đó được gả công chúa Lý Nương, ban cho ông họ Lý và chức thiếu úy, được gọi là Phục Man tướng quân. Trở về quê quản lĩnh vùng đất Đỗ Động, Đường Lâm (Hà Tây). Nhà Lương xâm lược, ông hi sinh trong chiến đấu. Dân làng thương nhớ dựng đền thờ ông.

QUÁN GIÁ

Quán Giá: di tích lịch sử-kiến trúc nghệ thuật ở xã Yên Sở (Kê Giá, Cổ Sở)-một làng Việt cổ bên đê Sông Đáy, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Đình làng Giá, dân quen gọi là QG, thờ Thành hoàng Lý Phục Man-vị tướng tài triều Lý Nam Đế (544-548), anh hùng dân tộc đánh giặc Chiêm, Lương. Bị giặc Pháp đốt năm 1947, nhưng vẫn còn giữ được nhiều cổ vật quý hiếm: 2 tam quan; hậu cung, ngựa đồng; 5 bia đá cổ, niên đại từ 1628 đến 1803. Hai tam quan Trong, Ngoài là cấu trúc hiếm, duy nhất trong hệ thống đình đền của Việt Nam. Tam quan Trong gắn “tranh liên hoàn” bằng 49 viên gạch trang trí: tường phía đông gắn 23 viên, phía tây 26 viên. Đây là loại gạch vuông nung màu đỏ, có hình nổi, mô tả người đánh cờ, voi, ngựa, trâu, cô gái tắm ao sen, người gánh củi, bơi thuyền theo các tích Phật. Trong hậu cung còn tượng Lý Phục Man. Yên Sở mở hội Rước Giá vào ngày 7-8 tháng ba âm lịch: rước có kiệu văn, nhạc bát âm, người rước chỉnh tề áo khăn màu đỏ. Cuối hội, hàng trăm người múa, xếp dòn chặt, xoáy tròn ốc, gọi là “nghiêm quân”, như bị giặc bao vây tứ bề. “Ông tướng” cầm cờ đại phá vây, thoát ra rất tài, khó ai biết. Rừng-QG là một dấu tích Làng-Rừng liên kết của văn hoá cội nguồn cư dân Đông Nam Á xưa bên Sông Đáy.

Nguồn tin: Từ điển bách khoa thư Việt Nam

Từ điển này có thông tin về Lý Phục Man nhưng lại chưa thấy ghi về Phạm Tu.

ĐÌNH KHÔNG XÀ, LÀNG BẢY BA GIẾNG

Anh Chi

Câu ngạn ngữ xứ Đoài trên chính là nói tới Kẻ Giá, làng quê có tới 73 cái giếng từ nhiều đời trước để lại, mà giếng nào cũng trong và ngọt mát. Còn ngôi đình Giá, chiều ngang 34m, chiều dọc 13, 5m không hề có xà dọc...



Rất tiếc, đình đã bị tàn phá năm 1947, thời kỳ Pháp chiếm đóng. Một công trình nghiên cứu của Ts Nguyễn Văn Huyền mô tả ngôi đình: Nóc đình kiểu 4 mái to lớn khác thường đặt trên những cột gỗ rất to. Đầu đao hình con rồng uốn cong 4 góc. Đình gồm 5 khoang giữa và 2 khoang đầu hồi, mỗi khoang có hai vì kèo với 6 cột đặt trên đá tảng. Hai cột giữa nối với nhau bằng câu đầu; những cột khác nối với nhau bằng kèo có chạm

hoa, lá hay long, ly, quy, phượng. Chính những kèo này gánh hết sức nặng của mái đình. Các cột không nối với nhau bằng xà dọc, đó là đặc điểm của đình Giá, không ngôi đình nào ở Bắc bộ có cấu trúc như vậy...

Điểm hội tụ thứ 2 của người Việt cổ

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định, Kẻ Giá là một làng quê rất cổ kính bên ngã ba sông Đáy, điểm hội tụ thứ hai (sau Bạch Hạc) của người Việt cổ trên con đường di dân từ Phong Châu về phía Đông và phía Nam. Kẻ là tên gọi nơi cư trú của người Lạc Việt, tương đương với làng sau này. Kẻ Giá sớm thịnh vượng, đông đúc và đến thế kỷ VI đã có tên chữ là Cổ Sở. Các thư tịch cổ như Việt điện u linh, Đại Việt sử ký toàn thư... chép sự tích Lý Phục Man đều đã ghi tên làng là Cổ Sở. Như các thư tịch cổ ghi, Lý Phục Man thể hiện rõ vai trò lớn của ông cùng dân chúng Kẻ Giá trong cuộc chiến đấu bảo vệ nhà nước Vạn Xuân độc lập tự chủ.

Kẻ Giá chỉ cách kinh thành Thăng Long vài chục cây số, nên trong những trận chiến lớn chống ngoại xâm của dân tộc, thường có sự đóng góp của dân binh Kẻ Giá. Những địa danh như Cầu Bình, Mả Gạo, Gò Tro... ở làng quê này chính là dấu tích những chiến công xưa. Cũng vào cuối thế kỷ XV, cư dân Cổ Sở phát triển đông đúc, nên phải tách thành hai làng là Yên Sở (tên Nôm là Giá Lụa) và Đắc Sở

(tên Nôm là Giá, có người gọi là Sầu Giá). Sau nữa, hai làng thành hai xã riêng, hiện thuộc huyện Hoài Đức, Hà Nội, nhưng trong tâm thức người dân vùng quê này, đây vẫn là Kẻ Giá từ gần 2.000 năm xưa.

Ngày xưa, đường huyết mạch từ Thăng Long tới các lộ, trấn miền Tây là qua Cầu Giấy tới Diên, Kẻ Giá, lên Sơn Tây... Dòng sông Đáy là tuyến đường thủy ra sông Hồng mà ngược lên Tây Bắc, hoặc xuôi xuống Kinh kỳ, hay theo kênh Chính Đại mà vào Thanh, Nghệ. Cho đến đời Tây Sơn, đời Nguyễn, Thăng Long không giữ vị thế Kinh đô nữa, nhưng sông Đáy vẫn có vai trò giao thông thủy rất quan trọng. Kẻ Giá trên bến, dưới thuyền tấp nập. Thị tứ Kẻ Giá rất thịnh vượng nhờ các sản phẩm của nghề tầm tang và đặc biệt là các sản phẩm từ cây dừa. Như vậy, cây dừa đến với đất Kẻ Giá đã hàng ngàn năm rồi. Văn hóa Chăm từ xa xưa cũng được đem theo ra đây, đã giao thoa với văn hóa bản địa ở Kẻ Giá, tạo nên nền nếp văn hóa dày sâu ở vùng quê này. Đến thế kỷ XX, 73 giếng cổ kiểu Chăm rất trong và mát là một dấu ấn văn hóa đặc biệt của Kẻ Giá.

Làng hiếu học

Trong nền tảng văn hóa phong phú của Kẻ Giá có một nét trội hẳn, đây là làng hiếu học, làng khoa bảng. 6 thế kỷ trước ở đất này đã có khoa bảng. Không kể khá nhiều người đỗ trung khoa, tiểu khoa, Kẻ Giá có 2 người đỗ đại khoa là Nguyễn Chiêu Khánh và Trần Danh Tiêu. Nguyễn Chiêu Khánh, sinh năm 1496, còn có tên là Chiêu Nghĩa, đỗ Hoàng giáp khoa Kỷ Sửu 1529 niên hiệu Minh Đức thứ 3 đời Mạc Đăng Dung. Ông làm quan Hàn lâm học sỹ. Trần Danh Tiêu sinh năm 1709, đỗ Tiến sỹ khoa Quý Sửu 1733 niên hiệu Long Đức thứ 2 đời Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Đông các đại học sỹ.

Một dấu ấn văn hóa sâu đậm của Kẻ Giá là ngôi đình và ngôi quán với việc thờ phụng Lý Phục Man. Đình không xà đã bị phá hủy, di tích kiến trúc cổ kính còn lại ở Yên Sở là quán Giá, tọa lạc trên một thế đất rất đẹp. Trước kia, chung quanh quán là một khu rừng thâm nghiêm. Toàn bộ kiến trúc nằm trên diện tích chừng 6.000m². Cổng ngoài xây hai trụ vuông, đầu trụ trang trí đầu rồng, trên đỉnh trụ tạo tác bốn con phượng kết cánh như hình đóa hoa xòe lên bốn cánh kép. Tường xây bằng gạch đỏ có hình chạm nổi, hoặc hình rồng, voi, phượng; hoặc hình ông chài, chàng thư sinh, người đánh cờ... Đáng chú ý, trên một viên gạch có chạm nổi câu chúc, già, trẻ trong làng được phúc, thọ, khang, ninh. Chính điện của quán gồm ba tòa đình song song, từ ngoài vào trong là Hạ đình, Trung đình và Thượng đình. Trong tòa Thượng đình có tượng thờ Lý Phục Man ở chính giữa, Lý

Nương và Á Nương ở hai bên, ngoài nữa là hai thị nữ. Bên mé tường phía Tây Hạ đình có nhà bia, hiện lưu giữ 5 bia đá cổ niên đại từ 1620-1885. Văn bia ghi lại sự tích Lý Phục Man, một số sự kiện lịch sử làng, việc tu tạo đình và quán, những tập tục và quy ước của làng, một số lệnh chỉ và sắc phong... Đó là những tư liệu lịch sử quý hiếm. Đối xứng với nhà bia, mé tường phía đông có nhà để cỗ ngựa thờ bằng đồng hun được đúc năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1707), rất quý hiếm, nay được sơn trắng. Ngôi quán tọa lạc bên bờ sông Đáy chính là một không gian thiêng của vùng quê này.

Từ những vườn dừa xiêm, ngôi đình không xà, ngôi quán đẹp thiêng liêng, 73 khẩu giếng ngọt mát... đến ruộng lúa, bãi dâu bát ngát và nghề tầm tang, nghề dệt lụa... tất cả đã giao thoa, gắn bó hài hòa hàng ngàn năm qua, tạo nên một không gian văn hóa lớn. Sống trong không gian văn hóa do chính mình tạo nên, con người ở vùng quê này đã để những dấu ấn sâu sắc trong tiến trình giữ nước và xây dựng cuộc sống suốt mười mấy thế kỷ.

Nguồn tin: Người đại biểu nhân dân

Ghi chú: Làng Giá và một làng cổ có truyền thống văn hóa lâu đời. Nét văn hóa của địa phương đã được bảo tồn và phát triển. Ngoài việc được thần phù trợ phải kể đến sự anh dũng của Kẻ Giá trong chống giặc giữ yên xóm làng. Dù vị thần Lý Phục Man là một nhân vật lịch sử nào khác nữa thì bản sắc được dựng xây từ xa xưa của người dân làng Giá vẫn bảo tồn. Nét đẹp văn hóa được phát huy khi sự thật được tôn trọng và cũng để tôn trọng chính những gì đang có thực.

Người dân làng Giá thành đạt trên nhiều lĩnh vực tự hào về quê hương yêu dấu cũng sẽ xem xét lại vấn đề không còn là việc riêng của làng Giá: Phạm Tu quê gốc ở làng Giá (xã Yên Sở, huyện Hoài Đức) hay ở làng Quang Liệt (xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì)? Tìm ra cơ sở của vấn đề đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu nhằm giải quyết câu hỏi lịch sử nhiều ẩn số này.

Chúng tôi mong nhận được lời giải có sức thuyết phục từ quê hương Tướng quân Lý Phục Man để tìm ra sự thật một cách có cơ sở.

VI. ĐI TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU

TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU QUA TÀI LIỆU CỔ

Ngày 12. 9. 2009

Việc đồng nhất hai người được cho là võ tướng dưới thời Lý Nam đế đến nay chưa có hồi kết. Những tài liệu cổ ghi chép về hai vị quả cũng không nhiều bởi các sự kiện xảy ra thời nghìn năm Bắc thuộc rất hiếm nên không đầy đủ và khó khăn trong thẩm định. Tuy nhiên có việc đồng nhất này tất phải có lý do, trong đó phải xét đến nguồn tư liệu. Chúng tôi thử khoanh vùng tư liệu xem do đâu dẫn đến việc đồng nhất đó. Có thể chia làm 3 mảng tài liệu chính: Tài liệu chính thống xưa (gọi là Tài liệu cổ như cổ sử, văn bản cổ, văn bia, thần phả), tài liệu xuất bản hiện đại (Tài liệu hiện nay như sách, báo) và tư liệu khác trong dân gian như gia phả, truyền thuyết, truyền ngôn, ... (gọi là tư liệu dân gian)

Nay chúng tôi ưu tiên tài liệu cổ vì đó là tài liệu chính thức có trước và lại có cơ sở xác định niên đại. Còn sách hiện nay viết về hai nhân vật này sẽ dựa trên cơ sở là hai nguồn tư liệu kia.

A. CHÍNH SỬ

1. Đại Việt sử ký toàn thư (cuốn A1) là chính sử xưa nhất nhắc đến 2 nhân vật được khắc in và công bố lần đầu tiên vào năm 1697, Chính Hòa thứ 18 thời Lê Hy Tông. Sách có ghi:

-Phạm Tu:

+ *Mùa hạ năm Quý Hợi 543, tháng 4 vua Lâm Ấp cướp phá quận Nhật Nam, vua Lý Nam Đế sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức;*

+ *Tháng giêng năm Giáp Tý 544, Lý Nam đế lập nhà nước Vạn Xuân, lấy Triệu Túc làm Thái phó, bọn Tinh Thiều, Phạm Tu làm tướng văn, tướng võ.*

-Lý Phục Man: năm 1016 xuất hiện là vị thần trong giấc mộng của Lý Thái Tổ khi vua đi tuần thú qua Cổ Sở.

B. NGOÀI CHÍNH SỬ

1. Việt điện u linh tập (cuốn B1) do quan Phụng ngự Lý Tế Xuyên, biên soạn vào năm 1329 căn cứ vào các tài liệu có trong thư khố triều đình.

-Phạm Tu: Trong truyện “*Triệu Việt Vương, Lý Nam Đế*” ghi việc Lý Bôn cử ông đánh Lâm Ấp

-Lý Phục Man: Trong truyện “*Chứng an minh hộ quốc công-Lý Phục Man*” đầu truyện kể giấc mộng của Lý Thái Tổ gặp thần (giống trong cuốn A1), sau kể các chuyện linh ứng của thần.

2. Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập (cuốn B2) của Gia Cát thị cuối thế kỷ 18 viết từ B1. Trong tác phẩm có truyện *Vạn Xuân quốc đế* ký ghi hai nhân vật đánh quân Lương ở Hợp Phố

-Phạm Tu là Hữu vệ hộ quân

-Lý Phục Man là Tả vệ hộ quân

Truyện này có nói đến quân Vạn Xuân chia đôi, từ Khuất Liêu, bên Lý tiến vào Cửu Chân và bên Triệu về Dạ Trạch.

3. Thiên Nam ngữ lục (cuốn B3) có từ thế kỷ 18 không rõ tác giả. Trong đó hai nhân vật xuất hiện ở 4 câu liên tiếp:

*Phục Man trấn thủ cõi xa
Nghe tin Nam Đế phải thua Triệt Hồ
Vua cùng tướng quân Phạm Tu
Vào Khuất Liêu động thác hư lên trời*

Xem thêm phân tích của PGS. TS. Trương Sỹ Hùng ở trang 22-24 để thấy rõ hai nhân vật.

4. Lĩnh Nam trích quái: Một tài liệu cổ khác cần xem xét, sách được cho là do Trần Thế Pháp biên soạn vào cuối đời Trần. Vũ Quỳnh và Kiều Phú biên soạn lại và hiệu đính vào năm 1492-1493. Trong chuyện về Triệu Việt Vương có nói đến Lý Bí cử Phạm Tu đánh giặc ở Cửu Đức, còn chuyện về Lý Phục Man cũng viết tương tự cuốn *Việt điện u linh tập*. Vậy tài liệu này thống nhất với cuốn B1.

Như vậy chuyện ngoài chính sử xét về việc đồng nhất không có phần nào mâu thuẫn với chính sử. Cuốn B2, B3 đã cho Lý Phục Man xuất hiện là một nhân vật cùng thời Phạm Tu, hai nhân vật riêng biệt, hoàn toàn không đồng nhất. Có khác là cuốn B2 đã cho Lý Phục Man xuất hiện chỉ huy Tả quân, Phạm Tu chỉ huy Hữu

quân đánh quân Lương ở Hợp Phố. Cuốn B3 thì cho là Lý Phục Man *trấn thủ cõi xa* (có thể miền Đỗ Động, Đường Lâm hoặc phương Nam-xứ Nghệ ngày nay) khi quân Lý Nam đế thua ở hồ Điển Triệt (năm 547), còn Phạm Tu mất cùng Lý Nam đế ở động Khuất Liêu.

Qua 5 tài liệu nêu trên thì B2, B3 là những sáng tác mang tính văn học đã nêu 2 nhân vật độc lập. Nếu muốn đồng nhất hai nhân vật ắt phải loại hai tài liệu này, cứ cho đó là sáng tác văn học, mà B3 còn không rõ tác giả. Hai tài liệu ở thế kỷ 18 này đã nêu hai nhân vật riêng biệt.

Cả hai cuốn A1, B1 tài liệu có nhân vật Lý Phục Man, với vị trí đều là một vị thần tự xưng tên Lý Phục Man và trước là võ tướng của Lý Nam Đế, không có một sự kiện lịch sử của nhân vật này ngoài việc thần xưng cai quản Đỗ Động, Đường Lâm. Lý Phục Man qua tài liệu cổ xem xét để đồng nhất thì là vị thần nên chưa có căn cứ để đồng nhất hai nhân vật này.

Còn Phạm Tu cũng xuất hiện trong sự kiện lịch sử ghi rõ thời gian xảy ra và có vị trí chỉ huy rõ ràng. Phạm Tu được nhắc đến 2 lần trong chính sử có công đánh giặc phương Nam (hai cuốn A1, B1) và đứng đầu tướng võ (cuốn A1) của triều đình Lý Nam đế thời kỳ này. Các nhà nghiên cứu hiện nay xác thực thông tin về Phạm Tu và chiến thành dựng bên cửa sông Tô cùng việc hy sinh của ông tại đây. Trong đó có căn cứ từ sử thời nhà Lương, Trần (Bá Tiên) của Trung Quốc.

Một mảng tài liệu quan trọng đó chính là văn bia. Chúng tôi sẽ có bài nghiên cứu riêng về mảng tư liệu chính thống này.

Rõ ràng có một vài tài liệu xuất bản hiện đại xuất hiện sự việc đồng nhất, nhưng căn cứ là vùng tài liệu xuất bản cổ và tư liệu xưa trong dân gian. Vì không tìm được tài liệu cổ nào khác nên nhận xét ban đầu là không có cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu xuất phát từ Tài liệu cổ hiện còn lưu giữ được.

XÁC ĐỊNH THỜI GIAN XUẤT HIỆN VIỆC ĐỒNG NHẤT LÝ PHỤC MAN VỚI PHẠM TU

Tôi đã đọc khá kỹ bài viết hàng chục trang về Lý Phục Man của ông Nguyễn Thế Dũng đã đăng ba lần (sẽ còn đăng tiếp) trên blog Người làng Giá (NLG). Cố gắng xem có thấy cơ sở thuyết phục của việc đồng nhất không. Vẫn chưa có, và có

lẽ sẽ không có! Vì nếu có cũng nêu ra chứ đâu cần dùng cụm song tên “*Phạm Tu-Lý Phục Man*” mà chỉ cần gọi “*Phục Man tướng công*”, hay “*Lý phò mã*” là đủ rồi.

Có cơ sở khoa học thì cũng không ai viết dài để bộc lộ mâu thuẫn mà trong đó rất nhiều điểm không thể là của Phạm Tu-trưởng ban Võ nhà nước Vạn Xuân, và có khi lại không còn là của Lý Phục Man nữa. Chúng tôi thấy GS. Nguyễn Văn Huyền (1908-1975) cũng không tìm ra tên “khai sinh” của Lý Phục Man và khi đó ông đã chưa gặp vấn đề đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. **Rõ ràng việc đồng nhất đã xảy ra sau năm 1939-sau khi GS. Nguyễn Văn Huyền công bố công trình nghiên cứu về Lý Phục Man.**

GS. Nguyễn mất năm 1975 ở CHDC Đức khi chữa bệnh tại đó, đây là mốc thời gian chúng ta có thể xem xét trước khi có thông tin về việc đồng nhất chính thức in trên sách năm 1991: “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*” (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội).

Có thể co hẹp thời gian là việc nghi vấn đã phôi thai từ trước và sau đó đến những năm 70 và 80 của thế kỷ trước đã xảy ra việc đồng nhất này. Khi GS. Nguyễn Văn Huyền là phó hội trưởng Hội Sử học (năm 1966 ông được bầu phó hội trưởng trong Đại hội thành lập), điều này chắc đã chưa công khai?

Xin trích đoạn viết của NLG làm căn cứ:

*Học giả Nguyễn Văn Huyền đã viết “**Lý Phục Man chỉ là cái tên vua ban. Cả tên lẫn họ đều không phải tên họ của Tướng công lúc ra đời. Được gia ân mang tên họ mới và sau đấy người ta chỉ còn gọi biệt danh đến nỗi tên gốc hoàn toàn biến mất**”. Và dân làng Giá chỉ còn kiêng tên Man mà không kiêng tên Tu nữa. Sự thực là tên gốc của Tướng công không hoàn toàn mất. Một số cuốn sách bằng chữ Hán ghi lại sự tích của Tướng công vẫn còn đó, những lời truyền miệng trong dân gian do những nhà nho xưa¹ kể lại vẫn còn đó: Phạm Tu và Lý Phục Man là danh xưng của một người, một nhân vật lịch sử quê gốc ở làng Giá xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Nói cách khác Phạm Tu chính là Lý Phục Man hay ngược lại Lý Phục Man chính là Phạm Tu.*

¹ TB: Với thông tin nguồn tư liệu về việc đồng nhất như thế này, thì:

- **Thần tích Quán Giá hoàn toàn không đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu.**
- Nguồn tư liệu này là không rõ ràng.
- Truyền ngôn dễ tham khảo, là một định hướng để tìm hiểu nhưng phải xác minh từ các nguồn tư liệu có cơ sở hơn để tăng độ tin cậy.

GS. Nguyễn Văn Huyền quê xã Kim Chung, Hoài Đức ở ngay gần Yên Sở (cách khoảng 4km), cùng trên trục đường thiên lý xứ Đoài xưa, chúng tôi tin tưởng ông là người có nhiều thông tin về Lý Phục Man nhất khi khai thác tài liệu có những năm ba mươi của thế kỷ trước. GS. Trần Quốc Vượng đánh giá: “Ông là một nhà khoa học nhân văn lớn và hiện đại đầu tiên ở nửa đầu thế kỷ 20 này”... “Giới nghiên cứu trẻ/già hôm nay còn được học và phải học ở ông nhiều về phương pháp luận và các phương pháp tiếp cận những sự kiện nhân văn, vừa cụ thể vừa tổng thể.” (Theo cuốn “Trần Quốc Vượng”, trang 945).

TRẢ LỜI MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA NGƯỜI VIẾT BLOG NGƯỜI LÀNG GIÁ VỀ DANH TƯỚNG PHẠM TU Ở THANH LIỆT

Ngày 29. 9. 2009

Bài viết này để phần nào trả lời các bài viết về Lý Phục Man có một số suy nghĩ của ông Nguyễn Thế Dũng-người viết blog NLG hiện ở đội 3 xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (điện thoại: 04. 3366 7224) với suy nghĩ tôn trọng người cao tuổi viết blog này (đã ngoài 70 tuổi) đồng thời kính trọng danh nhân Phạm Tu (476-545) đã sống, đánh giặc vì đất nước, vì người dân quê hương ông (Thăng Long-Hà Nội xưa) cách đây 15 thế kỷ. Ông đã mất ở tuổi 70 ngay ngoài chiến trận-chiến thành ở cửa sông Tô Lịch. Thập Bút có độ tuổi bằng một nửa tuổi 70 với suy nghĩ còn nhiều điều chưa thấu đáo, kiến thức còn hạn hẹp cũng xin trả lời NLG ở một số vấn đề chính¹ đã nêu trên blog:²

Có thể quan điểm tách rời Phạm Tu-Lý Phục Man là hai nhân vật lịch sử riêng rẽ của dòng họ Phạm ở Thanh Liệt là căn cứ vào một “khám phá” gây nhiều tranh cãi của nhà sử học Lê Văn Lan. Trong bài viết “Phát hiện sử học mới về Lão tướng quân Phạm Tu” cũng đăng trên báo Quân đội Nhân dân cuối tuần số ra ngày 06/12/1998. Mặc dầu nhà sử học họ Lê reo lên là “phát hiện sử học mới” là

¹ Các vấn đề liên quan khác, quý vị có thời gian và quan tâm xin mời đọc các bài viết ngắn ở diễn đàn trên trang <http://www.quansuvn.net/>: **Về việc đồng nhất Phạm Tu và Lý Phục Man**

² Nội dung copy nguyên văn từ blog Người làng Giá nên có một số lỗi văn bản. Xin trích dẫn 7 vấn đề trong bài viết của NLG.

“may thay gần đây đã có những công phu để bắt được sóng tín hiệu mới rất có giá trị về lão tướng quân Phạm Tu” nhưng oái ăm thay, “cũ người mới ta”, những gì được coi là mới ở đây đã được nhiều nhà sử học nghiên cứu, xem xét từ trước đó 16 năm rồi. Đó là cuộc khảo sát, nghiên cứu khá công phu của giáo sư Phan Huy Lê, chủ tịch Hội khoa học Lịch sử Việt Nam cùng với Đại tá Phó viện trưởng Viện sử học Quân đội Phan Huy Thiệp, Tiến sĩ sử học quân đội Nguyễn Anh cùng đồng đạo các cộng sự tại Thanh Liệt, Thanh Trì từ giữa năm 1982 của thế kỷ trước. Kết quả cuộc khảo sát này đã được thông báo tại cuộc hội thảo về Phạm Tu-Lý Phục Man tại xã Yên Sở, Hoài Đức, Hà Tây, ngày 25/12/1982. Sau đó, giáo sư Phan Huy Lê cho đăng bài “Kẻ Giã một làng chiến đấu” trên tạp chí Dân tộc học số 46 tháng 2/1985 trong đó có nói đến cuộc khảo sát của giáo sư và đồng nghiệp tại Thanh Liệt năm 1982. Kết quả của những cuộc khảo sát này cho thấy:

- Bản Thân phả của Đình Ngoại xã Thanh Liệt có tiêu đề “Cảm ứng cư sĩ Phạm Tu Thụy Đô hồ Đại vương Thượng đẳng thần sử tích” mới được chép lại tại đền Hùng (Phủ Thọ) năm Bảo Đại thứ 9 (1934) mà “chép lại một cách sơ sài, không cẩn thận, có chữ còn để trống hay bỏ sót”. Đây có lẽ là sự tích một vị cư sĩ ở ẩn, một phật tử tu tại gia (cư sĩ), sau khi mất có sự linh ứng (cảm ứng) nên được phong tên thụy là Đô hồ, quan võ trông coi hồ nước của địa phương này đó là hồ Thanh đàm. Thật kỳ lạ, sau này có người lại giải thích chữ “đô” gốc Hán (trong sắc phong) thành chữ “đô” tiếng Việt trong “đô vật” rồi lại chuyển Phạm Tu thành Phạm Đô Tu, một tên riêng rất xa lạ với nhân vật lịch sử Phạm Tu, đã được Ngô Sĩ Liên viết trong Đại Việt sử ký toàn thư.

- Tám bài vị ở đây cũng đã rõ “Bản thổ Tiên Lý Triều Long biên hầu, Đô hồ Đại vương Thần vị” Vị thành hoàng ở đây được phong tặng tước hầu, vị thần trông coi hồ nước-Về sắc phong của các triều đại ban tặng cho Đô hồ đại vương ở đây có 13 đạo, cổ nhất là đạo sắc của vua Lê Cảnh Hưng năm thứ nhất (1740) và gần nhất là của vua Khải Định, nhà Nguyễn (1916-1925). Nội dung chủ yếu của các đạo sắc phong này là nói về sự linh ứng của Thần, trong đó, đặc biệt có vài ba đạo sắc đời vua Minh Mệnh, năm thứ 5 (1824) ban tặng “Thủy thần phán quan”-ban cho Thần coi sóc mặt nước. Đạo sắc đời vua Tự Đức thứ 3 (1850) tặng mỹ tự “Trường trạm” nghĩa là giữ nước luôn trong trẻo, đời vua Duy Tân ban tặng mỹ tự “Linh Thuý” nghĩa là giữ mặt nước luôn trong trẻo, không pha tạp... Rõ ràng đó là những chữ đẹp phong cho một vị Thần trông giữ hồ nước.

- Tám bia đá trong đình nói là tám bia có từ đời Lương (?) Trung quốc (thế kỷ thứ 6) thực ra chỉ là một tám bia hậu dựng năm Giáp Thìn (1904) đời vua

Thành Thái nhà Nguyễn, thờ cụ Phạm Tế, quê gốc Thanh Hóa, thiên cư ra Thanh Liệt mới được dăm sáu đời nay.

- Bức tranh thờ nói là chân dung Phạm Tu là một tấm hình vẽ trên một mảnh lụa đã cũ, một người dân ở Thanh Liệt là cụ Nhiều Cỏn mới vẽ lại trên một tờ giấy tây. Đoàn khảo sát năm 1982 đã gặp người vẽ lại tấm hình và được xác nhận là đúng.

- Đình ngoại thờ Đô hồ đại vương là một ngôi đình có qui mô khá khiêm tốn, được tọa lạc ngay bờ hồ, ven làng, cũng mới được tân tạo thời Lê Hiến Tông (1740-1786) đến nay mới có vài trăm năm. Việc bài trí, trần thiết cũng còn sơ sài, đến cỡ kiểu rước cũng không có, phải dùng kiệu ở Đình nội mỗi khi rước hội. Nếu quả thật danh tướng Phạm Tu quê ở Thanh Liệt thì nhân dân địa phương chẳng lẽ lại bỏ quên người con trung liệt của quê hương tới 12 thế kỷ sau mới lập ngôi đền thờ quá khiêm tốn đến vậy? Cả các vương triều phong kiến xưa hình như cũng lãng quên vị khai cuộc công thần nhà Tiền Lý nên đến tận đời Lê Cảnh Hưng mới dựng đình thờ? Ai cũng biết, đại danh nho Chu Văn An (1292-1370) đời Trần, người làng Thanh Liệt sống sau Phạm Tu bảy tám trăm năm lại không hề có một dòng lưu bút nào về người anh hùng kiệt xuất của đất nước, vị tiên bối lỗi lạc cùng quê hương.

- Một điều quan trọng nữa cần chú ý là nếu Phạm Tu là Đô hồ đại vương ở Thanh Liệt thì sao cả một vùng rộng lớn xung quanh nơi này nói riêng và cả miền Bắc Việt Nam nói chung, nơi được ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Lý Bí hầu như không nơi nào lập đền thờ. Cuốn Linh thần Việt Nam của giáo sư Vũ Ngọc Khánh và Phạm Minh Thảo, nhà xuất bản VHTT năm 2002 chỉ tìm được 3 địa phương có thờ Đô hồ đại vương. Tuy nhiên chưa xác định được Đô Hồ Đại vương có phải là Phạm Tu hay không!

- Vấn đề cuối cùng cần làm rõ là theo tài liệu của dòng họ Phạm ở Thanh Liệt thì Phạm Tu là một lão tướng. Năm 542 cuộc khởi nghĩa Lý Bí nổi dậy, lúc đó ông đã 67 tuổi. Mặc dầu được mô tả là một đô vật thời trai trẻ nhưng với một người già cả, trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, không hề có hành trạng gì, liệu có đủ tài sức để đối đầu với bọn giặc Lương? Cũng theo tài liệu này, năm 543, vua Lâm áp lần chiếm bờ cõi phía nam, tướng biên ải là Lý Phục Man không chặn được giặc, vua lại phải sai lão tướng Phạm Tu đem đại binh vào nam mới đánh tan được quân Chiêm tại Cửu đức. Sau cuộc trường chinh này, trở ra, vị lão tướng lại phải đương đầu với quân Lương của Trần Bá Tiên ở cửa sông Tô Lịch và hy

sinh tại đây. Ba năm trời, một ông lão 70 tuổi vụt đứng dậy xung trận, đánh Bắc dẹp Nam bấy nhiêu công tích liệu có đủ cơ sở để tin cậy?

(Theo NLG)

1. Trước hết phải nêu rõ 7 nhận xét trên không phải của GS. Phan Huy Lê mà của NLG. Cách viết khi thống kê dễ làm người đọc lầm tưởng là nhận xét của GS. Phan. Ở nhận xét thứ 6 lại lấy thông tin từ sách in năm 2002, như vậy những năm 1980 không thể có. Tôi cũng đã đưa thông tin từ đầu năm 2009 vào thông tin về cụ Phạm Tu trên <http://vi.wikipedia.org/> về **Nơi thờ cúng** (xem tr. 111). Đọc ý kiến này của NLG, giống câu của Tháp Bút đã viết: *“tuy nhiên chưa xác định được những nơi đó có phải chính là nơi thờ Đô Hồ Đại vương Phạm Tu hay không.”*

2. Ở nhận xét thứ 5 xin trả lời:

Hai nhân vật nổi tiếng sống cuối thời Trần đầu thời Lê (sống sau Phạm Tu trên 800 năm và trước thời nay trên dưới 600 năm) đó là Chu Văn An và Nguyễn Trãi. Xét trong *Bình Ngô đại cáo* để thấy nhãn quan của bậc tiền bối về lịch sử nước nhà trước đó:

*“Từ Triệu Đinh Lý Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”*

Các vị đại danh Nho thời đó đã chưa vén hết bức màn ngàn năm Bắc thuộc, phần vì đô hộ dài dằng dặc và rồi chiến tranh liên miên. Các giá trị vật chất, phi vật chất hầu như bị tàn phá, hủy hoại đặc biệt đền thờ miếu mạo thờ các vị anh hùng từ xa xưa. Ngay trong các di tích còn những đại tự, câu đối mà ngày nay chúng ta không thể xác định hết ai là tác giả.

Giai đoạn sau khi quân Lương rút về, đất nước lại nội chiến Triệu-Lý tạo nên đám mây bao phủ hào quang của nhà nước Vạn Xuân. Thế là các vị như Chu Văn An, Nguyễn Trãi có thể cũng cho triều Lý Nam đế cũng nhạt nhòa như các cuộc khởi nghĩa khác giữa hai thời Triệu (Đà)-Đinh. Không để ý đến việc thành lập nhà nước Vạn Xuân thì các nhân vật thời kỳ đó bị lãng quên cũng là điều dễ hiểu. Chưa kể các di sản văn hóa viết đã bị giặc Minh thu gom tiêu hủy hầu như toàn bộ. Chứng cứ là nhiều thông tin trước thời Lê Thái Tổ chúng ta phải căn cứ vào sử Trung Quốc nhưng phải chất lọc mới có thể lấy được thông tin thực về lịch sử nước nhà. Ngày nay, có người đã chứng minh khởi nghĩa Mai Thúc Loan diễn ra trong 10 năm từ 713-722 chứ không thể diễn ra chỉ trong năm 722 sau việc “công vải” là một sáng tác văn học sau này.

Di tích thờ Phạm Tu lâu đời nhất phải kể đến Miếu Vực, đây chính là gạch nối giữa đền thờ Phạm Tu thời Tiền-Hậu Lý Nam đế (544-602) đến khi lập Đinh Ngoại, gạch nối này nay vẫn tồn tại. Chúng tôi cho rằng đền thờ Phạm Tu được lập thời Hậu Lý Nam Đế-Lý Phật Tử chứ không thể lập thời Lý Nam Đế-Lý Bí. Năm 545 nhà Lương ào ạt đánh sang, chiếm được thành cửa sông Tô Lịch, vùng Thanh Liệt lúc đó đã bị quân giặc khống chế hoàn toàn và vài năm sau Lý Bí mất ở Khuất Liêu. Không có đủ thời gian, điều kiện để Lý Bí cho lập đền thờ suy tôn lão tướng Phạm Tu. Việc làm đó chỉ diễn ra khi chiến tranh kết thúc, và phù hợp hơn đó là khi Lý Phật Tử nắm quyền, Phạm Tĩnh (con của Phạm Tu) lúc đó là Tướng quốc. Thời Lý Phật Tử trị vì thường gọi là Hậu Lý Nam đế (571-602) mà nhiều tài liệu vẫn ghi là thời Lý Nam đế (không có chữ Hậu ở đầu).

3. Ở nhận xét thứ 7: Dân gian có câu “*Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già*”. Nhưng với mỗi người thì các mốc trẻ-già cũng không thể ai cũng giống ai. Với Lão tướng Phạm Tu 70 tuổi chưa hẳn là tuổi già đã đến, ông vốn là đô vật nổi tiếng, rèn luyện thường xuyên thì sức nhiều trai trẻ không địch được. Phải nêu lên tài chỉ huy của Lão tướng Phạm Tu (**cao tuổi**) chứ không thể nói già không ra trận, không thể làm nên công trạng được. Nếu không sẽ trở thành phủ nhận công lao của nhân dân Vạn Xuân trong mấy năm dựng và giữ nước tạo nên trang sử hào hùng cho dân tộc. Phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới có được khởi nghĩa thắng lợi ở tất cả các địa phương. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một minh chứng gần và rõ nhất.

GÓP Ý VỚI TÁC GIẢ TRƯỞNG SỸ HÙNG VÀ BAN BIÊN TẬP THÔNG BÁO HÁN NÔM 2009

Ngày 28. 8. 2010

Danh tướng Phạm Tu, người đứng đầu hàng võ của nhà nước Vạn Xuân là trụ cột triều đình Lý Nam đế được thống nhất ghi trong sử sách. Một danh nhân không có ai có thể phủ nhận công lao của Tướng công đối với vùng đất Thủ đô dù đã trải qua 15 thế kỷ. Thế nhưng nghi vấn lịch sử lẽ ra phải xếp một bên để đặt tên đường phố mang tên ông. Cho dù có thể đặt tên của Tướng công cho một quận của Thủ đô (nhiều người cho rằng Tướng công là một trong những vị thần thiêng nhất của Kinh đô) thế nhưng đến giữa năm 2010 này tên ông còn chưa được đặt cho một con đường nơi ông sinh ra, nơi ông ngã xuống và vẫn tiếp tục bảo vệ mảnh đất ấy theo chiều dài lịch sử của Đất nước. Việc chưa có tên đường Phạm Tu ở thủ đô là điều

ngạc nhiên đối với những người biết về Phạm Tu trong đó có những nhà nghiên cứu của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Nhân dịp đại lễ 1000 năm Thăng Long, hãy đặt tên cho các con đường đẹp ở Thủ đô mang tên các danh nhân như Triệu Túc, Tinh Thiều, Phạm Tu-tứ trụ triều đình Vạn Xuân. Không nên chờ (gần 35 năm nữa) đến những năm 2044-2045 để kỷ niệm 1500 năm của hàng loạt sự kiện: lập nước Vạn Xuân và dựng thành đầu tiên ở bờ nam sông Hồng, trên đất Long Đỗ cổ, ngày hy sinh của danh tướng Phạm Tu, đúng 100 năm ngày quốc khánh Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Nếu đúng Lý Phục Man là Phạm Tu thì chẳng lẽ đặt tên đường Phạm Tu rồi thì phải đổi tên đường Lý Phục Man? Còn nếu chứng minh là hai nhân vật riêng biệt thì lúc đó đặt thêm tên đường Lý Phục Man có muộn? Trong khi Tp. Hồ Chí Minh đã có tên đường Lý Phục Man từ rất lâu, còn gần đây Tp. Nha Trang có đặt tên Phạm Tu cho một con phố nhỏ.

Rõ ràng trong vấn đề này chính sử (văn kiện quốc gia) đang bị yếu thế trước thần phả (văn bản địa phương). Một số nhà nghiên cứu cho phép mình đánh giá tư liệu này tin cậy hơn tư liệu kia, nhưng khi hỏi tư liệu mà họ cho là tin cậy ấy bắt nguồn từ đâu thì họ cũng không trả lời được, hỏi xem có căn cứ nào cho việc đồng nhất không thì lại bảo là chính sử có ý viết như thế(?!). Chính sử đã viết thì ai còn phải bàn luận nhiều? Có phải vấn đề đồng nhất đã bị chi phối bởi tính chất địa phương, sự tranh chấp giữa những nhà nghiên cứu chưa vì lợi ích chung?

Tôi nhớ lại câu của TS. Nguyễn Nhã nói: "Như người ta đã nói: ***Cái gì của César thì phải trả lại cho César!***" Do vậy nên cần bàn một số điểm chưa chính xác trong một bài nghiên cứu công phu của PGS. TS. Trương Sỹ Hùng mà ông cho là có cơ sở chứng minh Phạm Tu và Lý Phục Man chỉ là một người.

(a). Trích: "*Theo chúng tôi, danh tướng Phạm Tu hay danh tướng, sau khi chết là danh thần Lý Phục Man chỉ là một người. Mỹ tự "Cảm ứng cư sĩ Phạm Tu, thụy Đô Hồ đại vương, thượng đẳng thần" (感應居士范修諡都湖大王尚等神) trong bản thần tích Phạm Tu ở Thanh Liệt có thể có sự nhầm lẫn. Bằng chứng chắc chắn là sinh thời Lý Nam đế chưa thể có sắc phong thần cho Phạm Tu, bởi lẽ nếu tướng Phạm Tu chết cùng Lý Nam đế ở động Khuất Liêu hay **hy sinh ở cửa sông Tô Lịch thì ông còn chết sau vua;***" (xem tr. 30)

Xem đoạn này thấy sự lầm lẫn của tác giả: "*hay hy sinh ở cửa sông Tô Lịch thì ông còn chết sau vua;*" Phạm Tu hy sinh năm 545, ở cửa sông Tô; Lý Bí mất năm 548 ở Khuất Liêu: Làm sao tác giả cho là Phạm Tu chết sau vua Lý Nam Đế?

(b). Trích: "*còn khi người hiền thánh thì dân gian tìm mọi cách phù hợp không gọi húy hiệu nên gọi Phạm Tu là thánh Giá, Thiên Nam thánh, thần Lý Phục Man. Hơn tất cả là tính danh do chính vua Lý Nam đế ban tặng, tính thiêng liêng lại gấp bội lần tăng.*" (xem tr. 32)

Ở đây phải thấy rõ “dân gian tìm” là các tên gọi xuất xứ từ nhân dân, đó là các tên gọi: *Đỗ Động tướng quân, Lý Thái úy, Lý Phò mã, Lý tướng quân, thánh Giá,...* Còn *Lý Phục Man* được cho là do vua Lý Nam đế ban tặng, *Thiên Nam thánh* do Lý Thần Tông ban tặng. Nên ở câu trước cần loại hai tên gọi do vua ban mà thay vào các tên gọi có xuất xứ từ nhân dân nhằm tránh hiểu lầm ở câu ngay sát sau đó ca tụng tên Lý Phục Man. Vì đã nảy sinh mâu thuẫn giữa 2 câu này bởi “Phục Man” được cho là tên gọi từ thời Lý Nam đế, do chính Lý Nam đế ban tặng. Ý nghĩa của việc “Phục Man” là sự an huy của mọi vương triều. Chúng tôi nhận thấy các vương triều đều chuộng từ “Phục Man” nên tập trung sắc phong cho thần.

Lý Phục Man- tên gọi do Lý Nam đế ban tặng, khởi đầu, khi còn sống, đúng giai đoạn lịch sử và ý nghĩa nhất, như các tên gọi các đồng chí “Trường-Kỳ-Kháng-Chiến-Nhất-Định-Thắng-Lợi” mà Bác Hồ đã đặt.

(c). Trích: "*Sau đoạn văn trên là trọn vẹn câu chuyện kể cả tình tiết và văn phong, thể hiện là Đại Việt sử ký toàn thư dẫn lại trọn vẹn sách Việt điện u linh như đã dẫn đoạn trên. Lúc này danh tướng Phạm Tu dường như chỉ còn dấu ấn trong trang sử thời Tiền Lý, còn giờ đây tên ông được gọi là thần thiêng Lý Phục Man hay thánh Giá bởi người đã “thác về trời” từ gần 1000 năm trước.*" (tr. 23)

Đoạn này có nhiều mốc thời gian nên dễ nhầm lẫn: “Lúc này”, “thời Tiền Lý”, “còn giờ đây”, “đã thác về trời” và “từ gần 1000 năm trước” rất dễ làm người đọc hiểu sai và không xác định khoảng thời gian nào là gần 1000 năm.

(d). Trích: "*Rõ ràng là nhân dân đã truyền thuyết hóa lịch sử, tìm mọi cách đề cao vị thành hoàng làng mình, gán cho thần những điều linh dị, sao cho hợp với phong thổ, địa danh mà họ đã và đang cư trú. Đời sau, nhiều thế hệ sau vua theo các quan trình nghị ý kiến của dân mà phê duyệt. Sự sai lạc tình tiết, ghép nhặt các mảnh truyện ly kỳ không mấy ai quan tâm, chỉ có các nhà nghiên cứu, chép sử bần khổn khi có dịp cần xem xét.*" (xem tr. 31)

Có lẽ đây là tình trạng chung nên các thần phả đều phải đứng trên giai đoạn lịch sử đương thời mà xét. Xem *Sự tích* về Lý Phục Man để thấy rõ vấn đề này.

(e). Trích: "*Triều đình hội kiến, ai cũng tâu vua rằng: “ - Ngoài Đỗ Động tướng quân, không ai có thể thắng được bọn giặc này!”*" (xem tr. 24)

Năm 543, khi đánh Lâm Ấp, nhà nước Vạn Xuân chưa thành lập. Không có triều đình nào trước Vạn Xuân cả!

(g). Trích: "*Loại bỏ dấu ấn của thuyết phong thủy (các gò đất mang danh long, ly, quy, phượng) thì chứng tích một thành Vạn Xuân hay cung điện sơ khai mà lại **tồn tại chưa được 5 năm ở đây** là đúng, bởi thế việc thờ vọng Phạm Tu ở Thanh Liệt là chính đáng. Đó là lẽ thứ hai khiến người đời không thể sao nhãng. Lẽ thứ ba, thần phả Phạm Đô Hồ đại vương Thanh Liệt xã (神譜范都湖大王清列社) “sao lục tại đền Hùng Vương tỉnh Phú Thọ” năm 1934 không có tên người soạn thảo và ngày tháng ấn định văn bản nên độ tin cậy không cao.”* (xem tr. 30)

Cần xem xét:

1. Không có chuyện kinh đô Vạn Xuân lại ở ngay Thanh Liệt, mà tồn tại 5 năm e quá dài! Khi khởi nghĩa thành công, có lẽ ban đầu bộ chỉ huy nghĩa quân đóng trong thành Long Biên¹, sau đó có thể mới tập trung về phía nam sông Hồng rồi lập điện Vạn Thọ,...

2. Tài liệu cổ, thần phả ở các di tích có bao nhiêu bản ghi có xuất xứ rõ ràng nếu truy tận gốc tài liệu để học giả xưa soạn. Xin hãy xem lại các tư liệu ở Quán Giá trước khi kết luận tư liệu nào tin cậy.

(h). Trích: "*Bằng chứng chắc chắn là sinh thời Lý Nam đế chưa thể có sắc phong thần cho Phạm Tu, bởi lẽ nếu tướng Phạm Tu chết cùng Lý Nam đế ở động Khuất Liêu hay hy sinh ở cửa sông Tô Lịch thì ông còn chết sau vua; thế thì mỹ tự Cảm ứng của Đô Hồ đại vương **không bao giờ có là “Nam đế sắc vi”** (南帝敕為) được.”* (xem tr. 30)

Tôi tán thành quan điểm Lý Nam đế không sắc phong thần cho Phạm Tu vì xét bối cảnh kháng chiến chống quân Lương, Lý Nam đế không có thời gian, điều kiện để suy tôn Phạm Tu.

¹ Vị trí thành Long Biên ở đâu, điện Vạn Thọ ở đâu cần xem xét tình hình chiến sự năm 545: Chu Diên – Tô Lịch giang thành. Không hề nhắc đến việc đánh Long Biên, Kinh đô Vạn Xuân.

Còn "Nam đế sắc vi", nước Việt có bao nhiêu vị là Nam đế chứ đâu chỉ có một Lý Bí là Nam đế! "Nam quốc sơn hà, Nam đế cư" thì có Nhà nước Việt là có Nam đế, đời nào cũng vậy.

Việc sắc phong thường diễn ra khi giặc đã đã yên. Phù hợp nhất là vị Nam đế - Lý Phật Tử làm, do Phạm Tĩnh con Phạm Tu là Tướng quốc triều này- triều Hậu Lý Nam đế (có chữ Hậu ở đầu) mà nhiều tài liệu vẫn chép là triều Lý Nam đế.¹

(i). Trích: "*Khi Phạm Tu được vua ban quốc tính tức là họ Lý và danh hiệu Phục Man, lại được vua gả công chúa ông trở thành phò mã. Lễ thường theo "mệnh vua phép nước", bản thân đương sự là Phạm Tu và "phận con dân" thuộc mọi tầng lớp xã hội, mọi lứa tuổi, mọi thế hệ người đời không thể trái mệnh vua, nên ngay từ lúc sinh thời **tục danh Phạm Tu dần lui vào quá khứ.***" (xem tr. 22)

Thật kỳ lạ tại sao ở làng Giá tên tuổi Phạm Tu "*lui vào quá khứ*" mà chỉ biết đến Lý Phục Man từ thời Lý Thái Tổ. Mà trong khi chính sử (không dưới 2 cuốn sử) lại ghi chép được coi là "*không phải là bắt cần*", và có ghi trong *Việt điện u linh tập* (không phải trong truyện Lý Phục Man).

Theo cuốn *Tuyển tập Thần tích của Thăng Long-Hà Nội* của Nxb. Hà Nội (chủ biên PGS. TS. Nguyễn Tá Nhí, PGS. TS. Nguyễn Văn Thịnh) trong nội dung viết về thần tích xã Yên Sở có nội dung **Tồn nghi** đề cập đến việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. Nội dung này cho hay làng Giá hiện chỉ kiêng húy chữ "**Man**" chứ không kiêng húy chữ "**Tu**". Từ đây Tháp Bút nhận ra: Rõ ràng tên húy

¹ Xem "Việt điện u linh tập" có truyện Trương Hồng và Trương Hát:

Xét Sử ký của Đỗ Thiện chép thì hai Vương là hai anh em. Thời Nam Tấn Vương nhà Ngô đi đánh giặc Lý Huy ở Long Châu, đóng quân ở cửa Phù Lan, đêm ngủ mộng thấy hai người y quan kỳ vĩ, diện mạo khôi ngô, đến ra mắt vua và thưa rằng:

- Bọn nghịch tặc hoành hành đã lâu lắm, chúng tôi xin tòng quân trợ chiến. Vua lấy làm lạ, hỏi rằng:

- Bọn khanh là người nào. Cô này chưa hề biết mặt; đã có lòng thông cảm thì nên cho biết tính danh.

Hai người đều sụp xuống lạy, thưa rằng:

*- Bọn thần là anh em, vốn người Phù Lan, nguyên họ Trương, anh tên là Hồng, em tên là Hát, đều làm tướng của Việt Vương. Việt Vương bị **Lý Nam Đế** đánh bại, Nam Đế đem lễ vật đến rước bọn thần có ý muốn cho làm quan. Bọn thần thưa lại rằng: Tôi trung chẳng thờ hai vua, gái trinh chẳng đổi hai chồng, huống hồ người là người bội nghĩa mà còn muốn khuất cái tiết bất di dịch này ư? Mới trốn vào ở núi Phù Long; Nam Đế nhiều lần cho người đến truy nã không được, mới treo ngàn vàng cầu người bắt. Bọn thần không còn đường tiến thoái nên đều uống thuốc độc mà qua đời. Thượng đế thương bọn thần vô tội chết chẳng phải mệnh, sắc bỏ chức Than Hà Long Quân Phó Sứ, tuần hai sông Vũ Bình và Lạng Giang đến tận trên nguồn, hiệu là Thần Giang Đô Phó Sứ. Trước kia Tiên Chúa trong chiến dịch Bạch Đằng, bọn thần đã hiệu lực trợ thuận.*

của thần Lý Phục Man cũng không phải là Man nên kiêng húy là vô lý, kiêng tên gọi này chứng tỏ cả ngàn năm ở làng Giá không biết tên thật của Lý Phục Man và tên gọi Phạm Tu quả là xa lạ đối với mảnh đất này!

Bộ chính sử lớn của nước ta, cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* đã để lại những dòng ghi về vị tướng tài họ Phạm như sau:

“Mùa hạ, tháng 4 năm Quý Hợi (543) vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua sai tướng Phạm Tu đánh tan giặc ở quận Cửu Đức” và:

“Mùa Xuân, tháng Giêng năm Giáp Tý (544), vua lên ngôi, xưng là Nam Việt Đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt trăm quan, dựng quốc hiệu là Vạn Xuân là ý mong xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc làm Thái Phó, lấy Tinh Thiều, Phạm Tu làm tướng văn, tướng võ”.

Cuốn *Việt Nam sử lược* cũng viết:

“Qua năm Quý Hợi (543) quân Lâm Ấp lại sang quấy phá quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu vào đánh ở Cửu Đức (Hà Tĩnh), người Lâm Ấp thua chạy về nước.”

Làm sao làng Giá lại bỏ quên đến mức sau 14 thế kỷ để đến nửa cuối thế kỷ XX mới cho Lý Phục Man là Phạm Tu, hay đúng hơn là đến khi có thông tin công bố trên sách báo là Phạm Tu quê ở Thanh Liệt, Thanh Trì? Phải chăng đó là sự suy luận, "tưởng tượng về thời xa xưa" chứ không hề có cơ sở để nói là "dẫn lui vào quá khứ"?

Lịch sử Việt Nam hiếm có người được phong quốc tính (một dạng khen thưởng đặc biệt) mà tên tuổi bị mai một. Bởi lẽ chính việc được ban quốc tính đã là một sự ca tụng nên lai lịch về nhân vật ấy càng rõ ràng hơn rất nhiều người cũng được ghi trong sử sách.

Những nhà viết sử thời Lý Trần đã biết về Phạm Tu nên thần phả nào có ghi tên ông đều đã được viết một cách cẩn thận. Đừng vì chủ quan, với ý muốn phủ nhận tư liệu khác mà cho "độ tin cậy không cao", nghe như tiếng súng lục “bắn ... vào Quá khứ”?

(k). Trích: "*Hiện có đến hàng chục bản thân tích viết về Lý Phục Man, nhưng cũng chỉ có vài bản có chi tiết cho biết Phạm Tu là tục danh của Lý Phục Man, còn năm bài văn khắc Hán Nôm trên bia đá ở Yên Sở và phần lớn các thân tích chỉ nói đến đại từ chung là đại vương hoặc cặp từ vinh danh thần.*" (xem tr. 27)

Tính chính xác của việc nêu “*chỉ có vài bản*” thần tích “*có chi tiết cho biết Phạm Tu là tục danh của Lý Phục Man*” cần được chỉ rõ ở bản thần tích nào, đoạn viết ấy cụ thể ra sao? Đây chính là cơ sở có thể đồng nhất mà sao tác giả lại không đi sâu để làm sáng tỏ vấn đề?

Giải thích về điều có thể đồng nhất và không thể đồng nhất:

Bản thân việc "Sự tích đức thánh Giá" xây dựng để vị thần sông Đáy là công thần hàng đầu thời Lý Nam đế điều đó khiến nhiều điều rất giống với vị khai quốc công thần có thật trong lịch sử Tả tướng Phạm Tu. Đây là những điều khiến nếu chỉ xem qua có thể đồng nhất một cách dễ dàng. Bản thân việc đặt tên sự tích cho thấy sự thiếu cơ sở bởi đúng thì cứ gọi "Danh tướng Phạm Tu" là vững nhất, "vững như bàn thạch".

Tuy nhiên những mâu thuẫn phát sinh trong chính tư liệu về Lý Phục Man chứng tỏ trải dài 1000 năm, theo thời gian tư liệu bổ sung vào dồi dào nhưng không thể thống nhất. Đặc biệt khi thời nay cứ phải lái theo cho đúng đó là Phạm Tu và bởi không có cái gốc của sự thật nên có nhiều giả thuyết đã không thống nhất. Tuy nhiên không ai đưa ra lý do chứng minh tư liệu nào là thêm vào sai, tư liệu nào là đúng. Vì thực sự không ai có đủ tin tưởng là tư liệu mình đưa ra là đúng hoàn toàn? Đi phủ nhận tư liệu ở Thanh Liệt có lẽ không phải khi lại sử dụng thông tin về Phạm Tu ở đây để bổ sung cho Lý Phục Man (như việc Lý Phục Man mất ở cửa sông Tô). Thế lý luận này như đánh trận từ sông tiến lên núi thì phải?

Từ sự mâu thuẫn cho thấy tư liệu về Lý Phục Man hiện nay đang có tình trạng đúng sai lẫn lộn như thế làm sao có thể đồng nhất được? Đặc biệt những người lấy lẫn lộn tư liệu Lý Phục Man trẻ tuổi ghép (cơ học) cho Lão tướng Phạm Tu là việc làm của những nhà nghiên cứu là không khoa học vì không đưa ra được lý giải cho những mâu thuẫn.

SỰ TÍCH VỀ LÝ PHỤC MAN
NHỮNG ĐIỀU KHÓ ĐÚNG VỮNG TRONG CUỘC SỐNG
VÀ TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Ngày 04. 10. 2009

Vị thần Lý Phục Man của làng Cổ Sở xuất hiện trong giấc mộng của Lý Thái Tổ vào năm 1016, theo tư liệu ở Quán Giá thì Lý Phục Man mất năm 548 ở động

Khuất Liêu. Như vậy sau 468 năm tính từ ngày mất, Lý tướng công mới xuất hiện và xưng là thần người Cổ Sở vốn quản vùng Đỗ Động, Đường Lâm khi chết vẫn cai quản vùng này. Căn cứ vào nội dung trong *Toàn thư* có thể thấy trong dân gian bấy giờ không có thông tin về lúc sinh thời của vị thần, nếu không đã có ghi rõ hơn về Lý Phục Man như việc vua quan bấy giờ sẽ hỏi người địa phương và lưu lại thông tin về Lý tướng công có căn cứ hơn. Qua giấc mộng của vua cho thấy chỉ có thông tin về thần:

- Người làng Cổ Sở
- Họ Lý, hiệu là Phục Man
- Là võ tướng của Lý Nam đế quản vùng Đỗ Động, Đường Lâm

Chỉ có thông tin ngắn gọn như vậy, dựa theo thời kỳ lịch sử lập nước Vạn Xuân người đời sau bổ sung thông tin cho phù hợp để có sự tích về thần Cổ Sở.

Ngày nay thông tin về thần Lý Phục Man thật dồi dào, đáng nể. Người viết blog NLG đã công phu thu thập thông tin xưa đến nay để tôn vinh thần Lý Phục Man, đặc biệt ông còn cho là Lý Phục Man chính là nhân vật lịch sử Phạm Tu đứng đầu ban Võ nhà nước Vạn Xuân. Nay chúng tôi nêu lên những vấn đề chưa phù hợp trong tư liệu về “*Sự tích Tướng công Lý Phục Man*”: (xem tr. 11)

1. Đánh trận cờ lá chuối

Sự tích lưu ở Quán Giá: “**Bằng cờ *chuối bông lau*, cậu cùng các bạn nhỏ trong xóm chia thành quân ta quân địch dàn trận để dành thắng bại.**”

NLG: “*Chàng thiếu niên nghèo nhưng đã có sức khỏe hơn người, ngày ngày đi chăn trâu cắt cỏ, thường cùng chúng bạn chia quân đánh trận, lấy **tàu lá chuối làm cờ**.*”

Những người yêu lịch sử Việt Nam, ai cũng biết về câu chuyện trẻ tập trận dùng cờ bông lau, chuyện viết để tôn vinh chí lớn của Đinh Bộ Lĩnh ngay từ khi còn nhỏ. Lau sậy cũng cho ta nhớ đến quân của Triệu Quang Phục ở đầm Dạ Trạch ở ngay sau thời Lý Nam Đế. Thế kỷ 19 còn có khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật.

Nhưng phải xét nếu dùng bông lau làm cờ trong khi tập trận sẽ ra sao?

Khi trẻ tập trận sẽ là hoạt động sôi nổi có khi giục đàn trâu phi, có khi nhảy xuống đất chạy xông xáo giữa gò bãi cây cối. Để tạo hoạt động hùng dũng nhanh nhẹn. Khi đó bông lau sẽ không xòe như cây phát trần bình thường, bông lau sẽ như hình ngọn cờ trước gió mạnh. Thật dũng mãnh và khí thế với vài chục đứa trẻ

tay thì cầm bông lau giờ cao như cò, tay thì cầm roi gậy như gươm đao. Cành lau tròn cứng chắc ít bị gãy khi bọn trẻ xung trận.



Cỏ lau trước gió
www.tinnhanhblog.com



Những tàu lá chuối
www.baocongthuong.com.vn



Ngày 10-11/10/2009 diễn ra lễ hội **Ký ức cầu Long Biên**, có nhiều cỏ lau quá! Từ Thăng Long nhớ đến Hoa Lư. Trên cầu Long Biên nhớ đến trận chiến ác liệt ở chính nơi đây vào năm 545 và trước nữa là chiến thắng thành Long Biên của cuộc khởi nghĩa Lý Bí. Cỏ lau bay trước gió một ký ức Đại Việt được ghi hình để minh họa.

Ảnh: Tháp Bút.

Nếu dùng “tàu lá chuối làm cò”, chúng ta nhận thấy phần cán cỏ lá chuối vôn rất ngắn, sống tàu lá thon nhỏ dần về ngọn; sống lá không tròn đều cứng chắc mà là các khoang hộp rỗng rất dễ gãy gập; lá thì hai cánh rộng và dài rất dễ rách. Tàu lá chuối chặt ra không thể để thế làm cò luôn được. Rọc bỏ một bên lá, rọc bớt quá nửa cho thành cán và lá cò. Nhưng khi trẻ xung trận thì có lẽ phải cầm hai tay và phải gượng nhẹ cho cuống lá khỏi gãy. Nhưng phần lá trên cuống thì chẳng thể tạo được khí thế lá cò trước gió khi xung trận. Ngoài ra có thể dùng tay không bẻ cành lau rất mau lẹ, còn lấy lá chuối bằng tay không thì chỉ được những mảnh lá không thể có cuống nguyên vẹn.

2. Sự tích lưu ở Quán Giá: “*Vốn có sức khỏe và lòng dũng cảm, chàng trai họ Phạm đã **thuần hóa được hàng chục voi rừng**, biến chúng thành đội quân để sau ra trận.*”

Đây là thông tin khá mới về “đội tượng binh” thời Tiền Lý. Chúng ta cũng nhận thấy thời đó Lý Nam đế và cả quân Lương cũng dùng thủy binh là chính. Nếu phát hiện có đội tượng binh thì cần bổ sung thông tin cho những trang sử về nhà nước Vạn Xuân. Chúng tôi nhận thấy câu ghi trong *Sự tích* cũ: “*Thưở nhỏ, Đại Vương phong tư hơn người, tài nghệ xuất chúng, nhất là cỡi ngựa bắn cung lại là sở trường, rất có uy đức, **sức mạnh voi cũng chịu thua,***” (xem tr. 55) cho thấy việc ví sức của Lý Phục Man mạnh hơn sức voi là phù hợp.

3. Sự tích lưu ở Quán Giá: “*Đặc biệt trong trận đánh quân Lâm Ấp (tức Chiêm Thành) khi chúng vào xâm lấn Cửu Đức **mùa thu năm Quý Hợi (543).***”

Trong khi đó *Toàn thư* ghi việc Phạm Tu đánh quân Lâm Ấp:

“**Quý Hợi, năm thứ 3 (543), mùa hạ, tháng Tư**, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua (Lý Nam Đế) sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở quận Cửu Đức.

Sai khác thời gian quá xa với chính sử về một sự kiện: *mùa hạ, tháng 4* cách *mùa thu* ít nhất là 3 tháng. Như vậy mùa thu cũng là khi Phạm Tu đã thu quân về, có phải lúc đó Lý Bí cử Lý Phục Man ở phương Nam để “*trấn thủ cõi xa*” như trong “*Thiên Nam ngữ lục*”?

4. Sự tích lưu ở Quán Giá: “*Biết ta còn phải lo bao việc trong dựng nước, bọn vua quan Lâm Ấp đã thừa cơ vào xâm lấn bờ cõi phía Nam. Tin cấp báo về đến Lý Bôn và **các bạn chiến đấu** của ông. Mọi người đều nói: “Với kẻ thù hung hãn như vậy phi Đổ Động tướng quân không ai có thể đương đầu với giặc này”. Tin vào khả năng xuất chúng của người tướng trẻ, Lý Bôn đã nghe theo lời bàn cử tướng Phạm Tu vào Nam dẹp giặc.*”

Cần lưu ý Lý Bí đã từng làm quan ở Cửu Đức, ông biết địch biết ta. Khó có cuộc “triều hội” tập hợp trăm quan để mọi người cho ý kiến. Có thể Lý Bí là người quyết định mau lẹ, cấp tốc cử Phạm Tu đem quân vào Cửu Đức.

5. Sự tích lưu ở Quán Giá: «*Nghe tin thắng trận báo về Lý Bôn đã hết lời khen ngợi. Ông nói: “Tre già mới biết dao sắc, có gặp lúc nguy nan mới biết người tài giỏi. Nay Đổ Động tướng quân bắn vài tên mà phá tan quân giặc dữ, thật là một hào kiệt đất Sơn Tây, dẫu bậc danh tướng đời xưa cũng không hơn được, cần phải trọng thưởng.”*»

Qua câu nói của Lý Bí, xem ra lúc đó mới biết tài của Lý Phục Man. Nhưng quân Lâm Ấp đâu có quá mạnh để Lý Bí ca tụng như vậy. Hơn nữa địa danh “Son Tây” lại dùng quá sớm, không lấy “Đỗ Động, Đường Lâm” cho hợp thời cuộc hơn. Vừa mới gọi Lý Phục Man là “Đỗ Động tướng quân”.

6. Sự tích lưu ở Quán Giá: “Là người có nhiều công lớn phò mã Phạm Tu được vua phong cho chức **Thái Úy** đứng đầu ban võ.”

Có phải Lý Bí phong cho Lý Phục Man là Thái Úy? Trong chính sử, đến thời Lê Đại Hành mới thấy Phạm Cự Lượng (944- ?) được phong Thái Úy năm 986!

7. Sự tích lưu ở Quán Giá: “**Đầu năm Ất Sửu (545)**, bọn phong kiến nhà Lương lại sai Trần Bá Tiên mang quân sang hòng đặt ách đô hộ nước ta một lần nữa. Trận thử sức đầu tiên với đội quân xâm lược ở thành Chu Diên (Hải Hưng), quân ta bị thua. Biết chưa đủ sức triều đình nhà Lý đành phải lui quân về sông Tô Lịch xây đắp thành lũy (Hà Nội) để giữ thế thủ. Để bảo toàn lực lượng đánh địch lâu dài, vua Lý bèn cử Phục Man tướng công Phạm Tu ở lại giữ thành. Còn nhà vua đem triều đình về Khuất Liêu.

Chỉ qua mấy tháng, mùa thu năm Ất Sửu (545) tướng giặc Trần Bá Tiên lại đem quân đến vây đánh thành Tô Lịch. Trong một trận giao tranh với Trần Bá Tiên, tướng công đã anh dũng hy sinh tại trận tiền. Hai tùy tướng họ Trương đã mang được thi hài về quê an táng tại khu Hồ Mã.”

Đoạn trích trên viết không theo dòng chảy lịch sử mà chỉ viết những điểm mốc lịch sử gây nên sai sót về lịch sử:

Toàn thư ghi: “**Ất Sửu**, [Thiên Đức] năm thứ 2 [545], (Lương Đại Đồng năm thứ 11). **Mùa hạ, tháng 6, nhà Lương cho Dương Thiêu làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, đem quân sang xâm, sai Thứ sử Định Châu là Tiêu Bật hội với bọn Thiêu ở Giang Tây**”

Mùa hè, tháng sáu năm Ất Sửu (545), Lý Bí cầm quân cự giặc ở Chu Diên bị thua. Quân ta rút thì Trần Bá Tiên đuổi theo ngay. Chống giặc quyết liệt ở chiến thành sông Tô được chừng một tháng: ngày 20 tháng 7 tướng quân Phạm Tu hy sinh. Như vậy có thể đã cầm cự với giặc khoảng từ 1-2 tháng ở cửa sông Tô.

Đắp thành cửa sông Tô là một kế hoạch phòng thủ đã được chuẩn bị từ trước. Thấy rõ thế giặc khi đem quân chống giặc ở Chu Diên, Lý Bí đốc thúc về kinh hoàn thành phòng tuyến quan trọng ở cửa sông Tô. Ngay mùa hè 545, quân ta vừa thua ở Chu Diên, giặc đã dồn toàn sức hướng về kinh đô Vạn Xuân tấn công đến thành cửa

sông Tô do Phạm Tu chỉ huy. Giặc đã bị chặn lại, Lý Bí đưa bộ máy chính quyền non trẻ rút về vùng trung du củng cố lực lượng.

Theo *Sự tích*: “đầu năm ... sai Trần Bá Tiên mang quân sang” dễ hiểu lầm là Lý Bí chống giặc từ đầu năm vì có nối tiếp ở đoạn ngay sau “*chỉ qua mấy tháng, mùa thu*”. Không lẽ để Lý Bí rút, cho đắp thành cửa sông Tô Lịch xong, đợi đến mùa thu, Trần Bá Tiên mới kéo quân đến đánh? Trong phép dùng binh, không ai làm vậy!

Rồi *Sự tích* đã bỏ qua mất việc Lý Bí chống giặc ở Gia Ninh, tập hợp quân ở hồ Diên Trìệt. Không thể viết ngay thế này được “... *Phạm Tu ở lại giữ thành. Còn nhà vua đem triều đình về Khuất Liêu.*”

Về cái chết của Lý Phục Man ở thành cửa sông Tô Lịch là bổ sung quá mới, không có ghi trong bất kỳ một sự tích nào về Lý Phục Man đã lưu truyền trước đây. Không có trong văn bia, trong các câu đối ở Quán Giá. Đó chính là những thông tin về Phạm Tu người Thanh Liệt được bổ sung vào cho *Sự tích* mới này.

8. *Sự tích* lưu ở Quán Giá: “*Kể từ khi đất nước dành được quyền tự chủ, các vương triều xưa như **Tiền Lê**, Hậu Lý, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn đã phong tặng tới 60 đạo sắc gồm gần 300 chữ đẹp. Đó chính là sự đánh giá của lịch sử và nhân dân về công lao sự nghiệp của tướng công vậy.*”

Toàn thư có ghi việc: Năm 1016, Lý Thái Tổ mới cho xây đền, đắp tượng Lý Phục Man. Không rõ trước đó nhà Tiền Lê sắc phong cho thần như thế nào? Trong *Sự tích* còn khẳng định có 74 nơi thờ Lý Phục Man, nhưng thời Nguyễn Văn Huyền công bố có 72 nơi, như vậy đã có bổ sung thêm Đình Ngoại và Đình Than thờ Phạm Tu, cả hai ông thủ từ trông coi hai đình này đều khẳng định tư liệu ở đó không có căn cứ cho rằng Phạm Tu là Lý Phục Man.

Tóm lại: Viết sự tích về một nhân vật lịch sử cần đúng với lịch sử thời đó và phù hợp với cuộc sống đời thường, việc hư cấu trong *Sự tích* đã mất tác dụng tôn vinh vị thần Lý Phục Man. Càng cố gắng hư cấu càng làm cho nhân vật chính trong *Sự tích* không thể là một nhân vật lịch sử, lại càng không thể lấy đó làm sử liệu để đồng nhất với Phạm Tu. Cần lược bớt những điều không phù hợp, bằng không vị thần ấy không phải là nhân thần. Bản thân việc Thần kể công đánh giặc như trong *Việt điện u linh tập* cho thấy việc hư cấu đã không vượt lên đời thường khác hẳn với vị Đô Hồ Đại vương mà ông thủ từ ở Đình Ngoại nhận xét khi tổng kết từ các hoạt động tâm linh liên quan: “*Ngài không bao giờ kể công*”. Từ *Sự tích*

cho thấy tướng quân Lý Phục Man phần nhiều vẫn sống trong tưởng tượng từ thời Lý Thái Tổ đến nay.

NHỮNG CUỐN SÁCH VIẾT VỀ DANH TƯỚNG PHẠM TU VÀ LÝ PHỤC MAN

Ngày 01. 10. 2009

Thông kê những cuốn sách tiếng Việt được xuất bản trong 50 năm gần đây viết về Danh tướng Phạm Tu và Lý Phục Man để xem xét vấn đề đồng nhất hai nhân vật mới được những người viết blog nêu trở lại

SÁCH KHÔNG THỂ HIỆN ĐỒNG NHẤT PHẠM TU LÀ LÝ PHỤC MAN

A. Về hệ thống sách giáo khoa lịch sử cho các trường học

-Tất các cuốn sách giáo khoa lịch sử từ trước đến nay (dùng cho các trường PTCS (sách Lịch sử lớp 6) không có bất kỳ cuốn sách nào đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu.

-Trên mạng dùng cho giáo dục <http://violet.vn/> có hơn 1,5 triệu thành viên với đông đảo đội ngũ giáo viên tham gia, các bài giảng về *Khởi nghĩa Lý Bí* đều nêu hai nhân vật Phạm Tu và Lý Phục Man riêng biệt.

B. Những cuốn sách nghiên cứu về lịch sử văn hóa Việt Nam xuất bản gần đây (sắp xếp theo năm xuất bản). Những cuốn in nghiêng đậm có phân biệt quê hai nhân vật, hoặc nêu hai nhân vật riêng biệt là không đồng nhất.

1. “*Việt điện u linh tập*”, tác giả Lý Tế Xuyên, dịch giả Lê Hữu Mục (lời dẫn nhập viết tại Huế, ngày 24-11-1959), Khai Trí, Sài Gòn, 1961.
2. “*Danh nhân Hà Nội*”, (Hội văn nghệ Hà Nội, xuất bản 1973)
3. “*Hà Nội nghìn xưa*”, (Sở Văn hóa-thông tin Hà Nội, xuất bản 1975)
4. “*Lịch sử Việt Nam*”, Trương Hữu Quýnh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1977

“*Lịch sử Việt Nam trước thế kỷ X*” quyển I-tập I (Sách bồi dưỡng giáo viên) của tác giả Trương Hữu Quýnh được in lại lần thứ hai do Nxb. Giáo dục phát hành năm 1977. Chương thứ tư của cuốn sách (trang 141 đến 153) viết về Khởi nghĩa Lý Bí và nhà nước Vạn Xuân. Trang 145 viết: năm 543 Phạm Tu đánh Lâm Ấp và năm sau làm tướng võ của nhà nước Vạn Xuân. Trang 146 có viết về người có

công trấn áp các lực lượng chưa thuần phục là Phục Man tướng quân-Lý Phục Man, việc trấn áp ấy được thực hiện khi Lý Bí đã lập xong chính quyền-đã thành lập nhà nước Vạn Xuân. Qua cuốn sách này, tác giả đã không đồng nhất hai nhân vật Phạm Tu và Lý Phục Man là một.

5. “**Lịch sử Việt Nam**”, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tập I,

6. “**Đại Nam nhất thống chí**”, Nxb. Thuận Hoá, 1992

Sách của Quốc sử quán triều Nguyễn soạn từ năm 1852, sách cho rằng Lý Phục Man chết do quân Lâm Ấp.

7. “**Từ điển văn hóa Việt Nam**”, Vũ Ngọc Khánh, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1993

8. “**Thành hoàng Việt Nam**”, Phạm Minh Thảo, Trần Thi An, Bùi Xuân Mỹ, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tập II

9. “**Danh tướng Phạm Tu và họ Phạm trong lịch sử**”, Phạm Đình Nhân, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999.

10. “**Lịch sử Hà Tĩnh**”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập I.

11. “**Ngàn Xưa Văn Hiến**”, Trần Quốc Vượng (chủ biên), tái bản lần 1, Nxb. Hà Nội, 2000, tập I

12. “**Việt Nam-những sự kiện lịch sử**”, Viện Sử học, Nxb. Giáo Dục, 2001

13. “**Thiên Nam ngữ lục**” (Thơ Nôm), Biên soạn Nguyễn Thị Lâm, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001

14. “**Thành Hoàng Làng Việt Nam**”, Vũ Ngọc Khánh, Nxb. Thanh Niên, 2002

15. “**Thăng Long Hà Nội trong ca dao ngôn ngữ**”, Giang Quân, Nxb. Hà Nội, 2002

16. “**Nguyễn Văn Huyền-Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh**”, Nguyễn Văn Huyền, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tập I

Contribution à l'étude d'un gesnie tétulaire annamite Ly Phuc Man [Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man], Hanoi.

Học giả Nguyễn Văn Huyền đã viết “*Lý Phục Man chỉ là cái tên vua ban. Cả tên lẫn họ đều không phải tên họ của Tướng công lúc ra đời. Được gia ân mang tên họ mới và sau đấy người ta chỉ còn gọi biệt danh đến nỗi tên gốc hoàn toàn biến mất*”.

(Theo NLG)

17. “**Danh tướng Phạm Tu (476-545)...**”, Phạm Hồng Vũ, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội, 2003

18. “**Danh nhân Hà Nội**”, Vũ Khiêu chủ biên, Nxb. Hà Nội, 2004

19. “**Danh nhân Hà Nội**”, Trần Quốc Vượng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004

20. “**Đại Việt Sử Ký Toàn Thư**”, GS. Hà Văn Tấn. Ngô Đức Thọ, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, Tập I

Các cuốn sử khác cũng thống nhất ghi riêng biệt Phạm Tu, không đồng nhất với Lý Phục Man: “*Việt sử*” của Ngô Thời Sĩ; “*Sử ký*” của Trần Trọng Kim, “*Việt Nam sử lược*” và cuốn “*Việt sử Toàn thư*” của Phạm Côn Sơn

21. “*Hà Nội như tôi hiểu*”, GS. Trần Quốc Vượng, Nxb. Tôn Giáo, 2005,
 22. “*Lịch sử Thăng Long Hà Nội*”, Nguyễn Vinh Phúc chủ biên, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2005
 23. “*Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*”, Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006
 24. “*Danh tướng Việt Nam*”, Nguyễn Khắc Thuần, Nxb. Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tập IV
 25. “*Nguyễn Hãn-tác phẩm*”, Biên soạn Nguyễn Văn Toại, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2007 (Nguyễn Hãn sống đầu thế kỷ 16, cuối thời Lê sơ, đầu thời Mạc)
 26. Bộ sách “*Họ Phạm trong cộng đồng dân Việt*”, 2 tập, gần 1000 trang, Bản thảo do Ban Liên lạc họ Phạm Việt Nam ấn hành nội tộc, Hà Nội, 2007
 27. “*Cổng làng Hà Nội xưa và nay*”, Vũ Kiêm Ninh, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007
 28. “*Thăng Long-Hà Nội một nghìn sự kiện lịch sử*”, Vũ Văn Quân, Nxb. Hà Nội, 2007
- Trong 27 sự kiện của Hà Nội thời nghìn năm Bắc thuộc, có sự kiện thứ 3: “*Khởi nghĩa Lý Bí năm 542 với sự tham gia của nhân dân Hà Nội*” mà đứng đầu là danh tướng Phạm Tu. Đặc biệt là việc nêu tóm tắt tiểu sử nhân vật Phạm Tu (duy nhất một nhân vật dù không phải là lãnh tụ như Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng, ...). Trong tổng số 11 câu viết về sự kiện này đã dành 9 câu nói về Phạm Tu. Có lẽ tác giả đã vô tình nêu lên vị trí đặc biệt của nhân vật lịch sử Phạm Tu đối với kinh đô ngàn năm của nước Việt và phần nào giúp hiểu rõ vai trò của ông đối với đất Long Đỗ cổ, Thăng Long xưa và Hà Nội nay. “*Sinh vi tướng tử vi thần*”, ông chính là một vị thần uy linh của Hà Nội.
29. “*Hà Nội xưa và nay*”, Vũ Tuân Sán, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2007
 30. “*Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*”, Hà Văn Thư. Trần Hồng Đức, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2008.
 31. “*Việt Nam Các Nhân Vật Lịch Sử-Văn Hóa*”, Đinh Xuân Lâm. Trương Hữu Quỳnh, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2008
 32. “*54 vị hoàng đế Việt Nam*”, Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.
 33. “*Hà Nội nghìn xưa*”, Trần Quốc Vượng. Vũ Tuân Sán, Nxb. Hà Nội, 2009

34. “*Hỏi đáp về những ngôi đình nổi tiếng ở Việt Nam*”, Đặng Việt Thủy, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009.
35. “*Việt Nam biên niên sử*”, Đặng Duy Phúc, Nxb. Hà Nội, 2009
36. “*Ngàn năm văn hóa đất Thăng Long*”, Hồ Phương Lan, Nxb. Lao động, 2009.
- ...

Còn có nhiều cuốn sách viết về Lý Bí, nhà nước Vạn Xuân cùng nhiều sách lịch sử văn hóa khác.

Ngoài ra có sách Trung Quốc “*Tư trị thông giám*” của Tư Mã Quang (q. 158) cũng ghi: “Mùa hè tháng tư, vua Lâm Ấp tiến công Lý Bí, viên trưởng của (Lý) Bí là Phạm Tu đã phá quân Lâm ấp ở Cửu Đức”.¹

Tư Mã Quang: tiếng Trung Quốc: 司馬光/司马光; bính âm: Sima Guang; Wade-Giles: Szuma Kuang; 1019-1086), tự Quân Thật 君實, hiệu Vu Tẩu 迂叟, là một nhà sử học, học giả Trung Quốc, Thừa tướng thời nhà Tống.

Từ hơn 40 cuốn sách xuất bản 50 năm trở lại đây, căn cứ vào thời đại của tác giả chúng ta biết: chưa thấy có việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu từ các mốc thời gian:

- Thế kỷ thứ 6, chính sử ghi vào năm 543 và 544 Phạm Tu đánh tan quân Lâm Ấp và đứng đầu quan võ nhà nước Vạn Xuân
- Thế kỷ 11, năm 1016 với giấc mộng của Lý Thái Tổ thấy thần Lý Phục Man đã ghi trong chính sử
- Thế kỷ 11 với Tư Mã Quang (1019-1086) sống ở Trung Quốc
- Thế kỷ 14 với Lý Tế Xuyên viết “*Việt điện u linh tập*” năm 1329
- Đầu thế kỷ 16 với Nguyễn Hăng thời nhà Mạc
- Thế kỷ 17-18 với các tác giả bộ “*Đại Việt sử ký toàn thư*”; tác giả Gia Cát thị cuốn “*Việt điện u linh tập tân đính hiệu bình*”; và ở cuốn “*Thiên Nam ngữ lục*”
- Thế kỷ 19 (từ năm 1852) với các tác giả “*Đại Nam nhất thống chí*” của Quốc sử quán triều Nguyễn

¹ Theo “*Lịch sử quân sự Việt Nam*”, GS. Trần Quốc Vượng. Lê Đình Sỹ, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, Tập II

- Năm 1934 với Phụng Nghi đại phu Vũ Văn Đức đã chép thần phả Đình Ngoại từ Đền Hùng
- Năm 1939 với học giả Nguyễn Văn Huyền (1908-1975) không xác định “tên khai sinh” của Lý Phục Man
- Năm 1959 với dịch giả Lê Hữu Mục trong cuốn “*Việt điện U linh tập*” của Lý Tế Xuyên
- Sau đó là những năm 1973, 1975, 1977;

Đến khi có bài báo “*Phạm Tu và nhà nước Vạn Xuân*”, báo Hà Nội mới ra ngày 11/09/1982, Đàm Hưng viết “*Phạm Tu người Thanh Liệt, có nhiều công đánh Lương đẹp Chiêm*” “*Vì thế ông được Lý Nam Đế phong chức Phục Man tướng công và cho đổi họ. Vì thế dân gian gọi Phạm Tu là Lý Phục Man*”. (Theo NLG)

Bài báo đó đã mang thông tin của Lý Phục Man (được phong Phục Man tướng quân, mang quốc tính, gọi là Lý Phục Man) ở làng Giá gán cho Phạm Tu ở Thanh Liệt. Điều này không thấy ghi trong các tư liệu về Phạm Tu ở Thanh Liệt.

Có lẽ từ đây giúp cho các suy đoán Lý Phục Man là Phạm Tu phát triển, do vậy đã có một số người đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu ở vài cuốn sách sau đây:

SÁCH ĐỒNG NHẤT HAI NHÂN VẬT PHẠM TU VÀ LÝ PHỤC MAN

1. “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*”, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế; Huỳnh Lứa duyệt và hiệu chỉnh, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

Chúng tôi đã liên lạc qua điện thoại, gửi email có kèm bản thảo chuyên đề này đến tác giả Nguyễn Q. Thắng. Với mục đích xin tác giả cho biết về nguồn tư liệu để viết về Phạm Tu trong cuốn sách này. Rất tiếc tác giả đã tuổi cao lại mới phẫu thuật mắt nên chúng tôi chưa nhận được câu trả lời chính thức. Qua các cuộc gặp trực tiếp và gián tiếp, tác giả có nêu lên ngay chính *Toàn thư* cũng có thể đồng nhất hai nhân vật lịch sử này. Nhưng theo bài viết “*Tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu qua tài liệu cổ*” (xem tr. 65) chúng tôi thấy tác giả Nguyễn Q. Thắng nêu ra lý do đồng nhất 2 nhân vật chưa đủ sức thuyết phục. Do trong *Toàn thư* ghi hai việc xảy ra cách nhau gần 500 năm mà một bên Phạm Tu là người thực và một bên Lý Phục Man là vị thần trong chiêm bao. Mặc dù có thể thấy Lý Thái Tổ là vị thiên tử có khả năng đặc biệt mà ngày nay chúng ta có thể gọi là nhà ngoại cảm. Tuy vậy những lo toan cho vận mệnh nước nhà của nhà vua sẽ có phần nào đó được thần thánh hóa trong một vài sự việc xảy ra, tạo nên sự huyền bí có lợi cho việc trị vì của nhà vua và có ích cho xã tắc.

2. “*Văn bia Quán Giá*”, Nguyễn Bá Hân,¹ Nxb. Thế Giới, 1995

Ngoài nội dung 5 văn bia được ghi chữ Nho và dịch công phu (hoàn toàn không có một ý nào đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu), tác giả có kèm tư liệu “*Sự tích tướng công Lý Phục Man*” từ trang 259-265 được cho là tư liệu lưu tại Phòng Bảo tàng Quán Giá với nguồn tư liệu từ thần phả, văn bia và sử. Việc làm này đã làm mất đi phần nào giá trị của cuốn sách và ảnh hưởng uy tín của người giới thiệu. Do không có nhiều giá trị về sử học và xuất xứ không rõ ràng, không thấy tên tác giả, thời gian xuất hiện. *Sự tích* này đã đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. Chúng tôi nhận ra đây là tài liệu viết hoàn toàn bằng chữ quốc ngữ (không phải là tài liệu cổ, chữ Nho) bởi có những câu mang đậm dấu ấn thế kỷ 20, ở trang 262 có câu: “*Tin cấp báo về tới Lý Bôn và các bạn chiến đấu của ông.*” Thư viện Bình Định còn lấy tên dị bản (*Văn bia đền thờ Phục Man tướng công Phạm Tu*) ở cuối cuốn sách thay cho tên cuốn sách được phép xuất bản.

Sau khi gửi thư đóng góp ý kiến tới Nxb. Thế giới, chúng tôi được biết Nhà xuất bản sẽ gửi bản thảo chuyên đề này đến tác giả Nguyễn Bá Hân. Hầu hết các sách mà tác giả này công bố đều muốn đồng nhất 2 nhân vật.

3. “*Lịch sử quân sự Việt Nam*”, GS. Trần Quốc Vượng. Lê Đình Sỹ, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, Tập II

Cuốn sách này không khẳng định việc có thể đồng nhất hai nhân vật: “*Phạm Tu và Lý Phục Man là một hay hai người và quan hệ với nhau như thế nào, đây là một vấn đề được đặt ra từ rất lâu, nhưng chưa đủ cứ liệu khoa học để kết luận.*” Nhưng trong cuốn sách lại có nhiều chỗ dùng thông tin về Lý Phục Man ở Yên Sở rồi thay tên Phạm Tu vào, theo kiểu “râu ông nọ cắm cằm bà kia”. Đơn cử như câu: “*Năm 1016, vua Lý Thái Tổ qua bến Cổ Sở, đã sai lập đền thờ và đắp tượng Phạm Tu.*”² (xem tr. 51 trích *Toàn thư* ghi sự việc này không thể là Phạm Tu)

4. “*Hành trình về làng Việt cổ*”, Bùi Xuân Đính, Nxb. Từ điển bách khoa, H. 2008, tập I (xem tr. 10).

¹ Ông Nguyễn Bá Hân-nghệ nhân nay đã ở độ tuổi 80 sống tại đội 3 xã Yên Sở, huyện Hoài Đức.

² Trong tất cả các bài viết GS. Trần Quốc Vượng không đồng nhất 2 nhân vật, nêu rõ ràng và thống nhất: Phạm Tu là lão tướng quê ở Thanh Liệt. Không rõ tại sao trong cuốn sách mà ông đứng chủ biên cùng tác giả Lê Đình Sỹ lại có những sai sót không đáng có như vậy?

Trong *Thiên Nam minh giám* cũng có viết đến Phạm Tu, (*Tiên Nam đế dăng công mở nước/ Tôi thuấn thành dùng được Phục, Tu*) ở chủ thích của soạn giả Hoàng Thị Ngọc cho là Phạm Tu quê ở Yên Sở, Hoài Đức. (tr. 22)

Còn một số cuốn nêu lên nghi vấn mà không nêu ra được cơ sở để khẳng định tính khoa học của vấn đề đồng nhất như:

-“*Địa chí Hà Tây*” của Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, 2007. Cuốn này nêu rõ: “*Chính sử nước ta và sử Trung Quốc (Lương thư) chỉ chép duy nhất có một vị tướng tham gia đánh Lâm Ấp là Phạm Tu. Có thể Phạm Tu sau này được ban quốc tính và được đặt tên là Lý Phục Man.*” Nghi vấn này được dẫn từ cuốn “*Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X*”, Đỗ Văn Ninh, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1999.

...

Ngoài ra, theo thông tin từ Nxb. Hà Nội, còn có một cuốn sách sắp xuất bản: “*Thăng Long-Hà Nội những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm*” của PGS, TS Lê Đình Sỹ. Trong buổi họp nghiệm thu bản thảo có nhận xét của PGS, TS. Viện trưởng Viện Sử học Nguyễn Văn Nhật là: *Một số khái niệm cần thống nhất: Lý Phục Man và Phạm Tu, là một người hay 2 người (Tr. 47, 48), ...¹*. Đặc biệt là ý kiến của GS Phan Huy Lê kết luận: “*Quan điểm về Phạm Tu và Lý Phục Man là 1 người hay 2 người hiện nay chưa thống nhất, tác giả không nên khẳng định.*”

Chúng tôi đã gửi bản thảo chuyên đề này đến Nxb. Hà Nội nhưng chưa có hồi âm.

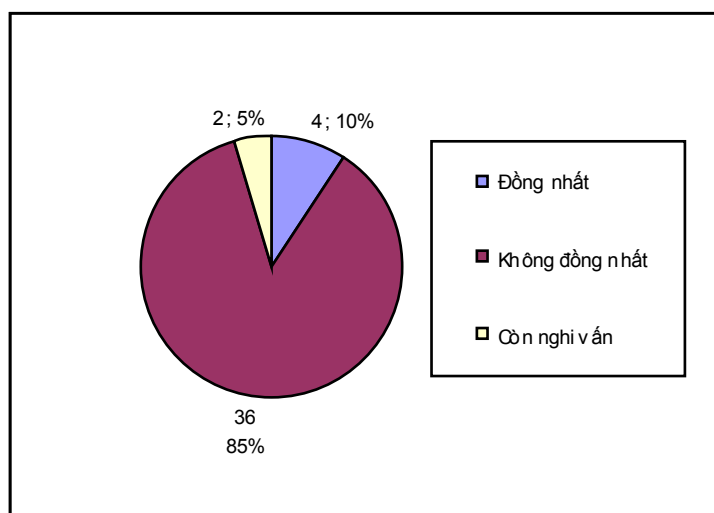
Hàng loạt sách về Thăng Long-Hà Nội phục vụ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội cũng sẽ đề cập đến một nhân vật lịch sử hàng đầu của Thăng Long-Hà Nội xưa, đó chính là tướng quân Phạm Tu. Tiêu biểu có cuốn *36 danh tướng Thăng Long-Hà Nội*. Đặc biệt cuốn *Danh nhân quân sự Việt Nam (thời Âu Lạc đến Tiền Lê)* do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam chỉ đạo, TS. Lê Văn Thái chủ biên đã đánh giá cao vai trò của Danh tướng Phạm Tu (476-545) đối với Dân tộc, một vị Tổng chỉ huy là anh hùng liệt sỹ. Trong tập sách có 17 danh nhân (gồm 9 vị quân vương và 8 Danh tướng) đã có 3 vị danh tướng họ Phạm là dòng dõi Phạm Tu (Theo thứ tự có: 6. Phạm Tu; 14. Phạm Bạch Hổ; 16. Phạm Cự Lạng.)

Tóm lại: Các cuốn sử lớn của nước ta và hệ thống sách giáo khoa đều không đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. Chủ biên sách và các tác giả có nhiều nhà

¹ Theo biên bản họp nghiệm thu bản thảo cuốn sách nêu trên. Xem trang 34, 35 có thể thấy PGS, TS Lê Đình Sỹ đã đồng nhất hai nhân vật mặc dù vẫn khẳng định Phạm Tu là **lão tướng** nhưng lại gắn tư liệu ở Quán Giá về Lý Phục Man **trẻ tuổi** vào nội dung viết về Phạm Tu.

ngiên cứu uy tín trong giới khoa học qua nhiều tác phẩm không thể hiện việc đồng nhất. Chúng ta thấy tên nhiều nhà khoa học trong số các vị: GS. Nguyễn Văn Huyền (1908-1975), GS. Trần Quốc Vượng (1934-2005), Vũ Tuân Sán (sinh 1915), GS. Vũ Khiêu (sinh 1916), GS. Đinh Xuân Lâm (sinh 1925), GS. Vũ Ngọc Khánh (sinh 1927), Nguyễn Vinh Phúc (sinh 1927), Trương Hữu Quýnh (sinh 1935), Ngô Đức Thọ (sinh 1936), Trần Lê Sáng, Hà Văn Thư, Trần Hồng Đức, Hồ Phương Lan, Giang Quân, Đặng Việt Thủy, PGS. TS. Vũ Văn Quân (sinh 1963), ¹... Trong đó các vị “tứ trụ” “*Lâm, Lê, Tấn, Vượng*” (tức gồm các Giáo sư: Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn và Trần Quốc Vượng) của sử học Việt Nam đương đại đều quan tâm đến vấn đề đồng nhất mà sao vẫn chưa có kết luận vấn đề?

Việc đồng nhất chỉ có ở một vài tác phẩm với những tác giả cụ thể. Cả bốn cuốn sách đồng nhất² đều không đưa ra căn cứ để xác định tính khoa học của việc đồng nhất do vậy chỉ là những nghi vấn đang cần các nhà khoa học lý giải.



Biểu đồ mức độ đồng nhất trong hơn 40 cuốn sách được khảo sát

Tài liệu tham khảo

Một số cuốn sách nêu trên; *Lão tướng Phạm Tu* của GS. Lê Văn Lan

Blog NLG: <http://nguyenthedung.vnweblogs.com/>

Các trang web: <http://thanglonghanoi.gov.vn/>; <http://www.vinabook.com/>;

<http://www.nxbhanoi.com.vn/>; <http://www.quansuvn.net/>;

<http://www.lichsvietnam.info/>; <http://vi.wikipedia.org/>; ...

¹ Do không rõ tuổi tác của các vị có tên ở đây nên vị trí sắp xếp có thể chưa phù hợp.

² Cuốn 1, 2 dựa vào *Toàn thư* (bài sau chúng tôi làm rõ hơn là không thể dựa vào chính sử để đồng nhất), cuốn 3 không khẳng định, cuốn 4 nêu Lý Phục Man có tên là Phạm Tu (không rõ căn cứ của tác giả) và cho biết giới khoa học không chắc chắn hoàn toàn.

TÌM CƠ SỞ ĐỒNG NHẤT TỪ VĂN BIA QUÁN GIÁ

Ngày 04. 10. 2009

Tôi tìm đọc cuốn “*Văn bia Quán Giá*” với hy vọng tư liệu từ Quán Giá có đủ sức thuyết phục Phạm Tu và Lý Phục Man là một người. Tôi cũng rất tin tưởng vào các văn bia thời xưa để lại nhiều thông tin giá trị. Những văn bia ở đền thờ Lý Phục Man sẽ là căn cứ xác định vấn đề có thể đồng nhất được hai nhân vật là một hay không?

Tư liệu rất quan trọng tại Quán Giá, đền thờ của Lý Phục Man là 5 văn bia: Bia thời Vĩnh Tộ 1620, bia thời Cảnh Trị 1670, bia thời Bảo Thái 1728, bia thời Gia Long 1803, bia thời Tự Đức 1855.¹ Không hề có một chữ nào ở 5 văn bia đó viết về Phạm Tu.

Khi đọc phần dịch nghĩa bia Bảo Thái (1728) xuất hiện chú thích đáng lưu ý của ông Nguyễn Bá Hân ở hai trang 173, 174:

Ở trang 173 (dịch từ đoạn chữ Nho ở trang 152): *Nãi tuyên chế sử Tổng Soái chư tướng vãng ngự chi Toại đại phá Lâm Ấp vu Cửu Đức*

...Thần quyền Thống lĩnh các chư tướng đem quân đi đánh. Thần đã đại phá quân Lâm ấp ở Cửu Đức⁽¹⁾...

...Vì tướng công đã quét sạch được quân rợ nên nhà vua bèn cho tước hiệu là Phục Man (tức là người dẹp

(1) Trong Toàn thư ghi đúng tên là Phạm Tu đánh quân Lâm Ấp ở Cửu Đức.

173

Xem trang cuối trang 173, đầu trang 174 (dịch từ đoạn chữ Nho ở trang 153): *Nãi dĩ kỳ đa phục man di chi công Tứ danh Phục Man Tứ tính Lý Thị Thượng công chúa Siêu thăng Thiếu Úy tham nghị mộ phủ Nghị thị bách liêu*

¹ Với thời gian khoảng nửa thế kỷ lập ra một văn bia. Có 3 văn bia đầu cùng nói về thân thế sự nghiệp của Lý Phục Man trong đó văn bia 1728 là văn bia quan trọng nhất cơ bản giống với hai văn bia trước, sau đó không còn văn bia nào viết tiếp nội dung *Sự tích*. Văn bia 1728 là văn bản đã tổng hợp từ các văn bia và tư liệu liên quan về Lý Phục Man. Văn bản này mang tính **kết luận rất thống nhất của các nhà trí thức xưa** (các nhà Nho trong đó có nhiều người con làng Giá) về Lý Phục Man.

yên quân man rợ) cho thần được đổi họ theo nhà vua là họ Lý; lại gả công chúa cho Thần và phong làm Thiếu Úy⁽¹⁾ tham nghị việc triều chính, đứng đầu các quan⁽²⁾

...

(1) Trong hai bia trước là Vĩnh Tộ (1620) và Cảnh Trị (1670) đều ghi là Thái Úy nhưng đây lại ghi là Thiếu Úy có lẽ xưa không phân biệt Thái và Thiếu.

(2) Theo **Toàn thư thì Thần đứng đầu hàng võ.**

174

Bia Bảo Thái 1728 chép lại sự tích miếu thờ Thần theo các bia cũ. Bia này cho hay: Thần thống lĩnh chư tướng đi Cửu Đức đánh thắng Lâm Ấp. Ông Nguyễn Bá Hân đối chiếu với *Toàn thư*, thời đó có Phạm Tu cũng đem quân đi Cửu Đức đánh tan quân Lâm Ấp. Do vậy chú thích số (2) ở trang 174, ông Nguyễn Bá Hân đã đồng nhất thần Lý Phục Man với Phạm Tu một cách quá giản đơn: **a=A** (chữ **a** viết thường cũng là chữ **A** viết hoa).¹ Thực tế *Toàn thư* chép Phạm Tu đứng đầu ban Võ mà không liên quan gì đến thần Lý Phục Man. (xem tr. 51 trích *Toàn thư*)

Có thể nhận ra ông Nguyễn Bá Hân đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu² dựa trên các điểm:

¹ Thông tin từ chính sử có thể biểu diễn mối quan hệ giữa Phạm Tu và Lý Phục Man bằng toán học: **a** là Lý Phục Man trong miền số ảo (thần), **A** là Phạm Tu trong miền số thực (nhân vật lịch sử). Với thuộc tính chung của chữ **a** và **A** cùng là **võ tướng thời Tiền Lý** (đây là thông tin duy nhất giống nhau của hai nhân vật được ghi trong chính sử), **A** là *đứng đầu quan võ* – chỉ có một. Khái niệm của chữ **a** và **A** cùng mang một nghĩa là *võ tướng* thì:

A là **a** viết hoa: người *đứng đầu quan võ* là *võ tướng*

a không hẳn là **A**: *võ tướng* không hẳn là người *đứng đầu quan võ*

Muốn chuyển số ảo **a** sang số thực phải nhân với **j** ($j^2=-1$) ta được số thực **ja**. Có xảy ra **ja=A** hay không chỉ một mình *Toàn thư* không thể chứng minh được: khi **còn sống Lý Phục Man có phải là Phạm Tu không**. (Xin nhấn mạnh *Toàn thư* không có một thông tin nào cho là *võ tướng* Lý Phục Man *đứng đầu quan võ* và không thấy ghi Lý Phục Man cầm quân đánh Lâm Ấp). Rõ ràng không thể căn cứ vào chính sử để đồng nhất được. Phải tìm các nguồn thông tin khác để xem xét vấn đề.

² Xét việc đồng nhất, phải kể đến câu thơ trong *Thiên Nam ngữ lục*:

Vua cùng tướng quân Phạm Tu

Vào Khuất Liêu động thác hư lên trời

- Cùng là võ tướng thời Lý Nam đế (đều ghi trong chính sử nhưng có khác là Lý Phục Man xuất hiện trong giấc mộng của Lý Thái Tổ sau ngót 500 năm)
- Theo thần tích Lý Phục Man đứng đầu trăm quan; còn theo chính sử Phạm Tu đứng đầu các võ tướng
- Đều là thống soái đi đánh Lâm Ấp ở Cửu Đức

Nhưng ở trong trường hợp này ông Nguyễn Bá Hân nên dùng chữ “có thể” để nói lên nghi vấn của mình thì hợp khoa học hơn.

Thiên Nam ngữ lục ra đời ở thế kỷ 18 của tác giả vô danh, qua đó có sự nghi ngờ về hoàn cảnh khi mất (cùng Lý Nam Đế vào động Khuất Liêu và mất ở đó) và năm mất (548) của Phạm Tu. Theo tư liệu về Quán Giá, điều đó lại hoàn toàn giống với thông tin về Lý Phục Man lúc lâm chung.

Nhưng dựa vào hai câu trên để đồng nhất mà không thấy hai câu sát trước đã nêu về Lý Phục Man không thể đồng nhất được:

Phục Man trấn thủ cõi xa

Nghe tin Nam Đế phải thua Triệt Hồ

Nếu Phạm Tu cùng Lý Nam Đế vào động Khuất Liêu thì ông cũng đã cùng vua tập hợp binh mã ở hồ Diên Triệt. Do đó cứ tạm coi thông tin về bốn câu thơ trên là đúng thì Phạm Tu và Lý Phục Man là hai người ở hai nơi khác nhau.

Quan điểm đồng nhất có thể đã dựa trên sai sót trong *Thiên nam ngữ lục* về hoàn cảnh mất của Phạm Tu giống như một giả thuyết về cái chết của Lý Phục Man (khi ở bên Lý Nam đế) để đồng nhất hai nhân vật. Nếu dựa vào điều sai để đồng nhất thì gặp phải là điều sai (có thể nói việc đồng nhất là không đúng). Như vậy chính *Thiên Nam ngữ lục* đã thay vị trí (không phải là đồng nhất) của Phạm Tu (đã mất 545) vào vị trí Lý Phục Man (mất 548) hoàn toàn không có cơ sở để đồng nhất. Về tư liệu nhận thấy có sự khác biệt về không gian (theo địa lý) và thời gian đối với các sự kiện liên quan đến hai nhân vật. Các đại tự và câu đối đều khẳng định về cái chết của Lý Phục Man xảy ra 7 năm (chữ Nho là **thất tải**) sau khi nổi ra khỏi nghĩa Lý Bí (cuối năm 541, đầu năm 542): không thể khác đó là năm 548! NLG đã dẫn ra không dưới 3 lần giúp chúng ta khẳng định điều đó như trong văn tế có câu: “*Thánh trí uyên thâm, thông minh thiên tích, thất tải Lý triều Đại tướng*”; Và ví dụ một số về đối:

“*Trượng việt bình mao, thất tải Lý triều hùng tướng*”

“*Thất tải trung thiên vạn lý cần vương*”

Theo thông tin về tài liệu trước đây của Quán Giá có thể thấy chính Lý Phục Man đã ở bên Lý Nam Đế từ hồ Diên Triệt đến động Khuất Liêu. Ngày nay thông tin chính thức về việc hy sinh của lão tướng Phạm Tu: mất năm 545 tại chiến thành cửa sông Tô. Có thông tin chưa chính thức giúp củng cố sự thật đó là: bia mộ và miếu thờ Phạm Tu vẫn còn tồn tại ở dưới lòng đất vùng chiến thành cửa sông Tô xưa. Để làm sáng tỏ việc **đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu**, chúng tôi tin tưởng sẽ có công bố chính thức từ ban ngành hữu quan của Thành phố Hà Nội và của các nhà khoa học.

Nếu thông tin trên đều là ghi chép trong chính sử thì không ai còn phải bàn cãi, việc đồng nhất như thế sẽ đúng đắn. Khi tất cả thần tích, tư liệu của các địa phương không xác định được quê hương của Phạm Tu thì mới dễ bề đồng nhất hai nhân vật. Nhưng điều đó đã không xảy ra khi đại đa số các nhà khoa học hiện nay đã xác định quê hương của Phạm Tu ở Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trong khi các nhà khoa học còn nghi vấn: có thể Lý Phục Man không phải là nhân vật lịch sử. Thay vì việc trước tiên phải chứng minh Lý Phục Man là nhân vật lịch sử, bằng cách đồng nhất vị thần này với danh tướng Phạm Tu, có thể đã làm lạc hướng chú ý.

Khi muốn khẳng định Lý Phục Man là Phạm Tu, trước hết phải chứng minh được sự đúng đắn ghi trên bia về việc: chỉ có duy nhất Lý Phục Man thống soái cầm quân đánh thắng Lâm Ấp là điều có thật. Trước hết là phải chứng minh không ở địa phương nào ngoài Yên Sở có tướng quân Phạm Tu thời Lý Nam Đế.

Việc Lý Phục Man đánh Lâm Ấp có thể xảy ra bởi ra trận không thể có một tướng Phạm Tu như ghi trong chính sử. Còn Lý Phục Man là thống soái đánh Lâm Ấp, rồi đứng đầu trăm quan¹ có lẽ chính là dựa vào việc vua chúa thời sau sắc phong bổ sung chức Thái úy cho thần Lý Phục Man, từ đó người ta luận ra ông võ tướng này xứng với vị trí của Phạm Tu hơn cả (Đề cao hết tầm một võ tướng, ắt người đó là tứ trụ triều đình thống lĩnh quân đội). Lịch sử Việt Nam có Phạm Cự Lượng (944-984) là người đầu tiên được phong Thái Úy dưới triều Tiền Lê. Ngay triều trước-thời Đinh Tiên Hoàng, người có vị trí đứng đầu quân đội là Lê Hoàn được gọi là Thập đạo tướng quân.

Thư tịch quan trọng nữa của Quán Giá chính là Thần phả, có thể cả Thần phả Quán Giá cũng không có chỗ nào đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. Điều đó được thể hiện: nếu có ghi việc đồng nhất trong thần phả, chắc chắn ông Nguyễn Bá Hân không thể không ghi câu trích dẫn trong cuốn “*Văn bia Quán Giá*” và cả NLG sẽ lấy làm căn cứ ngay từ đầu các bài viết của mình.

Tiếc thay, chỉ tư liệu về văn bia Quán Giá chưa đủ khẳng định. Nhưng cuốn sách ấy lại gặp phải một số vấn đề khiến độ tin cậy có phần bị ảnh hưởng khi người biên tập chính là tác giả Nguyễn Bá Hân có giấy phép xuất bản số 200/CXB,

¹ Có thể Lý Phục Man đứng đầu ban Võ khi Phạm Tu mất vào năm 545. Nhưng cũng khó xảy ra khi vai trò của Triệu Quang Phục nổi trội hơn hẳn Lý Phục Man (hai người cùng thuộc thế hệ thứ 2 của bộ máy trăm quan của nước Vạn Xuân). Thông tin về Lý Phục Man nhiều chỗ cũng không thể đồng nhất được với chính nhân vật Lý Phục Man nếu có trong lịch sử. (không nhất quán)

ngày 30/6/1994 in tại xưởng in Nxb. Thế Giới và cuốn sách đã bộc lộ một số điểm bất cập:

Tên sách không thống nhất:

- Trang bìa: ***Văn bia Quán Giá***
- Trang cuối: ***Văn bia đền thờ Phục Man tướng công Phạm Tu***

Có tư liệu không rõ xuất xứ:

- “*Sự tích tướng công Lý Phục Man*” từ trang 259-265 được cho là tư liệu lưu tại Phòng Bảo tàng Quán Giá với nguồn tư liệu từ thần phả, văn bia và sử (xem tr. 11). Do không có giá trị về sử học và có xuất xứ không rõ ràng, không thấy tên tác giả, thời gian xuất hiện. Chúng tôi đã nêu ra 8 điểm còn chưa thuận trong *Sự tích* (xem tr. 79).
- Trang 8 có một bức ảnh gây sự hiểu lầm GS. Phan Huy Lê xác nhận ảnh Đền Giá là đền Phạm Tu.

(có in ảnh đền Giá) với hai dòng ghi phía dưới:

1. Đền thờ Phục Man Tướng Công Phạm Tu

Ảnh: Phan Huy Lê

Có lẽ ông Nguyễn Bá Hân sử dụng ảnh của GS. Phan, nhưng chắc chắn GS. Phan không đủ cơ sở cho rằng đó là đền thờ Phạm Tu. Trong lời giới thiệu của GS. Phan cũng hoàn toàn không có ý nào nói về Phạm Tu (GS. Phan viết: “*Nội dung văn bia là những tư liệu vô cùng quý giá ghi lại sự tích của Lý Phục Man, một số sự kiện lịch sử của làng cùng với việc tu tạo đình quán, chép lại một số quy ước, tập quán và lệnh chỉ, sắc phong của làng*”) và GS. Phan còn nhấn mạnh cuối lời giới thiệu: “*Tôi tin rằng cuốn sách Văn bia Quán Giá của ông Nguyễn Bá Hân sẽ giúp cho các thế hệ nhân dân làng Giá tự tìm hiểu về quê hương yêu dấu của mình và cung cấp một số tư liệu cho các nhà khoa học nghiên cứu về nông thôn và làng xã trên nhiều lĩnh vực*”. Có thể khi viết lời giới thiệu cuốn “*Văn bia Quán Giá*”, GS. Phan đã không được xem một số nội dung mà chúng ta thấy bất cập ở trên.

ĐIỀU RÚT RA TỪ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ LÝ PHỤC MAN CỦA GS. NGUYỄN VĂN HUYỀN

Giáo sư Nguyễn Văn Huyền (1908-1975) là một nhà nghiên cứu văn hóa lớn của Việt Nam. Ngay từ cuối những năm 30 của thế kỷ XX, ông đã công bố công trình nghiên cứu có giá trị *“Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man”*. Chính nhờ công trình nghiên cứu này mà di tích thờ Lý Phục Man ở xã Yên Sở, Hoài Đức được tu tạo mặc dù bị giặc Pháp tàn phá hầu như hoàn toàn vào năm 1947.

Sau khi đã nêu quan điểm chứng minh không đồng nhất lão tướng Phạm Tu với phò mã Lý Phục Man trên trang web <http://hophamvietnam.org/>, chúng tôi thấy cần tìm hiểu kỹ các thông tin về Lý Phục Man để có thêm phần sáng tỏ vấn đề lịch sử còn tranh chấp này.

Công trình của GS. Nguyễn Văn Huyền là một nghiên cứu đầy đủ sáng tỏ nhất về vị thành hoàng Lý Phục Man và di tích Yên Sở¹. Qua tác phẩm này, cho thấy:

-Lý Phục Man là một nhân vật mang đậm tính truyền thuyết hơn là nhân vật lịch sử: Cụ thể chúng ta thấy: từ thời Lý Nam đế đến thời Lý Thái Tổ không hề nói đến Lý Phục Man. Chỉ xuất hiện lần đầu trong giấc mộng của Lý Thái Tổ và sau đó ghi trong *“Việt Điện u linh tập”* của quan Phụng ngự Lý Tế Xuyên vào khoảng năm 1329.

-Về cái chết của Lý Phục Man cũng không thống nhất.²

1. Lý Phục Man thua quân Lâm Ấp nên tự sát;
2. Lý Phục Man bị thua ở Khuất Lão nên tự sát (mất khoảng 546-548);
3. Lý Phục Man bị chém đầu nhưng vẫn cười ngửa về làng.³

¹ Mục 6 từ trang 443 đến 619 cuốn *“Nguyễn Văn Huyền tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh”*-tập I, Nxb. Khoa học xã hội, 2003.

² Nếu trong lịch sử có xảy ra việc Lý Phục Man hy sinh oanh liệt thì các nhà Nho của làng Giá thời xưa (làng có Nguyễn Chiêu Khánh đỗ Hoàng giáp năm 1529 làm quan Hàn lâm học sỹ; Trần Danh Tiêu đỗ Tiến sỹ năm 1733 làm quan đến chức Đông các đại học sỹ đây là người được đọc ba tấm văn bia cổ về *Sự tích* Quán Giá các năm 1620, 1670, 1728) đã tìm được tiếng nói chung. Trong các nhân vật lịch sử Việt Nam hy sinh vì nước hiếm có ai lại có chuyện kể về lâm chung phức tạp đến thế. Không thể thống nhất được là Lý Phục Man đã hiển hóa ra sao.

³ Giống chuyện tướng trẻ tuổi Phan Đà cười ngửa trắng (thần Bạch Mã) thời khởi nghĩa Lam Sơn ở Võ Liệt, huyện Thanh Chương, Nghệ An. Hay chuyện về Phạm Tử Nghi lưu truyền ở Nam Định. Ngoài ra ở Thị Cẩm, Hòe Thị (Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội, trên trục đường đến Yên Sở cách khoảng 7km) có sự tích tương tự về ông tướng Phan Tây Nhạc thời Hùng Vương thứ 18.

Lưu ý: không có sự việc Lý Phục Man hy sinh năm 545 ở chiến thành cửa sông Tô Lịch. Các văn bia, đại tự, câu đối ở Quán Giá không nói lên điều này.

-Ở Bắc bộ có đến hàng chục nơi thờ Lý Phục Man và qua các triều vua đã phong tặng cho Lý Phục Man đến hơn năm chục tên gọi (mỹ tự) mà hoàn toàn không gọi là Đô Hồ Đại vương hoặc Long Biên hầu như của Phạm Tu.

-Toàn bộ tác phẩm gần 200 trang chúng tôi không thấy GS. Nguyễn Văn Huyền nêu tên tướng quân Phạm Tu và hoàn toàn cũng không nêu việc đồng nhất Lý Phục Man với bất cứ một nhân vật lịch sử nào ở thời Lý Nam Đế.

-Về phu nhân của Lý Phục Man là công chúa Phương Dung, theo tác giả thì đây là “mong muốn” của người dân.¹

Từ các tư liệu mà GS. Nguyễn Văn Huyền dày công nghiên cứu, chúng tôi chợt nghĩ: Không biết có phải Lý Phục Man chỉ là vị thần hoàn toàn không phải là nhân vật lịch sử? Để sức mạnh tinh thần ấy có chỗ dựa vững chắc, người đời tìm một nhân vật lịch sử để đồng nhất và thế là họ đã chọn Lão tướng Phạm Tu.

CÓ ĐỒNG NHẤT TẢ TƯỚNG PHẠM TU VỚI PHÒ MÃ LÝ PHỤC MAN ĐƯỢC KHÔNG?

Nội dung chính đã đăng trong bài báo “Phạm Tu không phải Lý Phục Man” trên báo QĐND cuối tuần số 692 ra ngày 04. 4. 2009 là ngày sinh 10. 3 âm của Danh tướng Phạm Tu (476-545)

Trong các tài liệu lịch sử để lại, có một số nhân vật lịch sử của nước ta còn chưa thống nhất về tên tuổi. Trong đó, trường hợp hiếm có là việc một số tài liệu đồng nhất hai nhân vật lịch sử cách đây 15 thế kỷ: lão tướng Phạm Tu (476-545) và phò mã Lý Phục Man. Do tư liệu về giai đoạn này còn lại không nhiều nên chúng tôi suy luận từ những gì còn ghi lại với mục đích tìm ra điều chân thực. Đồng thời cũng để xem xét những thông tin mà người đời sau bổ sung có phù hợp với đời sống thời Lý Nam đế hay không.

Vào năm 544, Nhà nước Vạn Xuân được Lý Bí (503-548)² thành lập có hai ban Văn Võ. Lão tướng Phạm Tu đứng đầu Ban Võ. Thời đó còn có một danh

¹ Ở đền Quán Đồi bên sông Tô Lịch cũng có thờ Phương Dung-bà Hoàng hậu của Lý Phật Tử cũng là người cùng thời.

² Theo “*Danh nhân Hà Nội*”, Vũ Khiêu chủ biên, Nxb. Hà Nội, 2004, thì Lý Bí sinh năm 499.

tướng Lý Phục Man: «ông được gả công chúa Lý Nương, ban cho ông họ Lý và chức Thiếu úy, được gọi là Phục Man tướng quân. Trở về quê quản lĩnh vùng đất Đỗ Động, Đường Lâm.»¹

Giáo sư Sử học Lê Văn Lan viết: «...Còn trong bộ “TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM” (Nxb. Khoa học xã hội, H., 1991, tr. 744): “Quê làng Giá, thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Ông được vua Lý phong tước Phục Man tướng quân, đổi theo họ vua là Lý, nên cũng gọi là Lý Tu hay Lý Phục Man, lại được vua gả công chúa Phương Dung cho... Mộ và đền thờ ông nay hãy còn di tích tại quê ông ở làng Giá.”

Như vậy ở đây có việc đồng nhất Phạm Tu với một vị thần là Lý Phục Man, được sách cổ “VIỆT ĐIỆN U LINH” chép từ đầu thế kỷ 14, và là vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết.»

Để tìm hiểu việc đồng nhất này, chúng ta thử dùng phương pháp “**phản chứng**” tạm giả thiết: lão tướng Phạm Tu chính là phò mã Lý Phục Man. Nếu vậy thì:

1. Một vị đứng đầu Ban Võ của Nhà nước Vạn Xuân-Tả tướng Phạm Tu, (Lý Phục Man) “được cử làm tướng quân coi giữ một miền biên cảnh”?² Có hẳn một Ban Võ, thì chắc chắn Nhà nước Vạn Xuân không thể để Lão tướng đứng đầu Ban Võ đi giữ biên cảnh phía Tây (Đỗ Động, Đường Lâm), trong khi vùng trọng yếu hơn vẫn là phía Bắc.

2. Lý Nam đế gả công chúa Phương Dung (Lý Nương) cho Phạm Tu sao? Nếu có sự kiện này chỉ có thể xảy ra từ năm 542 đến 545. Để làm rõ điều này chúng ta xét năm sinh của Lý Bí là 503;³ của Phạm Tu là 476; như vậy Phạm Tu hơn Lý Bí 27 tuổi. Nếu sớm nhất là năm 542, Lý Bí gả công chúa cho Phạm Tu (Lý Phục Man), lúc này Phạm Tu đã 67 tuổi; Lý Bí 40 tuổi và con gái của Lý Bí chắc cũng khoảng mười chín, đôi mươi. Một công chúa trẻ vậy mà Hoàng đế lại gả cho lão tướng đáng tuổi cha mình, đáng tuổi ông của công chúa sao?⁴

¹ Theo <http://www.bachkhoatoanthu.gov.vn/>-Bản quyền thuộc Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn “Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam”, Tổng biên tập: GS. TS. Hà Học Trạc. (Tổng biên tập nay là PGS. TS. Phạm Hùng Việt)

² Theo GS. Trần Quốc Vượng

³ Nếu Lý Bí sinh năm 499 thì cách chứng minh vẫn phù hợp.

⁴ Thời xưa đàn ông gần 70 tuổi vẫn lấy vợ khoảng 20 tuổi, nhưng người con gái ấy chỉ là con nhà bình dân, không bao giờ xảy ra với con vua chúa đang thịnh trị. Điều chúng ta nhận

Việc ban quốc tính thực hiện đại trà ở thời Lê Thái Tổ, ở thời hậu Lý không phổ biến mà nhà vua thường ban cho một số nhân vật tiêu biểu. Còn thời tiền Lý trước đó hơn 5 thế kỷ, không lẽ Lý Nam đế thiên vị: ban cho Tả tướng Phạm Tu quốc tính là Lý Tu, mà Trưởng Ban Văn-Tĩnh Thiệu, Thái phó-Triệu Túc không được ban quốc tính?

Trong khi đó từ khi Lý Bí khởi nghĩa (541) đến lúc ông mất (548) là bảy năm, mà Phạm Tu là lão tướng còn phò mã Lý Phục Man là vị tướng trẻ tuổi. Không hiểu vì “con có” gì mà chúng ta có thể chấp nhận hai người này là một? Xét theo tuổi tác, các nhân vật thời này có thể chia hai thế hệ:

1. Phạm Tu (476-545), Triệu Túc, Tĩnh Thiệu (2 vị này có thể ở đầu thế hệ thứ 2)
2. Lý Thiên Bảo (499-555), Lý Bí (503-548), Phạm Tĩnh (theo tư liệu dòng họ: ông là con Phạm Tu), Lý Phục Man¹, Triệu Quang Phục (?-571), Lý Phật Tử (?-602-?)², ...

Điều chúng ta có thể thấy: Lý Phục Man là một tướng quân trẻ tuổi, tài giỏi nên được Lý Nam đế gả công chúa. Vùng phò mã cai quản cũng là vùng quê của Lý Bí. Có phải chính Lý Phục Man là người bảo vệ bên cạnh Lý Nam Đế, rồi sau về động Khuất Liêu. Nên rất có thể Lý Nam đế và Lý Phục Man cùng mất năm 548 ở động Khuất Liêu.

Từ những suy luận nêu trên cho thấy: việc đồng nhất hai nhân vật lịch sử Phạm Tu (476-545) và Lý Phục Man (?-548) là thiếu cơ sở. Rõ ràng là cuốn “*TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM*” in năm 2006³ có nêu hai nhân vật riêng biệt, không coi Phạm Tu và Lý Phục Man là một người như cuốn sách cùng tên in năm 1991. Đó là một kết luận hợp lý!

*

thấy vua thường hay gả công chúa cho con các vị khai quốc công thần. Nên có thể có việc Lý Nam Đế gả công chúa cho con trai của Tả tướng Phạm Tu?

¹ Theo NLG thì Lý Phục Man sinh năm 514 còn theo *Sự tích* thì ông sinh trong khoảng 505-515

² Lý Phật Tử bị bắt về Trung Quốc năm 602, mà năm 555 đã thay Đào Lang Vương Lý Thiên Bảo. Khi thua ở hồ Điển Triệt năm 546, Lý Phật Tử đã cầm quân cùng Lý Thiên Bảo, lúc đó Lý Phật Tử ở độ tuổi 20. Thì ra Lý Phật Tử sinh trước năm 530, khi bị bắt đã trên 70 tuổi (?). Có thể sau Triệu Việt vương 2 đời vua Lý Phật Tử là Lý Phật Tử cha (Lý Xuân) và Lý Phật Tử con (Lý Sư Lợi).

³ Đây là bản của GS. Đinh Xuân Lâm và Trương Hữu Quýnh chủ biên; có thể bộ mới in năm 2006 của tác giả Nguyễn Q. Thắng vẫn đồng nhất hai nhân vật.

Theo hoạt động năm 2008 của Bộ môn Cận tâm lý thuộc Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người thì nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng đã xác định mộ của danh tướng Phạm Tu ngay trong khuôn viên trụ sở UBND thành phố Hà Nội¹ - một ngôi mộ cổ cách nay gần 15 thế kỷ. Nếu đây là sự thật thì sẽ xóa đi việc tồn nghi cho là Lão tướng mất ở động Khuất Liêu vào năm 548 và không thể có mộ của Phạm Tu ở làng Giá (xã Yên Sở, Hoài Đức). Một lần nữa khẳng định chính xác: Lão tướng Phạm Tu (476-545) quê ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Người hy sinh trong trận chiến chống quân Lương ở chiến thành cửa sông Tô vào ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu (545)². Từ lúc sinh ra đến khi hiển hóa, ông đã gắn bó với mảnh đất núi Nùng sông Tô³ với dấu ấn không phai mờ không ai có thể phủ nhận được công lao của ông với mảnh đất này cùng sự phát triển Thăng Long Hà Nội trải qua nghìn năm văn hiến.⁴

¹ Điều này phù hợp với sử sách do: Mùa hè năm Ất Sửu (545), quân Lương sau khi đã đẩy lui quân do Lý Nam Đế trực tiếp chỉ huy ở Chu Diên, gặp sự chống cự quyết liệt của quân dân Vạn Xuân do Tả tướng Phạm Tu chỉ huy ở cửa sông Tô Lịch. Phòng tuyến then chốt này đã cản bước tiến của quân Lương, chặn quân giặc đánh thẳng vào kinh đô Vạn Xuân, giúp cho Lý Nam Đế rút quân lên trung du để củng cố lực lượng. Những ngày giữa tháng 7, lão tướng Phạm Tu sau nhiều năm xung trận, gặp lúc hiểm nghèo đã hy sinh vì nước ngay ngoài chiến tuyến. Ông được đưa về đại bản doanh gần đó, quân sĩ mai táng cho vị đại tướng tại đây. Sự mất mát to lớn đó đã làm quân ta thêm suy yếu, giặc phá được thành.

Trải qua 5 năm chống giặc Lương (545-550), đất nước giữ tiếp được quyền tự chủ trên 50 năm (550-602). Ngôi mộ đã tồn tại được qua thời gian ngay bờ bãi sông Hồng từ xa xưa giữa lau sậy um tùm, phải có sự chăm lo của con cháu danh nhân Phạm Tu là những người có vị trí dưới triều Triệu Việt Vương và Hậu Lý Nam Đế.

Cửa sông Tô xưa được xác định ở đoạn phố Chợ Gạo ở đầu cầu Chương Dương: Từ UBND Thành phố Hà Nội đến phố Chợ Gạo khoảng 900m theo đường chim bay.

² Sau 14 thế kỷ (1946-545=1401 năm), Việt Nam lại chống Pháp tại mảnh đất vùng chiến thành cửa sông Tô xưa kia (thuộc phía đông phố cổ Hà Nội nay) trong một thế trận ở giai đoạn đầu tương tự và với chiều dài 8 năm đã dành thắng lợi vẻ vang "*chấn động địa cầu*". Cũng giống cục diện như cuộc kháng chiến chống Pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước Vạn Xuân non trẻ đã chống quân Lương tái chiếm năm 545, Lý Nam Đế rút lên vùng trung du, đến khi Triệu Quang Phục về đầm Dạ Trạch đã tạo ra một "Điện Biên Phủ" từ thế kỷ thứ VI, đến năm 550, giặc Lương phải rút quân.

³ Theo thần tích Đình Ngoại, cuộc đời của Lão tướng đã gắn liền với dòng sông Tô, hy sinh trên đất hương Long Đỗ cổ. Là vị cao niên gắn bó với mảnh đất quê hương, do vậy chính ông là người đã tham mưu cho Lý Nam Đế rời dốc sức cùng quân dân lập kinh đô Vạn Xuân sau đó là chiến thành cửa sông Tô để bảo vệ kinh đô non trẻ cách nay 15 thế kỷ.

⁴ Những hoạt động tâm linh mà ông thủ từ ở Đình Ngoại được biết giúp ông rút ra nhận xét vị Thành hoàng ở đây không bao giờ kể công trạng của mình, điều đó nằm trong cốt cách của

TRÍCH Ý KIẾN CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC

Theo GS. Lê Văn Lan: "... có việc đồng nhất Phạm Tu với một vị thần là Lý Phục Man, được sách cổ "Việt điện u linh" chép từ đầu thế kỷ 14, và là vấn đề sử học được nêu ra đã lâu nhưng chưa được giải quyết."

Cuốn thông sử mới nhất Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X, do Đỗ Văn Ninh chủ biên (2001) thận trọng chú thích: "Lý Phục Man là một nhân vật chưa xác định được rõ ràng nguồn gốc. Có người cho rằng Lý Phục Man với Phạm Tu là một. Vấn đề này cần được chứng minh."

Theo cuốn "Lịch sử quân sự Việt Nam", GS. Trần Quốc Vượng. Lê Đình Sỹ, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, Tập II:

Cuốn sách này không khẳng định việc có thể đồng nhất hai nhân vật: "Phạm Tu và Lý Phục Man là một hay hai người và quan hệ với nhau như thế nào, đây là một vấn đề được đặt ra từ rất lâu, nhưng chưa đủ cứ liệu khoa học để kết luận."

PGS. TS. Bùi Xuân Đính hiện là Viện trưởng Viện Dân tộc cũng đã đề cập đến vấn đề đồng nhất khi viết về Lý Phục Man:

"Tên chính của ông là Phạm Tu-một võ tướng, một trụ cột của triều đình Lý Nam Đế. Ý kiến này hiện vẫn chưa được giới khoa học khẳng định một cách chắc chắn". Xem "Hành trình về làng Việt cổ", Bùi Xuân Đính, Nxb. Từ điển Bách khoa, H. 2008, tập I mục về Quán Giá ở trang 329. Tập sách này nói về các làng cổ xứ Đoài trong đó dành phần chính giới thiệu về Làng Sáu Giá-Yên Sở chính là quê hương của Lý Phục Man. Tác giả Bùi Xuân Đính là một người xứ Đoài, ông nghiên cứu sâu về lĩnh vực làng Việt cổ. Bản thân ông khi viết về làng Thanh Liệt cũng ghi "Thế kỷ thứ VI, làng Thanh Liệt sản sinh một người con trở thành vị tướng tài là Phạm Tu (476-548)"

Theo thông tin từ Nxb. Hà Nội, khi họp nghiệm thu bản thảo cuốn: "Thăng Long-Hà Nội những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm" của PGS, TS Lê Đình Sỹ, có nhận xét của PGS, TS. Viện trưởng Viện Sử học Nguyễn Văn Nhật là: Một số khái niệm cần thống nhất: Lý Phục Man và Phạm Tu, là một người hay 2 người

Phạm Tu. Khi đã trở thành hồn thiêng sông núi thì công lao cũng là phù du không cần kể mà người đời sau cần tự tìm hiểu. Ở đây, chúng ta có thể thấy sự khác biệt nội tâm của hai nhân vật khi đọc đoạn văn cho là thần Lý Phục Man "xin trình rõ vài điều mạo muội, hầu mong thánh thượng nghe qua". (xem tr. 18, 52) Điều này không phủ định cống hiến của các vị mà qua đó chúng ta có thể thấy sáng tác văn học nhiều khi không phản ánh hết phẩm chất cao cả của danh nhân đã hóa Thánh Thần.

(Tr. 47, 48), Đặc biệt là ý kiến của GS Phan Huy Lê kết luận: “***Quan điểm về Phạm Tu và Lý Phục Man là 1 người hay 2 người hiện nay chưa thống nhất, tác giả không nên khẳng định.***”

Nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc không tán thành quan điểm đồng nhất hai nhân vật này. Theo ông, danh nhân Phạm Tu ghi trong sử sách, thần Lý Phục Man được nhân dân tôn thờ đều là những nhân vật rạn rỡ với Đất nước, rất xứng đáng. Không phải gượng ép đồng nhất để mong muốn đề cao một người, đó là điều không cần thiết.

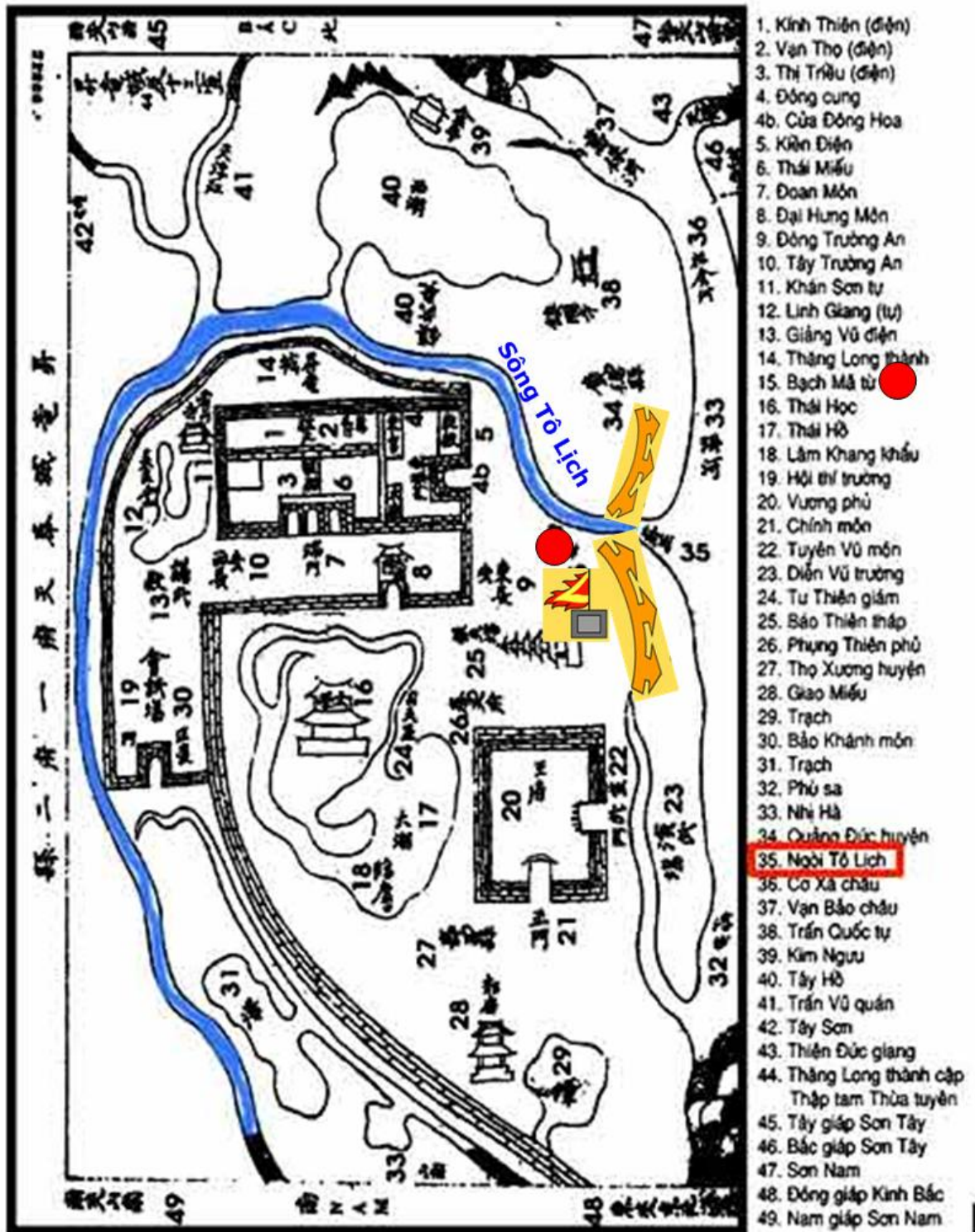
NHỮNG CÔNG HIẾN CỦA LÃO TƯỚNG PHẠM TU

Phạm Tu xứng đáng là ngôi sao sáng mãi với những công hiến cho Đất nước nói chung và Kinh đô nước Việt nói riêng:¹

1. ***Khai quốc công thần triều Tiền Lý, đứng đầu Ban Võ nhà nước Vạn Xuân (vị Tổng chỉ huy đầu tiên khi nhà nước Việt có bộ máy chính quyền)***
2. ***Sinh ra bên bờ sông Tô; ở tuổi 70, Ông đã hy sinh ngay ở chiến thành vùng cửa sông Tô trên đất hương Long Đỗ cổ***
3. ***Đánh giặc Bắc: có công lớn trong việc hạ thành Long Biên, giải phóng đất nước, rồi kháng chiến chống quân Lương xâm lược***
4. ***Đuổi giặc Nam: người Việt Nam đầu tiên cầm quân giữ yên bờ cõi phía Nam***
5. ***Tham mưu cho Lý Nam Đế lập kinh đô, chiến thành cửa sông Tô ở vùng đất Hà Nội thời tiền Thăng Long***

...

¹ Nội dung 3, 4 làm rõ ý nghĩa “***Cự Bắc, Bình Nam***” mà Phạm Tu được Hoàng đế ban thưởng.



Sở chỉ huy của Phạm Tu



Thành lũy cửa sông Tô Lịch

Lược đồ chiến thành cửa sông Tô Lịch (dựa trên bản đồ thành Thăng Long)

Nguồn ảnh <http://vtc.vn> được vẽ bổ sung

THAY LỜI KẾT

Qua các tài liệu lưu hành 50 năm trở lại đây mà chúng tôi đã khảo sát, ở các tài liệu có trước năm 1980, đặc biệt quan trọng là ba tấm văn bia cổ ghi sự tích của Quán Giá không có một chỗ nào đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu. Đáng chú ý là quốc sử của ta và Trung Quốc cùng hệ thống sách giáo khoa đã không đồng nhất hai nhân vật này. Đến nay có thể khẳng định: tài liệu hiện có về Lý Phục Man phát hành trước năm 1980 không đủ cơ sở cho ông là Phạm Tu người đứng đầu ban Võ nhà nước Vạn Xuân. Tài liệu về Phạm Tu cũng không thể chứng minh ông là Lý Phục Man. Trong khi thông tin về tiểu sử hai nhân vật cũng là riêng biệt mà không thể đồng nhất được: đó là quê hương, tên họ hai vị thân sinh và năm sinh của từng nhân vật. **Về tư liệu, có nhiều mâu thuẫn, thiếu cơ sở nên không thể đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu.**

Tuy vậy vẫn xảy ra suy đoán trong dân gian, nhưng không đủ cơ sở về khoa học lịch sử. Phải tìm hiểu kỹ lưỡng để hiểu tường tận vấn đề này. Người viết lại *Sự tích tướng công Lý Phục Man* (bản quốc ngữ đã nêu cuối cuốn “*Văn bia Quán Giá*”) đã có nhiều hư cấu không thích hợp và không đứng tên dưới tài liệu soạn lại của mình mà chỉ viết dạng tài liệu tuyên truyền trong làng. Chúng ta thấy *sự tích* thường để giải thích điều gì đó bằng câu chuyện về thời xa xưa không rõ có thực hay không.

Một góc độ khác, huyền bí giữa thực và ảo-vấn đề tâm linh có thể liên quan đến sự xuất hiện của thần Lý Phục Man: ***Vào năm 1016, danh tướng Phạm Tu có hiện về trong giấc mộng của Lý Thái Tổ mà xưng là thần Lý Phục Man hay không?*** Ngày nay, câu hỏi đó phải nhờ sự giải đáp của vị Thành hoàng Thăng Long-Hà Nội để loại trừ sự hoài nghi kéo dài bấy lâu.

Theo thần tích của hai làng: Hãy để quê hương của Phạm Tu ở làng Quang Liệt (Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội) và thần Lý Phục Man ở làng Giá (Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội) là một cách làm tôn trọng lịch sử. Không có cơ sở đồng nhất, hãy sử dụng tư liệu về từng nhân vật riêng biệt, không nên lẫn lộn để làm phức tạp vấn đề.

Hà Nội, tháng 10. 2009

Tháp Bút

NHỚ VỀ LÃO TƯỚNG PHẠM TU

CHÍ KHÍ TUỔI CAO

*Ai về Đình Ngoại mà coi
Cây muỗm đại thụ nẩy chồi đâm bông
Muôn cây mang dáng hình sông
Muỗm là thế núi để trông yên bình
Sừng sững đứng phía bắc Đình
Phải chăng Tả tướng hóa mình cây cao*

*Là cây đứng ở cổng chào
Thế là tứ trụ đã trao sẵn sàng
Này quân Lâm Ấp lán sang
Lục tuần Ngải vẫn vững vàng việc quân
Một lòng vì nước vì dân
Phù trì dựng nước Vạn Xuân ban đầu
Giặc Lương không dễ thắng đâu
Nhưng vì vận nước còn sâu đêm trường*

*Tuổi cao chí khí làm gương
Anh hùng không hổ con đường kiếm cung
Ba quân phục một lòng trung
Cây cao bóng cả sống cùng non sông*

THÀNH TÂM

Cảm xúc trước sân Đình Ngoại: Dịp Tết Nguyên Tiêu, đất trời Thăng Long-Hà Nội thật đẹp. Xuân ở Đình Ngoại càng tươi sắc. Hòn non bộ hình chữ ***Tâm*** ngay trước sân đình sáng rực lên nhờ hoa sống đời (còn gọi hoa bông) nở đỏ. Tháp bút khai bút đầu năm lên trang mây những chữ thư pháp gửi hồn dân tộc. Mây bay bay mang thông điệp đến các vùng miền của Tổ quốc. (xem ảnh trang 1)

*Chữ Tâm đứng trước cửa Đình
Cho nên con cháu dòng mình hẹn nhau
Xây cho đất nước đẹp giàu
Làm cho con cháu mai sau lẫy lừng
Ngày xuân tiếp bước vui mừng
Thêm bầu khí ấm đến từng tộc gia
Suốt đời từ trẻ đến già
Tri ân Tiên Tổ ấy là đạo con.*

Đình Ngoại, Nguyên Tiêu Mậu Tý



HỒ NGỌC XANH

*Hồ Ngọc thanh thang sáng trời Nam,
Soi bóng đại thụ đất Thanh Đàm.
Chu công lập am trên đất thánh,
Anh hùng Phạm tướng sáng sử xanh.*

*Một sớm Rằm xuân đến cửa Đình,
Thân mình đây phải là phận cháu?
Dăm chục đời, nghĩ vẫn thơm hương!
Mỗi phận cháu con ấm từ đường
Sức chung hợp cùng vun cội Phúc
Cây không trồng, thêm Đức nhớ chăm!*

*Nhớ buổi trưa hè trời trong vắt
Mặt hồ xanh mát màu sen non.
Hoàng lan soi bóng người ngay thẳng
Nắng vàng rực rỡ mái đình cong.
Nếu có thông dong người hãy lại
Hai mươi tháng bảy, hóa Phạm công.
Này buổi Đình đông, người muôn xứ
Chẳng hẹn cùng dâng nén tâm hương.
Trước Đô Hồ-gương sáng ngàn năm
Gạt bụi trần, đẹp bóng hồn trong.*

THIÊN LIÊNG HỒ GƯƠM

*Ngàn năm rực rỡ đất Thăng Long,
Nhớ buổi sơ khai dựng chiến thành,
Quân dân Vạn Xuân cùng đánh giặc,
Kiên cường trận tuyến chống xâm lăng.*

*

*Triều Tiên Lý gây nên độc lập:
Lão tướng tuổi cao tròn thất thập
Vẫn hiên ngang chặn bước bạo tàn
Người ngã xuống, hồn thiêng giữ đất.
Dân tộc đêm trường mấy trăm năm
Cho tới ngày tự chủ hoàn toàn
Từ Hậu Lý thành kinh đô mãi mãi,
Ba sáu phố phường qua chiến tranh
Dòng tên người khắc vào lịch sử.
Gan dạ anh hùng, hồn Dân tộc
Giữ Thủ đô, bảo vệ Nước nhà.*

*

*Với chiều dài mười lăm thế kỷ,
Bên Hồ Gươm không thấy cửa sông
Mà xán lạn anh hùng dân tộc:
Phạm Tu xông pha giữa trận tiền
Đã hy sinh trên mảnh đất thiêng.
Vị minh quân là Lý Thái Tổ
Dời đô về giữa đất Rồng Tiên,
Để xây nên nước Việt vững bền.
Lấy lòng ba cuộc chống quân Nguyên,
Hung Đạo vương là viên ngọc sáng.
Hùng tráng bản trường ca giữ nước
Giặc Minh hung bạo phải cụp đuôi,
Hồ Gươm đó, vua Lê trả kiếm:
Dân tộc ta muốn mãi hòa bình,
Mà tận trời xa, Pháp-Mỹ sang
Phải khuất phục giữa lòng Hà Nội:
Bê-năm-hai cháy sáng bầu trời,*

*Đời sống mãi những người quyết tử
Trong hòa bình, rộn rã tiếng ca
Vang, vang vọng lời thơ bất hủ:
“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.”*

*

*Tháng mười hoa sữa nở thơm
Hương sắc Thủ đô ngày giải phóng,
Nhìn Hồ Gươm rực sáng đèn hoa
Thấy những anh linh ngời đất Việt
Hồn thiêng sống mãi với non sông.
Cha ông xả thân vì con cháu,
Hãy nhớ ơn kia hỡi Đồng bào!*

Hồ Gươm, ngày giải phóng Thủ đô 2008



ảnh nguồn: www.wikimapia.org

XÁC ĐỊNH NHỮNG NƠI THỜ DANH TƯỚNG PHẠM TU

Theo cuốn “*Thành hoàng Việt Nam*” của Phạm Minh Thảo (Nxb. Văn hóa thông tin, H., 1997, tập II, tr. 565), cùng những chuyến điền dã của chúng tôi về Đình Ngoại: nơi thờ chính thức của Phạm Tu ở Đình Ngoại, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Chính quê ông còn có miếu Vực thờ ông cùng hai vị song thân là Phạm Thiều và Lý Thị Trạch.

Phần mộ của ông trên vùng đất cửa sông Tô Lịch (nơi ông ngã xuống khi chống quân xâm lược nhà Lương năm 545) cũng là một địa chỉ tâm linh quan trọng.

Bên cạnh đó, qua cuốn “*Linh thần Việt Nam*” của GS. Vũ Ngọc Khánh và Phạm Minh Thảo (Nxb. Văn hóa Thông tin, H. 2002), còn tìm được 3 địa phương có thờ vị Đô Hồ Đại vương, tuy nhiên chưa xác định được những nơi đó có phải chính là nơi thờ Đô Hồ Đại vương Phạm Tu hay không.

1. Xã Linh Khê, Nam Sách, Hải Dương thờ 3 vị đại vương: Uy Minh, Quy Chân, **Đô Hồ đại vương**
2. Xã Hương Vân, tổng Nội Viên, huyện Tiên Du, Bắc Ninh thờ **Đô Hồ đại vương** và Hải Tịnh phu nhân công chúa
3. Xã Nhân Hào Thượng, tổng Sài Trang, Yên Mỹ, Hưng Yên thờ **Đô Hồ tể thể đại vương**

(**Phạm Tu-Nơi thờ cúng** đăng trên <http://vi.wikipedia.org/>)

Ngoài ra, ở đình Hà Trì thuộc quận Hà Đông có thờ **Đô Hồ đại vương** (không rõ tên thật), nhưng theo thần tích thì đó là một nhân vật làm quan cuối thời Trần, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn.

Theo cuốn “*Địa chí Hà Tây*” của Sở Văn hóa thông tin Hà Tây, xuất bản 2007 thì thần tích làng Ngọc Than thuộc Quốc Oai (bản *Vạn Xuân quốc đế ký* có ký hiệu AE. A10/27 lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm) cho rằng Phạm Tu tên thật là Phạm Chí (?)

Làng Ngọc Than xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai có thờ Phạm Tu. Trong hàng trăm di tích thờ Lý Nam Đế, Lý Phục Man, ... có thể nhiều nơi cũng thờ danh tướng Phạm Tu-vị khai quốc công thần nhà Tiền Lý đã để lại dấu ấn không phai mờ đối với kinh đô Vạn Xuân trên đất tiền Thăng Long.

Bên Hồ Tây có di tích từ thời Tiền Lý: đền Bái Ân, chùa Khai Quốc (chùa Trấn Quốc ngày nay), chùa Kim Liên, chùa Bát Tháp, am Phúc-Lộc-Thọ ở Trích Sài thờ phu nhân Vạn Thọ (tên gọi gắn liền với điện Vạn Thọ-nơi triều hội) và 2 công chúa (Vạn Phúc, Vạn Lộc) con gái của Lý Nam đế có công diệt thủy quái Hồ Tây. Rất có thể Kinh đô Vạn Xuân cũng được xây dựng ở vùng này vì Tô Lịch Giang thành chính là vị yết hầu bảo vệ Kinh đô được xây dựng đầu tiên trên đất phía nam sông Hồng vào thời tiền Thăng Long.

ĐƯỜNG VỀ ĐÌNH NGOẠI, XÃ THANH LIỆT, THANH TRÌ, HÀ NỘI



ảnh nguồn: www.wikimapia.org

Đến thăm Đình Ngoại bằng phương tiện vận tải công cộng, thuận tiện nhất là đi xe buýt số 37 (Chương Mỹ-Bến xe Giáp Bát)

xuống ở điểm dừng UBND xã Thanh Liệt cạnh đình thờ Chu Văn An

MỤC LỤC

Lão tướng Phạm Tu	6
I. Những tư liệu đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu	11
Sự tích tướng công Lý Phục Man	11
Phạm Tu (486-545) theo Hà Nội portal	14
Võ tướng Phạm Tu	14
Danh tướng Phạm Tu – Lý Phục Man là một hay hai người	16
Lời giới thiệu trong cuốn Sự tích đức thánh Giá	32
II. Tư liệu về Phạm Tu	36
Khảo sát thêm về miếu và đình thờ Long Biên hầu Phạm Tu	36
Câu ca dao về Phạm Tu	41
Phạm Tu (theo Vũ Tuấn Sán)	42
Phạm Tu (476-545) theo cuốn <i>Họ Phạm trong cộng đồng dân Việt</i>	44
Một số sự kiện và công trình nghiên cứu gần đây về danh tướng Phạm Tu	46
Danh tướng Phạm Tu (476-545), vị khai quốc công thần triều Tiền Lý	47
III. Tư liệu về Lý Phục Man	51
Lý Phục Man xuất hiện lần đầu tiên trong mộng của Lý Thái Tổ	51
Chứng An Minh Ứng Hựu Quốc Công	52
Quán Giá và tướng Lý Phục Man	57
Đền An Sở	59
Lý Phục Man, Quán Giá (theo Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam)	61
Đình không xà, làng bảy ba giếng	62
VI. Đi tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu	65
1. Tìm cơ sở đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu qua tài liệu cổ	65
2. Xác định thời gian xuất hiện việc đồng nhất Lý Phục Man với Phạm Tu	67
3. Trả lời một số ý kiến của người viết blog Người làng Giá về danh tướng Phạm Tu ở Thanh Liệt	69
4. Góp ý với tác giả Trương Sỹ Hùng và BBT <i>Thông báo Hán Nôm 2009</i>	73
5. Sự tích về Lý Phục Man, những điều khó đứng vững trong cuộc sống và trong lịch sử Dân tộc	79
6. Những cuốn sách viết về danh tướng Phạm Tu và Lý Phục Man	85
7. Tìm cơ sở đồng nhất từ văn bia Quán Giá	93
8. Điều rút ra từ công trình nghiên cứu về Lý Phục Man của GS. Nguyễn Văn Huyền	98
9. Có đồng nhất tả tướng Phạm Tu với phò mã Lý Phục Man được không?	99
Trích ý kiến của các nhà khoa học	103
Những công hiến của lão tướng Phạm Tu	104
Thay lời kết	106
Nhớ về Lão tướng Phạm Tu	107